

Trung Phong Tam Thời Hệ Niệm Pháp Sư Toàn Tập Giảng Ký

Phần 9

Chủ giảng: Lão pháp sư Thích Tịnh Không
Giảng tại: Tịnh Tông Học Hội Úc Châu
Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa

Tập 25

Chư vị đồng học!

Chúng ta xem tiếp tiểu đoạn thứ năm:

"A Di Đà Phật thị vạn đức hồng danh, dĩ danh triệu đức, khánh vô bất tận. Cỗ tức dĩ chấp trì danh hiệu vi Chánh Hạnh, bất tất cánh thiệp quán tưởng, tham cứu đẳng hạnh, chí giản dị, chí trực tiệp dã" (A Di Đà Phật là vạn đức hồng danh, dùng danh để chiêu vời đức không còn sót chút nào. Vì thế, bèn lấy chấp trì danh hiệu làm Chánh Hạnh, chẳng cần phải tu kèm thêm các hạnh quán tưởng, tham cứu..v.v.. [Trì danh niệm Phật] hết sức đơn giản, dễ dàng, hết sức thẳng chổng). Tiểu đoạn này chỉ cho chúng ta thấy chỗ thù thắng chẳng thể nghĩ bàn của pháp môn này, đúng là pháp khó tin, quá dễ dàng, quá đơn giản; bởi thế, rất nhiều người được biết đến pháp này nhưng không thể nào tiếp nhận được.

Danh hiệu A Di Đà Phật là vạn đức hồng danh, nghĩa là sao? Danh hiệu ấy là danh hiệu của tự tánh, là danh hiệu của Tánh Đức. A Di Đà Phật là tiếng Phạn, nếu chiếu theo mặt chữ để dịch nghĩa ra thì A là Vô, Di Đà là Lượng, Phật dịch là Giác, hoặc là Trí; dịch nghĩa toàn bộ danh hiệu sang tiếng Hán là Vô Lượng Trí hoặc Vô Lượng Giác. Quý vị hãy suy nghĩ danh hiệu này, Vô Lượng Trí là bản thể của tự tánh; Vô Lượng Giác là đức dụng của tự tánh, bao quát hết sạch! Bởi thế, cổ đức gọi danh hiệu này là "vạn đức hồng danh", tức danh hiệu [nêu lên] toàn thể đại dụng của Chân Như tự tánh.

"Dĩ danh triệu đức, khánh vô bất tận" (Dùng danh hiệu để chiêu vời đức trọn chẳng còn sót): Danh nhất định phải tương ứng với Thực. Chúng ta niệm danh hiệu này để chiêu vời đức của ai? Chiêu vời đức của tự tánh, chiêu vời lấy tánh đức của chính mình. Nói cách khác, dùng một câu danh hiệu để kêu gọi, lay tỉnh tự tánh, tìm lại Tánh Đức của chúng ta. Thể và Dụng trong tự tánh của chúng ta không hề bị mất, chỉ bị gì? Bị mê mà thôi! Dùng một câu Phật hiệu này để phá vỡ cái ả mê muội, hồng chuộc lại Thể và Dụng của tự tánh. Nếu quý vị hiểu rõ đạo lý này, ắt mới chết sạch ý tưởng so đo, khiêm hư sát đất chấp trì danh hiệu, mới hiểu danh hiệu này

và pháp môn này; mà cũng chẳng thể tìm đâu ra pháp môn nào khác thù thắng hơn được pháp môn này; đã thế, pháp môn này lại rất dễ dàng, rất đơn giản!

Tất cả hết thảy mọi thứ trong khắp hư không pháp giới đều bao gồm trọn vẹn trong danh hiệu này, "*khánh vô bất tận*" (trọn không còn sót). Trong Phật pháp có hai câu nói nếu như chúng ta thực sự có thể lãnh hội được thì quý vị sẽ hiểu rõ [vì sao nói "*khánh vô bất tận*"]: "*Tâm bao thái hư, lượng châu sa giới*"; hai câu này chúng ta nghe đã quen tai, cũng như nói quen miệng, nhưng chúng có nghĩa là gì vậy? Người thực sự hiểu được không nhiều, đó là toàn thể pháp giới đấy. Con người hiện tại bảo là vũ trụ; còn trong Phật pháp gọi là pháp giới. Chữ "*pháp giới*" hay hơn chữ "*vũ trụ*" nhiều, vì sao? Trong danh từ "*vũ trụ*" không có "linh tri", trong pháp giới có "linh tri". Pháp giới sống động, vũ trụ chết cứng. Vì thế, từ ngữ "pháp giới" hay hơn "vũ trụ". Phạm vi của vũ trụ không lớn như pháp giới, bởi lẽ, pháp giới trùng trùng vô tận. Pháp giới không có lớn - nhỏ, không có đến - đi, không có sau - trước, không có sanh - diệt, không có hữu - vô, mầu nhiệm đến mức cùng tuyệt, chẳng thể nghĩ bàn! Chữ "vũ trụ" không chứa đựng những tư tưởng ấy.

Danh tướng trong Phật học rất thù thắng! Danh dùng để chiêu vời đức. Danh hiệu A Di Đà Phật là tổng danh hiệu (danh hiệu chung, danh hiệu tổng quát). Nói theo danh từ, thuật ngữ trong Phật pháp, danh hiệu ấy là tổng danh hiệu, [có nghĩa là] danh hiệu của tất cả hết thảy chư Phật đều lưu xuất từ danh hiệu này, danh hiệu của tất cả hết thảy Bồ Tát cũng lưu xuất từ danh hiệu này; tất cả hết thảy danh hiệu của hết thảy chúng sanh vẫn không thể tách rời được danh hiệu này. Đó chính là điều được phô diễn bởi kinh Hoa Nghiêm, chúng tôi đã đọc thấy như vậy trong phẩm Như Lai Danh Hiệu. Bởi vậy, "*tức dĩ chấp trì danh hiệu vi Chánh Hạnh*" (liền lấy chấp trì danh hiệu làm Chánh Hạnh). Tu pháp môn Tịnh Độ vắng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới phải tu như thế nào? Chánh Hạnh, tức phương pháp tu hành chánh thức, chính là Niệm Phật. Phật pháp phải phá chấp trước, nhưng pháp môn này lại dùng chấp trước, tức là chấp trước danh hiệu; ngoại trừ danh hiệu ra, tất cả hết thảy những thứ chấp trước khác đều buông xuống, không còn chấp trước nữa, chỉ chấp trước danh hiệu mà thôi! Giữ gìn sao cho niệm niệm không đánh mất danh hiệu này là Trì (持); niệm niệm đều là A Di Đà Phật, đó chính là Trì. Hãy nhớ kỹ! A Di Đà Phật là "Vô Lượng Trí, Vô Lượng Giác"; nói cách khác, niệm niệm giác chứ không mê, niệm niệm chánh chứ không tà, niệm niệm tịnh chứ không nhiễm, đó là tự tánh A Di Đà! tự tánh Tam Bảo, Tam Bảo là nhất thể, một nhưng ba, ba mà một!

Ngoài ra, quán tưởng, tham cứu, trì chú, nghiên cứu giáo pháp thảy đều không cần đến, chẳng cần phải xen tạp những thứ ấy, cứ niệm một câu A Di Đà Phật đến cùng cực! "*Chí giản dị*" (hết sức đơn giản, dễ dàng); chí (至) là đạt đến mức cùng cực, đơn giản đến cực độ, dễ dàng đến hết mức. Đơn giản, dễ dàng; lại còn thẳng chóng, không vòng vèo, thẳng chóng hướng về đâu? Thẳng chóng đạt đến minh tâm kiến tánh, thẳng chóng đạt đến Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, thẳng chóng đạt đến Phật quả viên mãn rốt ráo. Bởi thế, có người hỏi (không phải người hiện tại hỏi, mà là cổ nhân hỏi): "Đến Tây Phương Cực Lạc thế giới sẽ tu pháp môn nào?" Thuyết giáo thích ứng căn cơ, [bèn đáp]: "Tùy thuộc quý vị muốn tu pháp môn nào, có thể thành tựu được pháp môn nào. Hoan hỷ!" Rất hay! Thưa thật cùng quý vị: Đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, quý vị sẽ đổi chủ ý. Đổi chủ ý ư? Chỉ một câu A Di Đà Phật này niệm đến cùng cực, không còn hành pháp môn nào khác nữa. Vì sao? Tất cả hết thảy pháp môn đều bao trọn trong một câu A Di Đà Phật, tức là "*vạn pháp quy nhất*", "*nhất*" là tự tánh. A Di Đà Phật là tánh thể, tánh đức, tánh tướng, tánh dụng.

Vì vậy, chỉ cần quý vị khế nhập cảnh giới – trong kinh luận, tổ sư đại đức đã nói rất rõ – nếu quý vị niệm Phật đạt đến Lý nhất tâm bất loạn sẽ tự nhiên thông đạt tất cả hết thảy pháp thế gian và xuất thế gian, quý vị còn phải học nữa ư? Bất luận pháp môn nào, có ai đến thỉnh giáo, quý vị sẽ đối đáp như nước chảy, chẳng cần phải suy nghĩ. Lạ lùng thay! Chẳng thể nghĩ bàn được! Trên thực tế, không lạ lùng chút nào hết! Do nguyên nhân nào? Pháp thế gian hay xuất thế gian đều do tự tánh biến hiện ra, đã do tự tánh biến hiện thì chỉ cần thấy được tánh, há có đạo lý nào chẳng biết? Quý vị chẳng hiểu rõ, chẳng hay biết duyên do cũng như nguyên nhân căn bản của hết thảy các pháp là vì sao? Vì quý vị mê mất tự tánh vậy!

Lúc niệm một câu A Di Đà Phật này đạt đến Lý nhất tâm bất loạn, thấy thấu suốt tự tánh, thấy trọn vẹn tự tánh, há lẽ chẳng thể giải quyết vấn đề ư? Há còn tìm lấy những phiền phức khác nữa ư? Những thứ phiền toái khác xen tạp vào đây là vì trong thế gian có những kẻ không biết, cứ đề xướng Thiền Tịnh song tu, Mật Tịnh song tu, lại còn có kiểu gì nữa? Thiền Tịnh Mật tam tu. Mọi người thế gian chúng ta thoạt nghe thấy vậy, ngỡ là thật siêu phàm, cao minh hết sức! Thật ra, người nội hạnh¹[1] biết kẻ ấy chỉ ôm đồm, dẫu có thể thành tựu đi nữa, cũng chẳng thể thành tựu sâu xa được! Vì sao? Tinh thần, sức lực bị phân tán, chia thành hai mặt, ba mặt, chẳng chuyên chú! Muốn thành tựu nhanh chóng thì phải chuyên chú nơi một môn, một mục tiêu, một phương hướng, nhanh chóng lắm! Không gì nhanh hơn thế! Cùng đi hai con đường một lúc, cùng đi ba con đường một lúc, khó

[1] "Nội hạnh nhân" là người thực sự tu tập, thông hiểu pháp môn, thật tu, thật chứng, khác với "ngoại hạnh nhân" là người chỉ biết lý thuyết chung chung, nói xuông.

lắm nghe! Chẳng dễ đâu, chậm chạp lắm! Bởi thế, pháp môn này thẳng chóng đạt thành đạo Vô Thượng, chúng ta phải hiểu cho rõ. Chỉ có thực sự hiểu rõ thì lòng tin mới kiên cố, nguyện mới không nghi, quyết định chẳng biến đổi, pháp môn chẳng thể nghĩ bàn! Tiếp theo là tiểu đoạn thứ sáu:

"*Biệt minh Tam Huệ*" (Riêng nói về Tam Huệ): Tam Huệ là pháp được tu bởi Đại Thừa Bồ Tát. Văn, Tư, Tu là Tam Huệ. Ở đây, lại chia thành ba tiểu đoạn:

1) Tiểu đoạn thứ nhất, "*cụ túc Tam Tư phương danh Văn Huệ*" (đầy đủ ba món tư lương mới gọi là Văn Huệ), rất khó được! Nguyên văn trong sách Yếu Giải là "*văn nhi tín, tín nhi nguyện*" (nghe rồi tin, tin rồi nguyện). Nguyện rồi lại có thể chấp trì, "*nãi khăng chấp trì, bất tín, bất nguyện, dữ bất văn đẳng! Tuy vi viễn nhân, bất danh Văn Huệ*" (dẫu chịu chấp trì, nhưng chẳng tin, chẳng nguyện, cũng giống như là chẳng được nghe, tuy tạo thành cái nhân xa xôi, nhưng chẳng thể gọi là Văn Huệ). Đó là nguyên văn trong sách Yếu Giải. Nếu không đầy đủ ba điều kiện này thì chỉ gọi là Văn (nghe), chứ không thể gọi là Văn Huệ. Đối với ba Huệ này, chỉ có thể gọi là Văn, Tư, Tu, chứ không có chữ Huệ. Phạm phu có Văn, Tư, Tu nhưng không có Huệ. Chẳng những phạm phu không có, xin thưa cùng quý vị, ngay cả Nhị Thừa cũng không có. Nhị Thừa tu Tam Học, Tam Học là Giới, Định, Huệ; Bồ Tát tu Tam Huệ Văn - Tư - Tu, Bồ Tát cao hơn Nhị Thừa.

Tam Huệ là Huệ nào? Chính là Huệ trong Giới - Định - Huệ; bởi lẽ, không có Giới, không có Định, lấy đâu ra Huệ? Nhất định phải hiểu rõ những thuật ngữ danh tướng này, nhất định chớ nên hiểu lầm. Đối với Giới - Định - Huệ, trí huệ mở mang, nhân Giới đắc Định, nhân Định khai Huệ, trí huệ mở mang! Trí huệ áp dụng vào cuộc sống thường nhật, áp dụng vào công việc, thể hiện trong cách xử sự, đãi người, tiếp vật, hoàn toàn là trí huệ. Sống trong trí huệ thì gọi là Tam Huệ, Tam Huệ Văn - Tư - Tu. Văn là gì? Văn là tiếp xúc: Mắt tiếp xúc sắc tướng, tai tiếp xúc âm thanh, mũi tiếp xúc mùi vị, sáu căn tiếp xúc cảnh giới sáu trần bên ngoài. Vừa tiếp xúc bèn hiểu rõ; thông đạt, hiểu rõ thì gọi là "*khai huệ*". Bởi thế, chữ Văn (nghe) đại diện cho sự tiếp xúc; dùng một chữ để đại diện chung, sáu căn tiếp xúc cảnh giới bên ngoài gọi là Văn. Huệ là hiểu rõ, thông đạt, hiểu tường tận. Trong sự hiểu rõ ấy, chắc chắn không lầm lẫn. Vì thế, từ sự tiếp xúc mà gọi là Văn, từ sự hiểu rõ bèn gọi là Tư.

Nói chung, bọn phạm phu chúng ta thường hay nghĩ: "Ta hiểu rõ rồi!" Các Ngài (các vị Bồ Tát) không cần nghĩ, vừa tiếp xúc bèn hiểu rõ, hể hiểu rõ bèn chắc chắn không lầm lẫn; không lầm lẫn thì gọi là Tu. Bởi vậy, Văn - Tư - Tu chỉ là một chuyện, tuyệt đối không gồm ba giai đoạn; chẳng phải là nghe xong mới bèn suy nghĩ, suy nghĩ xong xuôi mới bắt đầu tu, đó là gì vậy? Là phạm phu đấy, còn Bồ Tát thì sao? Tam Huệ Văn - Tư - Tu một nhưng ba, ba nhưng một, hoàn thành trong một sát-na, không có thứ tự

trước - sau gì cả! Có như vậy mới là Bồ Tát. Nghe xong, thấy xong còn phải suy nghĩ thì chưa phải là Bồ Tát, họa chẳng là Nhị Thừa; tuyệt đối chẳng rơi vào ý thức, cũng nhất định không phân biệt, không vọng tưởng, chấp trước, mà thông đạt, hiểu rõ. Tây Phương Cực Lạc thế giới là Đại Thừa, không phải là Tiểu Thừa. Vì thế, Tam Huệ nói ở đây là vừa nghe đến danh hiệu A Di Đà Phật, vừa tiếp xúc bèn tin sâu chẳng nghi, bèn phát nguyện cầu vãng sanh, bèn chất phác niệm Phật. Đó là Văn Huệ. Người như vậy thực sự thông minh, không hoài nghi, không xen tạp, thực sự thực hành, thực sự thành tựu! Chúng ta xem tiếp điều kiện thứ hai.

2) "*Tịnh niệm tương kế, vô hữu gián đoạn, cố danh Tư Huệ*" (Tịnh niệm tiếp nối, không gián đoạn, nên gọi là Tư Huệ). Ở đây, Ngẫu Ích đại sư giảng rộng hơn một chút, "*chấp trì tắc niệm niệm ức Phật danh hiệu, cố thị Tư Huệ*" (chấp trì là niệm niệm nhớ đến danh hiệu Phật, ấy là Tư Huệ). Niệm Phật: Niệm ở đây không phải là miệng niệm; vì thế, chẳng thể thêm chữ Khẩu vào chữ Niệm trong từ ngữ "niệm Phật". Có rất nhiều người thêm chữ Khẩu vào là sai mất rồi, hoàn toàn chẳng hiểu được ý nghĩa chữ Niệm Phật. Niệm Phật là trong tâm thực sự có Phật. Chữ Niệm trong tiếng Hán là hội ý²[2], xem cách viết chữ Niệm (念), quý vị sẽ hiểu được ý nghĩa: "*Kim tâm*" (今心), Kim (今) là hiện tại, trong cái tâm hiện tại có Phật thì gọi là Niệm Phật, chứ không nhất định phải niệm tại miệng, trong tâm thực sự có. Trong tâm không có Phật, có Phật ngoài miệng thì chẳng linh nghiệm, chẳng cảm ứng. Trong tâm thực sự có Phật, dầu miệng không có, liền có cảm ứng.

Vì sao vẫn cần phải niệm Phật ra tiếng? Trong tâm có Phật là tự lợi, niệm Phật ra tiếng là lợi tha. Dem Phật hiệu niệm ra không nhằm niệm cho chính mình, mà là niệm cho người khác nghe, niệm cho hết thảy chúng sanh nghe. Ta dẫn dắt hết thảy chúng sanh niệm Phật. Vì thế, niệm Phật ra tiếng công đức rất lớn, tự lợi, lợi tha. Nếu không niệm Phật ra tiếng thì chỉ có thể tạo lợi ích cho những người có công phu Thiền Định Bát Nhã khá sâu, vì sao? Những người ấy trông thấy tướng trạng [người niệm Phật] bèn được lợi ích. Đối với người có định lực và trí huệ Bát Nhã rất sâu thì nếu trong tâm quý vị có Phật, tướng trạng của quý vị sẽ khác hẳn. Tức là như thường nói "*một niệm tương ứng Phật, niệm niệm tương ứng Phật*". Trong tâm quý vị tưởng Phật, Phật hiện hữu trong tâm. Phật ở trong tâm bèn gia trì quý vị, tự nhiên gia trì, thân quý vị phóng quang minh sắc vàng ròng, tướng mạo đoan nghiêm, từ bi, an tường, người khác (tức người có trí huệ và định lực

2[2] Hội ý: Một trong sáu cách tạo chữ của tiếng Hán, ghép hai hay nhiều chữ lại để tạo thành một chữ mới. Chẳng hạn chữ Niệm ở đây gồm hai chữ Kim và Tâm ghép lại. Hoặc như chữ Minh (明: sáng) được ghép bởi hai chữ Nhật (日) và Nguyệt (月).

sâu) nhìn vào có thể thấy thân quý vị phóng quang, quang minh sắc vàng ròng, nhưng phàm phu chẳng được lợi ích, vì phàm phu không thấy được, họ đâu có năng lực ấy!

Thế nhưng niệm Phật [ra tiếng] lại thích hợp, vì nhĩ căn của phàm phu lanh lợi nhất, [trong kinh Lăng Nghiêm, Văn Thù Bồ Tát nói]: "*Sa Bà chân giáo thể, thanh tịnh tại âm văn*" (chân giáo thể cõi Sa Bà thanh tịnh nơi nghe tiếng). Bởi vậy, nếu quý vị niệm ra tiếng, rất nhiều chúng sanh vốn không có cách gì trừ được nghiệp chướng rất sâu, họ không tin tưởng, không tiếp nhận; dù họ không tin tưởng, không tiếp nhận, nhưng vẫn nghe thấy, nghe thấy thì sao? Gieo chủng tử vào A Lại Da Thức. Bởi thế, niệm Phật ra tiếng độ khắp ba căn, thâm tóm lợi căn lẫn độn căn. Đây chính là chỗ hay của việc Niệm Phật. Tâm chân thành, nguyện vọng khẩn thiết cầu sanh Tịnh Độ. Đó là Tư Huệ.

Đại sư giảng cho chúng ta biết có Sự Trì và Lý Trì. "Trì" là trì danh.

1) Thế nào là Sự Trì? Sự là trên mặt sự tướng. "*Quyết chí cầu sanh*", ta có chí nguyện quyết định cầu sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới. Tiếp đó là một câu tỷ dụ: "*Như tử ước mẫu*" (như con nhớ mẹ), giống như con tuy ở phương xa vẫn thường nhớ đến mẹ. Con không nói nhớ mẹ, nhưng trong tâm thực sự nghĩ đến. "*Vô thời tạm vong*" (không lúc nào tạm quên), đúng là trong hết thảy thời, tại hết thảy chỗ, trong tâm người ấy luôn chẳng rời mẹ, đó là Sự Trì. Thế nhưng con người hiện tại không được như vậy, đã sớm quên mẹ rồi. Thời cổ dùng tỷ dụ này thì đúng, đối với người hiện tại thì không đúng. Thời cổ được dạy từ nhỏ, cha mẹ dạy dỗ, thầy dạy dỗ, trưởng bối dạy dỗ, quan niệm hiếu thuận in sâu trong tâm. Đúng là niệm niệm không quên, tâm hiếu thuận! Nay từ nhỏ cha mẹ đã không dạy, ở trường học thầy cũng không dạy, trưởng bối cũng không dạy, chẳng hiểu thế nào là hiếu đạo!

Nhất là trong xã hội hiện thời là xã hội theo chủ nghĩa công lợi^{3[3]}, chúng ta hãy lắng lòng quán sát xã hội theo chủ nghĩa công lợi, con người hiện tại trong xã hội cũng có một thứ "*không lúc nào tạm quên*", lúc nào cũng nghĩ đến, cũng đều mong cầu, thứ gì vậy? Tiền! Nay chẳng thể nói là "như con nhớ mẹ", phải nói là "như nhớ tiền bạc"! Niệm niệm chẳng quên vậy! Trong hết thảy thời, tại hết thảy chỗ luôn nghĩ đến, mẹ đã sớm bị quên mất rồi, có một thứ duy nhất luôn mong cầu. Chúng ta không học Phật sẽ không biết, sẽ giống hết người thế gian, cổ nhân bảo là "*nhân vị tài tử, điều vị thực vong*" (người chết vì của, chim chết vì ăn). Ý niệm tham tiền tài trong xã hội hiện thời mạnh mẽ nhất, không gì mạnh hơn được, chỉ cần có

3[3] Công lợi chủ nghĩa (Utilitarianism) là một học thuyết còn gọi là Maximum Happiness do John Stuart Mill và Jeremy Bentham đề xướng, nội dung chủ yếu coi mưu cầu hạnh phúc là mục đích rốt ráo, không cần biết đến phải sử dụng phương tiện nào.

tiền thì cha mẹ đều sớm vút sạch hết; không như trước kia. Trước kia, cha mẹ đúng là quan trọng nhất, lại còn thù thắng hơn danh văn, lợi dưỡng nhiều; vì cha mẹ chuyện gì cũng vút bỏ hết. Hiện tại, quan niệm biến đổi, ngày tháng đã khác rồi, không còn như vậy nữa.

2) Loại thứ hai là Lý Trì. Trên mặt lý luận, "*tâm tác, tâm thị, tâm - cảnh nhất như, Năng Sở bất nhị, tức thị Lý Trì*" (tâm làm, tâm là, tâm - cảnh hết như một, Năng - Sở bất nhị, chính là Lý Trì). Cảnh giới này hết sức cao. "*Tâm tác*", tâm này là Phật, tâm này làm Phật, tức là thực sự hiểu rõ chân tướng của vũ trụ vạn hữu. Phạm vi của hai chữ "*tâm tác*" rất rộng lớn, chữ "*tâm tác*" bao gồm điều được diễn tả trong kinh Hoa Nghiêm: "*Duy tâm sở hiện, duy thức sở biến*". Kinh Hoa Nghiêm nói tám chữ, Tịnh Độ tông dùng hai chữ "*tâm tác*". Tâm làm ra những điều gì? Hư không do tâm làm thành, "*tác*" là có thể biến, có thể hiện; hư không do tâm làm ra. Tâm là năng tác (cái có công năng làm ra, tức biến hiện ra), hư không là sở tác (cái được làm thành, hiện thành). Sát-độ (ksetra): Sát-độ là thế giới, đại thế giới, người hiện tại gọi là "tinh hệ" (galaxy). Tinh hệ giống như thế nào? Về mặt thường thức, tinh hệ lớn nhất được gọi là Ngân Hà Hệ. Ngân Hà Hệ là tinh hệ lớn nhất; nhưng theo kinh Phật giảng, Ngân Hà Hệ là nhỏ nhất.

Ngân Hà Hệ chỉ là một đơn vị thế giới, một ngàn Ngân Hà Hệ hợp thành một đại thế giới, gọi là Tiểu Thiên Thế Giới. Lại lấy một Tiểu Thiên Thế Giới làm đơn vị, hợp một ngàn Tiểu Thiên Thế Giới - quý vị hãy nhớ kỹ, một Tiểu Thiên Thế Giới là một ngàn Ngân Hà Hệ, một ngàn nhân một ngàn - trở thành một Trung Thiên Thế Giới. Rồi lại lấy Trung Thiên Thế Giới làm đơn vị, một ngàn Trung Thiên Thế Giới gọi là một Đại Thiên Thế Giới. Kinh Phật thường gọi Đại Thiên Thế Giới là "*thế giới*", thuật ngữ Phật học gọi là một "*Phật sát*" (một cõi Phật). Do trong một cõi Phật có ba loại Thiên, tức Tiểu Thiên, Trung Thiên, Đại Thiên, nên gọi là Tam Thiên Đại Thiên Thế Giới. Kinh Phật giảng thế giới như vậy đó, chẳng thể nghĩ bàn!

Thế giới như vậy có phải là lớn nhất hay không? Không! Kinh Hoa Nghiêm nói lớn nhất là Thế Giới Chủng, trong một Thế Giới Chủng có vô lượng vô biên đại thế giới. Chúng ta đọc phẩm Thế Giới Thành Tựu và phẩm Hoa Tạng Thế Giới [của kinh Hoa Nghiêm] sẽ thấy. Phẩm Hoa Tạng Thế Giới có nói đến một Thế Giới Chủng, thế giới Sa Bà và thế giới Cực Lạc cùng nằm trong tầng thứ mười ba của Thế Giới Chủng ấy. Trong tầng đó có vô lượng vô biên tam thiên đại thiên thế giới, Sa Bà và Cực Lạc cùng nằm trong một tầng, chẳng thể nghĩ bàn! Kinh Phật nói trong hư không pháp giới có vô lượng vô biên Thế Giới Chủng như thế, tuyệt đối chẳng thể tính toán được nổi. Đại Thế Giới là như vậy đó.

Trong thế giới có rất nhiều chúng sanh, từ đâu mà có? "*Duy tâm sở hiện, duy thức sở biến*", "*tâm tác*" đấy! Tâm là năng tạo (chủ thể tạo dựng), Tác

là tạo tác, tâm có thể tạo tác. Cái thân tôi, thân quý vị, thân người khác cũng đều do tâm tạo; thân của Thích Ca Mâu Ni Phật, thân của Tỳ Lô Giá Na Phật, thân của A Di Đà Phật cũng là do tâm tạo. Hết thảy vạn pháp chẳng thể lìa khỏi tâm, tâm là năng biến (chủ thể có công năng biến hóa); vì thế, tâm là bản thể của vạn pháp. Kinh Lăng Nghiêm giảng "*thế giới, vi trần, nhân tâm thành Thế*" (thế giới, vi trần, do tâm mà thành Thế). Cái Thế ấy là hiện tượng, hiện tượng do đâu có? Do tâm biến ra, do tâm hiện ra. "*Tâm tác*" là như vậy.

Nay chúng ta giác ngộ, hiểu rõ sự tình này, "*tâm thị*" (tâm là), cái tâm của chúng ta đây chính là tâm Phật, là Phật. Cái tâm "*tâm tác*" là chân tâm, là bản tánh, nay chúng ta niệm Phật thì cái tâm niệm Phật này tương ứng với tự tánh, chân tâm, bản tánh, nên tâm này làm Phật. Ta phát tâm nhất định làm Phật, nên tương ứng với Phật. Quý vị thấy đó: Tâm ta vốn sẵn là Phật, hết thảy chúng sanh đều có Phật tánh, nay ta lại phát tâm muốn làm Phật thì nguyện vọng ấy chẳng uổng mất, trong một đời này, chắc chắn quý vị làm Phật, tín tâm vẹn mười, không có chút gì hoài nghi. Bởi vậy, chúng tôi thường nhắc nhở các vị đồng học: Tâm là Phật tâm, nguyện là Phật nguyện, giải là Phật giải, hạnh là Phật hạnh; tâm - nguyện - giải - hạnh phải cùng giống như Phật.

Tâm Phật là gì? Chúng ta chẳng thể nói từ mặt Tánh, nếu nói từ Tánh thì "*ngôn ngữ dứt bật, tâm hạnh xứ diệt*", không thể diễn tả được, không thể nói ra được. Chúng tôi phải nói theo mặt Sự, chẳng nói từ mặt Lý, nói theo mặt Lý không được. Về Sự thì tâm chân thành, thường giữ lòng chân thành, tâm thanh tịnh, chẳng bị nhiễm ô bởi bất cứ điều gì, tâm bình đẳng không cao - thấp, tâm chánh giác không mê hoặc, tâm từ bi không tự tư. Nếu chúng ta khởi tâm động niệm đều hoàn toàn tương ứng với chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, từ bi, thì tâm như thế là tâm Phật. Dùng cái tâm ấy để niệm A Di Đà Phật thì chính là tâm tâm tương ứng, vì sao? Tâm của A Di Đà Phật chính là tâm ấy, tâm ấy chính là tâm đại Bồ Đề. Chân thành là Thế, cái Thế của chân tâm, tâm chúng ta chân, tâm chúng ta thành, không có chút gì hư ngụy, không có chút gì hư giả, chính là tương ứng với cái Thế của chân tâm. Thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác là Tánh Đức của chân tâm; đại từ đại bi, cứu khổ cứu nạn là tác dụng của chân tâm. Đối với tự tánh, đối với Thế - Tướng - Dụng của chân tâm, ta đều tương ứng, dùng cái tâm ấy để niệm A Di Đà Phật, dùng cái tâm ấy để cầu sanh về Tịnh Độ, dùng cái tâm ấy để thân cận A Di Đà Phật thì tâm cảnh nhất như (tâm và cảnh giống hệt nhau).

Ông Âu Dương Cánh Vô bảo "*Phật giáo không phải là triết học*" là vì ý nghĩa trên đây. Trong triết học, tâm và cảnh đối lập; bởi thế, Phật pháp không phải là triết học. Trong Phật pháp, tâm và cảnh không đối lập mà viên dung, thống nhất. Bởi thế, trong kinh Đại Thừa, đức Phật thường nói

như thế này: "*Bất nhất, bất dị*" (không một, không khác). Quý vị chẳng thể nói là một, vì sao? Nếu nói là một thì tâm là tâm, cảnh là cảnh, chẳng thể nói là một được! Quý vị cũng chẳng thể nói "không phải là một"; không phải là một vì tâm và cảnh do cùng một tánh biến hiện. Cách nói này không dễ hiểu cho lắm, chúng tôi dùng những vật dụng làm bằng vàng để tỷ dụ cho quý vị dễ hiểu hơn. Ví như quý vị có một cái nhẫn vàng, vàng ròng làm thành nhẫn, quý vị lại có một cái xuyên vàng; đem hai món đó bày ra nơi đây, quý vị nói xem: Chúng là một hay là hai? Nếu nói là một thì nhẫn không phải là xuyên, xuyên chẳng phải là nhẫn; nếu nói là hai thì chúng đều là vàng ròng, cái nhẫn là vàng ròng, cái xuyên cũng là vàng ròng, không khác gì nhau! Bởi thế, chẳng thể nói chúng là hai, nhưng cũng chẳng thể nói chúng là một, không phải một, cũng không phải hai, tâm - cảnh nhất như đây!

Chữ "*như*" là luận về Tánh, nay chúng ta nói tới "*tâm*", hoặc nói tới Bồ Đề tâm thì chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, từ bi là do tự tánh biến hiện. Hết thấy cảnh giới cũng đều do tự tánh biến hiện. Trong cảnh giới, nhỏ là thân thể chúng ta, hoặc cái gần sát thân thể ta nhất chính là áo lót mình, lớn là trọn khắp hư không pháp giới. Đó là Cảnh. Cái tâm của chúng ta trong hiện thời là tâm Duyên Lý, nó có thể tư duy, có thể tưởng tượng. Chúng ta dùng cái tâm Duyên Lý ấy, cái tâm ấy do Chân Tâm biến hiện, do Thức Tâm biến hiện. Toàn thể vũ trụ, toàn bộ pháp giới được gọi là Cảnh, cũng là do tâm này hiện, cũng do cái tâm này biến, không hai, không khác. Vì vậy, Năng - Sở bất nhị, câu này ý nghĩa rất sâu. Cái có công năng biến hiện (năng biến) là tự tánh; cái được biến (sở biến) chính là vạn pháp. Vạn pháp là Tướng, tự tánh là Thể, Thể không là Tướng, Tướng chẳng là Thể. Nếu Tướng là Thể thì Tướng chẳng thể tồn tại. Vì thế, hết thấy hiện tượng tất nhiên trọn đủ viên mãn đức năng trong thể tánh, nay chúng ta nói nó nhất định đầy đủ các bản năng (năng lực, khả năng sẵn có) của bản thể.

Bản năng của bản thể là gì? Trong Phật pháp gọi nó là "*linh tri*"; trong kinh Đại Thừa còn gọi nó là "*kiến văn giác tri*". Kiến văn giác tri là bản năng của tự tánh, bất sanh, bất diệt, không đến, không đi, phi hữu, phi vô. Hết thấy vạn sự vạn vật được nó biến hiện to như thế giới, nhỏ như vi trần, đều do tâm mà thành Thể. Chúng (tức những sự vật được biến hiện bởi tâm) chẳng hề mất đi đặc tánh của tâm, đặc tánh của tâm là linh tri; vì thế, hết thấy vật đều sống động, không chết cứng. Tánh là sống động, nó biến ra mọi vật, làm sao mà chết được? Bởi thế, hết thấy vạn sự vạn vật có bản năng thấy được, nghe được, cảm nhận được, biết được. Bọn phàm phu chúng ta tâm ý hời hợt, cứ tưởng thực vật và khoáng vật là vô tri vô giác, lầm rồi! Chúng đều hay biết, trong Phật pháp gọi [sự hay biết ấy] là linh tri, không gọi là tri giác mà gọi là linh tri!

Tiền sĩ Giang Bản Thăng, họ là Giang Bản (Emoto), không giống họ người Hoa chỉ có một chữ, họ là Giang Bản, tên là Thăng (Masaru), qua thí nghiệm chứng minh nước (nước là vật chất) có đầy đủ những đặc tánh của tự tánh, cây cỏ cũng có đầy đủ những đặc tánh ấy, vi trần cũng có đủ. Vì thế, ông ta có thể thí nghiệm với bùn, cát, đá, thí nghiệm trên hết thấy vạn vật bèn phát hiện chúng đều có thể nghe, đều có thể thấy, đều có thể hiểu được ý tưởng của con người. Kinh Phật giảng rất rõ ràng, rất minh bạch. Chuyện hy hữu là ông ta dùng phương pháp thí nghiệm khoa học để chứng minh, nhưng mới chỉ chứng minh được một việc, sau này, ông ta sẽ dần dần thí nghiệm tất cả hết thấy vạn vật thấy đều có trọn đủ bản năng "thấy, nghe, hay, biết" của tự tánh. Bây giờ đã hết giờ rồi!

*

Chư vị đồng học!

Chúng ta xem tiếp tiểu đoạn thứ hai, Tư Huệ "*tịnh niệm tương kế, vô hữu gián đoạn, cố danh Tư Huệ*" (tịnh niệm tiếp nối, không gián đoạn, nên gọi là Tư Huệ). Chúng tôi giảng đến phần Lý Trì. Chúng ta hãy đọc nguyên văn đoạn này trong sách Yếu Giải của Ngẫu Ích đại sư một lượt: "*Lý Trì giả, tín Tây Phương A Di Đà Phật thị ngã tâm cụ, thị ngã tâm tạo, tức dĩ tự tâm sở cụ sở tạo hồng danh, vi hệ tâm chi cảnh, linh bất tạm vong dã*" (Lý Trì là tin A Di Đà Phật ở Tây Phương có sẵn trong tâm ta, là do tâm ta tạo, bèn lấy cái hồng danh tâm mình sẵn có, do tâm mình tạo ra ấy để làm cảnh ràng buộc cái tâm sao cho chẳng tạm quên mất). Nguyên văn sách Yếu Giải viết như vậy, lúc chúng tôi giới thiệu có phần đơn giản hơn, dùng ba câu gồm mười hai chữ để nói "*tâm tác, tâm thị, tâm cảnh nhất như, Năng - Sở bất nhị*". Đó là Lý Trì. Xin hãy xem tiếp tiểu đoạn cuối cùng.

"*Khắc kỳ biện sự, lợi căn nhất nhất tức bất loạn, trung hạ bất định, đản năng nhất tâm, giai đắc vãng sanh, danh Tu Huệ*" (Định kỳ hạn để tu tập thì hàng lợi căn trong một ngày liền bất loạn, trung hạ căn thì không nhất định, nhưng nếu có thể nhất tâm thì đều được vãng sanh, gọi là Tu Huệ). Trong phần này, câu quan trọng nhất là "*đản năng nhất tâm, giai đắc vãng sanh*" (nhưng nếu có thể nhất tâm thì đều được vãng sanh). Do vậy, trong bản dịch kinh này của La Thập đại sư có câu "*nhất tâm bất loạn, tâm bất điên đảo*". Hai câu này vô cùng trọng yếu, đều là Tam Huệ đầy đủ. Chỗ thù thắng khôn sánh của pháp môn Niệm Phật là thời gian học tập ngắn ngủi, không cần một thời gian quá dài, nhưng thành tựu thù thắng khôn sánh. Kinh Di Đà cho biết thời gian tu học phải mất bao lâu? Bảy ngày. Kinh Di Đà dùng con số Bảy để biểu thị pháp; nhưng ở đây kinh nói rõ ràng "*nhược nhất nhật, nhược nhị nhật, nhược tam nhật, nhược tứ nhật*" (hoặc một ngày, hoặc hai ngày, hoặc ba ngày, hoặc bốn ngày) cho đến "*nhược thất nhật*" (hoặc bảy ngày). Vì sao? Nếu không ghi rõ như thế, chúng ta sẽ

hiếu con số Bảy là biểu thị pháp, con số Bảy biểu thị sự viên mãn, chứ không nhất định là bảy ngày thực sự. Kinh đã dạy như vậy, chúng ta phải biết bảy ngày ở đây là nói trên mặt Sự, chứ không phải là biểu thị pháp, quả thực luận trên mặt Sự. Lợi căn là người có thiện căn hết sức sâu dày, người ấy niệm một ngày bèn nhất tâm bất loạn, có hay không? Có!

Trong kinh Địa Tạng, chúng ta thấy Bà La Môn nữ (cô gái thuộc giai cấp Bà La Môn) niệm Phật một ngày một đêm, quả thật niệm đến mức nhất tâm bất loạn, vì sao? Trong Định, cô ta đi thăm địa ngục. Quý vị thấy quý vương trong địa ngục trông thấy cô ta đi đến bèn ra tiếp đón, gọi cô ta là Bồ Tát, hỏi: “Bồ Tát đến đây có việc gì chẳng?” Bà La Môn nữ là phàm phu, niệm đến mức nhất tâm bất loạn bèn thành Bồ Tát. Theo Đại Thừa, Sự nhất tâm chính là hàng Bồ Tát thuộc địa vị Thập Tín trong Viên giáo, từ Sơ Tín đến Thập Tín đều là Sự nhất tâm bất loạn. Ở phần trên, chúng tôi đã nói: Trong ba thứ Bất Thoái, Bồ Tát thuộc địa vị Thập Tín trong Viên Giáo đặc hai thứ Bất Thoái, một là Vị Bất Thoái, hai là Hạnh Bất Thoái. Nếu nhất tâm này là Lý Nhất Tâm Bất Loạn thì vị ấy là Pháp Thân Bồ Tát, thuộc vào địa vị từ Sơ Trụ trở lên trong Viên Giáo, phá một phẩm vô minh, thấy một phần chân tánh. Bà La Môn nữ niệm Phật suốt một ngày một đêm thì đạt được Lý nhất tâm bất loạn hay Sự nhất tâm bất loạn? Không dám chắc là Lý nhất tâm bất loạn, nhưng Sự nhất tâm bất loạn chúng ta dám đoán chắc. Sự nhất tâm đã bắt phàm rồi, vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới bèn sanh vào Phương Tiện Hữu Dư độ.

Thế nhưng Tây Phương Tịnh Độ hết sức vô cùng đặc biệt, bốn cõi ở cùng một chỗ; bởi thế, sanh vào một cõi là sanh trong hết thảy cõi, sanh vào một cõi bèn đạt được cả bốn cõi, bất luận sanh vào cõi nào. Công phu thành phỉn sanh vào Phàm Thánh Đồng Cư độ. Công phu thành phỉn cũng là nhất tâm bất loạn, nhưng ở mức độ nông cạn nhất, không thực sự là nhất tâm bất loạn. Quý vị khuất phục được Kiến Tư, nhưng chưa đoạn được Kiến Tư phiền não, Sự nhất tâm là đoạn được Kiến Tư phiền não. Lý nhất tâm chẳng những đoạn được Kiến Tư phiền não mà Trần Sa phiền não cũng đoạn luôn, vô minh cũng phá được một phẩm; [người đạt được] Lý nhất tâm bất loạn là hạng lợi căn! Lợi căn và độn căn nhìn theo mặt Tướng, thì là một đẳng buông xuống được, một đẳng không buông xuống được. Người lợi căn buông xuống được, người độn căn không buông được, duyên do là như vậy. Thân tâm, thế giới hết thảy buông xuống được, dầu sống trong thế gian này vẫn chẳng khác gì mọi người, giống hệt mọi người, nhưng trong tâm nhất định chẳng nhiễm trước, không phải là buông xuống trên mặt Sự mà là buông trong tâm!

Vì sao người ấy có thể làm được? Vì trong tâm hướng về thế giới Cực Lạc, thế giới Cực Lạc là nhà cũ của mình, A Di Đà Phật là cha mẹ của mình, các thượng thiện nhân là anh em của mình. Trong nhà mình cái gì

cũng tốt đẹp, không có chút gì khuyết hãm, luôn nghĩ đến nhà! Gấp rút trở về nhà, chẳng cần đến mọi thứ ở nơi đây nữa. Mình du hành đến đây thôi, nơi đây không phải là chỗ tốt đẹp! Hết thầy người, sự vật nơi đây quả thật không có thứ nào đáng cho mình vương vấn cả, không có một thứ gì đáng cho ta bận lòng. Người ấy thực sự buông xuống được, chính là lợi căn! Vì vậy, trong thế gian này, quý vị nói là tốt đẹp, nhưng người ấy nhất định chẳng tham luyến; quý vị bảo là chẳng tốt, người ấy chắc chắn không nóng giận. Người ấy thực sự dùng cái tâm thanh tịnh, bình đẳng, từ bi để đối đãi với tất cả hết thầy người, sự vật, hết thầy vạn pháp trong thế gian này; trong tâm người ấy thực sự giác chứ không mê, chánh chứ không tà, tịnh chứ không nhiễm. Đó là Sự nhất tâm bất loạn!

Gấp rút quay về nhà, nơi đây chẳng có gì vui thú, vui chơi đủ rồi, về nhà vẫn tốt hơn. Nếu tham luyến chốn này, quý vị sẽ không thể trở về nhà được. Ở đây, chúng tôi dùng tỷ dụ để quý vị dễ hiểu hơn. Lợi căn thực sự thành tựu trong một ngày. Sau khi đạt được nhất tâm bất loạn rồi sẽ chẳng bị mất đi, thực sự đạt được. Nay dường như có được chút cảnh giới nào, nhưng ra khỏi Niệm Phật Đường lại loạn, tức là quý vị chưa đạt được nhất tâm bất loạn! Phải nhớ kỹ, sau khi đạt được, không bị mất đi, thì mới thực sự là đạt được. Công phu thành phẩm cũng giống như vậy thì quý vị mới có thể thành tựu; nhưng sau khi đạt được, quý vị càng phải tinh tấn, càng nỗ lực, thân tâm nhẹ nhõm, pháp hỷ sung mãn, giống như Khổng phu tử đã nói "*bất diệt duyệt hồ?*" (cũng chẳng vui sao). Thực sự đạt được có hiện tượng như vậy đó, hết sức sung sướng như thế đó.

"*Trung hạ bất định*": Người căn tánh trung hạ không nhất định, có kẻ hai ngày, ba ngày, bốn ngày, năm ngày, sáu ngày, căn tánh tệ nhất cũng bảy ngày đạt được. Vậy thì chúng ta phải tự hỏi: "Cớ sao chúng ta niệm Phật đến bảy mươi ngày vẫn không đạt được, do nguyên nhân gì vậy?" Vì không thực sự niệm! Đối với thế gian này vẫn lưu luyến, vẫn chưa buông xuống được, vậy là không có cách gì hết. Từ Tịnh Độ Thánh Hiền Lục và Vãng Sanh Truyện, chúng ta thấy pháp sư Oánh Kha đời Tống, ngay cả An Sĩ Toàn Thư lúc dẫn những thí dụ trong Vãng Sanh Truyện cũng nêu truyện của Ngài, truyện của Ngài là một thí dụ tốt. Ba ngày ba đêm nhất tâm bất loạn niệm Phật cảm được A Di Đà Phật tới.

Sư là người xuất gia, nhưng không giữ thanh quy⁴[4], tức là một người xuất gia phá giới, không phải là một vị xuất gia tốt lành. Đại chúng đều coi

4[4] Thanh Quy theo nghĩa gốc là những quy định và khuôn phép nhằm đảm bảo những hành vi ứng xử của con người đúng chừng mực, phù hợp lễ nghi nhằm đảm bảo sự an định trong xã hội. Vào đời Đường, kể từ khi tổ Bách Trượng Hoài Hải lập ra Thiền Môn Thanh Quy cho đạo tràng của Ngài tại núi Bách Trượng, khắp các tông lâm Phật giáo đều tuân thủ những quy định này, Thanh Quy trở thành một thuật ngữ chỉ riêng những quy định về oai nghi và cách ứng xử trong nhà Phật. Thậm chí, sau này Đạo Giáo cũng bắt chước lập ra những quy tắc cộng tu và cũng gọi là Thanh Quy.

thường Ngài là hạng căn tánh hèn kém quá đỗi, tự mình không có cách gì câu thúc chính mình, nhưng Sư có chỗ hay, chỗ hay đó hết sức khó có, chính chỗ hay đó đã cứu Sư. Chỗ hay nào vậy? Sư hiểu nhân quả báo ứng, bởi thế, Sư thường nghĩ: Do những hành vi mà chính mình đã tạo, chắc chắc phải đọa địa ngục! Nghĩ đến địa ngục bèn sợ hãi, run rẩy, hỏi đồng tham đạo hữu có cách gì cứu được mình chẳng? Có một đồng tham đưa cho Sư một cuốn Vãng Sanh Truyện, bảo: "Ông xem cuốn sách này cũng có lợi cho ông!" Sư bèn đọc Vãng Sanh Truyện, hết sức cảm động, đau đớn khóc ròn, quyết tâm niệm Phật cầu sanh về Tịnh Độ, buông xuống vạn duyên.

Vì thế, Sư đóng chặt cửa liêu phòng, suốt ba ngày ba đêm không ăn cơm, không ngủ nghỉ, niệm một câu A Di Đà Phật đến tột bậc. Niệm suốt ba ngày ba đêm đúng là tinh thần mệt mỏi, sức lực mòn mỏi, tấm lòng chân thành, thực sự mong vãng sanh thế giới Cực Lạc, tâm thiết tha như mong được về nhà. A Di Đà Phật hiện đến, Sư hết sức hoan hỷ, A Di Đà Phật bảo Sư: "Tuổi thọ của ông còn được mười năm nữa. Ông hãy khéo niệm Phật, mười năm sau lúc lâm chung ta đến rước ông, A Di Đà Phật lại đến rước ông". Sư cảm được Phật đến an ủi. Sư thật thông minh, thật phi phàm, thưa cùng Phật: "Con tập khí quá nặng, trong mười năm ấy con không có cách gì tự khống chế bản thân, chẳng biết sẽ lại tạo bao nhiêu tội nghiệp, cũng không chắc được vãng sanh". Sư cầu xin A Di Đà Phật: "Tuổi thọ mười năm con không cần đến, nay con muốn đi theo Ngài". A Di Đà Phật đáp ứng: "Ba hôm nữa, ta đến tiếp dẫn ông!"

Sư hoan hỷ vô cùng, mở cửa liêu phòng bảo mọi người: "Ba ngày ba đêm tôi niệm Phật không ngủ nghỉ, A Di Đà Phật hiện đến, ba ngày nữa tôi sẽ đi". Mọi người trong chùa chẳng ai tin: "Ông là hạng người như vậy, lẽ đâu đơn giản đến thế?" Nhưng thời gian ba ngày rất ngắn, mọi người ôm lòng bán tín bán nghi, coi sau ba ngày Sư có thực sự vãng sanh hay không. Đến ngày thứ ba, Sư yêu cầu đại chúng niệm Phật đưa Sư đi, đại chúng đương nhiên rất hoan hỷ, cũng tính coi rốt cuộc là thật hay giả. Niệm chưa đầy một khắc, Sư bèn nói (người khác không thấy): "A Di Đà Phật đến rồi, tôi phải theo Ngài đi". Nói xong bèn mất, đúng là không giả chút nào. Hạng trung căn ba ngày ba đêm thôi!

Bởi thế, đọc chuyện của ngài Oánh Kha, chúng ta thấy Ngài làm gương cho chúng ta. Nếu khi chúng ta gặp phải tai nạn lớn lao, quyết định chẳng do dự, nhất quyết chớ nên sợ hãi, ngay trong lúc ấy hãy nên hạ quyết tâm cầu sanh về Tịnh Độ. Mọi thế duyên trong thế gian này buông xuống hết, không vướng mắc mảy may, niệm một câu Phật hiệu đến cùng cực, nhất định Phật sẽ đến. Quý vị thấy sư Oánh Kha không giữ thanh quy, là kẻ phá giới, mà có thể [niệm Phật] trong vòng ba ngày ba đêm, A Di Đà Phật đến tiếp dẫn Sư. Chúng ta đâu có lầm lỗi, tự hồ vẫn chưa nghiêm trọng như Sư, lẽ đâu Phật chẳng đến? Vấn đề là tín nguyện của quý vị có chân thật hay

không? Quý vị không mong niệm tới mức Phật hiện tới thì cái tâm ấy là giả, đối với thế gian này vẫn còn tham luyến lắm, sự việc vướng ruột bận gan còn quá nhiều, không thể buông xuống được! Danh văn lợi dưỡng, ngũ dục lục trần thế gian, quý vị có thực sự buông xuống được hay không?

Điều gì cũng buông xuống được thì về mặt Lý như đức Phật thường nói: "*Phàm sở hữu tướng, giai thị hư vọng*" (Phàm tất cả những gì có tướng đều là hư vọng), "*nhất thiết hữu vi pháp, như mộng, huyễn, bào, ảnh*" (hết thảy pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt, bóng). Những câu này đều là đức Phật dạy chúng ta hãy triệt để buông xuống. Một bộ kinh Đại Bát Nhã gồm sáu trăm quyển nhằm dạy chúng ta điều gì? Tôi nêu một kết luận chung hết sức đơn giản là "*nhất thiết pháp vô sở hữu, tất cánh không, bất khả đắc*" (hết thảy pháp vô sở hữu, rốt ráo không, bất khả đắc). Tôi tổng kết bằng mười hai chữ, kinh Đại Bát Nhã sáu trăm quyển được diễn tả bằng mười hai chữ đó. Nếu quý vị thực sự hiểu rõ, lẽ đâu không buông xuống được? Không buông xuống cũng chẳng được, vì sao? Vô sở hữu, rốt ráo không, bất khả đắc! Tâm Kinh là tinh hoa của kinh Đại Bát Nhã, cuối cùng nói "*vô trí diệc vô đắc*". Quý vị còn tham gì nữa? Còn vướng mắc chi nữa? Toàn bộ là không, "*phàm sở hữu tướng, giai thị hư vọng*", phải giác ngộ!

Người giác ngộ sẽ buông xuống, triệt để buông xuống, nên được tự tại. Vẫn còn có tí ti vướng mắc sẽ không buông xuống được, mê mà! Chưa giác ngộ! Mê thực sự chẳng dễ phá, vừa phá được cửa ải mê liền được đại tự tại; vì thế, "*đản năng nhất tâm*" (chỉ có thể nhất tâm) bèn được vãng sanh, tức Tu Huệ. Văn Huệ, Tư Huệ, Tu Huệ, Tam Huệ đầy đủ. Chúng tôi giảng như vậy, trong Yếu Giải, Ngẫu Ích đại sư gọi chúng là ba điều, quý vị hãy nghĩ xem ba điều ấy có phải là một nhưng ba, ba nhưng một hay không? Trong Văn có Tu có Tư, trong Tư có Văn có Tu, trong Tu có Văn có Tư, một mà ba, ba nhưng một; tùy theo quý vị nhìn từ góc độ nào mà được thay bằng một danh từ khác nhau, nhưng chỉ là một sự việc. Pháp môn này học đơn giản như vậy đó, từ một ngày đến bảy ngày bèn thành công. Quý vị nghĩ xem há còn có pháp môn nào nhanh chóng hơn pháp môn này hay không? Tìm không ra!

Chúng ta hằng ngày niệm Phật, hằng ngày tu hành, tu suốt mười mấy năm chẳng có tin tức gì hết, là do nguyên nhân nào? Quý vị tu không đúng pháp! Bà La Môn nữ tu một ngày đúng pháp. Pháp sư Oánh Kha tu ba ngày đúng pháp. Đúng pháp là như thế nào? Buông xuống! Tâm trở về nhà khẩn thiết, chân thật, không giả. Chúng ta tín nguyện không chân thật, niệm Phật không thật thà, niệm Phật nhưng chẳng bỏ được thế duyên, không chắc thật, đạo lý là đây. Oánh Kha biết mình không vãng sanh, chắc chắn đọa địa ngục. Vì sợ đọa địa ngục nên gấp rút cầu vãng sanh; đó là cái duyên vãng sanh thế giới Cực Lạc của Sư, bức bách Sư không vãng sanh không được. Nếu không vãng sanh, chắc chắn phải đọa địa ngục! Duyên

mỗi người không giống nhau. Nếu pháp sư Oánh Kha không phá giới phạm quy, tạo tác hết thảy những điều chẳng lành, rất có thể Sư không thể phát khởi tinh tấn dũng mãnh, uổng phí một đời này. Sư vì tội lỗi bức bách, ở phần trên đã nói "*kẻ Ngũ Nghịch Thập Ác một niệm hay mười niệm đều được vãng sanh*", câu chuyện của pháp sư Oánh Kha đã chứng minh điều ấy; câu nói trên là thật, chứ không phải giả!

Vì thế, chớ nên coi thường, rẻ rúng những kẻ phá giới làm ác, vì sao? Những kẻ ấy chỉ cần ngày nào đó giác ngộ quay đầu, rất có thể vượt trội chúng ta, chẳng phải là không có chuyện như vậy. Chúng ta là phàm phu mắt thịt biết họ giác ngộ lúc nào? Quay đầu lúc nào? Vì vậy, Phổ Hiền Bồ Tát dạy chúng ta lễ kính chư Phật, đối với hết thảy chúng sanh phải cung kính. Chúng ta phải học theo những điều hay của người khác, tuyệt đối chẳng baten tâm bởi những điều dở của người khác, đương nhiên càng không thể rêu rao, mà hãy bồi dưỡng cái tâm hạnh thuần tịnh, thuần thiện của chính mình. Đoạn tiếp theo là đoạn thứ bảy.

Đoạn thứ bảy thuyết minh "*nhất tâm bất loạn, nhất tâm viên cụ (viên mãn cụ túc) Tam Học, Tam Huệ, Tam Tư Lương*" (nhất tâm bất loạn, nhất tâm đầy đủ trọn vẹn (viên mãn trọn vẹn) Tam Học, Tam Huệ, Tam Tư Lương). Tam Học là Giới - Định - Huệ, Tam Huệ là Văn - Tư - Tu, Tam Tư Lương là Tín - Nguyện - Hạnh. Nhất tâm viên mãn đầy đủ [những điều ấy]. Trong một câu Phật hiệu cũng viên mãn đầy đủ [những điều đó], tức là ta niệm một câu A Di Đà Phật, chắc chắn tương ứng với Tam Học, Tam Huệ, Tam Tư Lương, mọi thứ đều đầy đủ trong câu niệm Phật ấy thì gọi là "*nhất tâm xưng niệm*". Trong cuốn Di Đà Yếu Giải Giảng Nghĩa, pháp sư Viên Anh đã chú giải như sau: "*Ngã Chấp mất*" – tức Ngã Chấp bị phá – "*chẳng bị Kiến Tư làm loạn thì là Sự Nhất Tâm*". Trong Đại Thừa thường giảng như thế, đoạn Kiến Tư phiền não!

Nếu từ cương lĩnh mà nói thì đơn giản hơn một chút. Kiến phiền não có năm loại lớn:

1) Thân Kiến: Chấp trước thân là ta, tham sống, sợ chết, tự tư tự lợi. Đó là Thân Kiến, tức cái ái đầu tiên.

2) Loại thứ hai là kiến giải lầm lạc, tức Biên Kiến. Biên Kiến là đối nghịch, đối lập; thứ kiến giải như vậy gọi là Biên Kiến.

3) Loại thứ ba là Kiến Thủ Kiến.

4) Loại thứ tư là Giới Thủ Kiến. Hai loại này thường được gọi là Thành Kiến như ta hay nói: "Người nào đó có thành kiến rất sâu". Thành Kiến có hai loại: Thành kiến nơi nhân và thành kiến nơi quả. Pháp thế gian hay xuất thế gian chẳng lìa nhân quả. Kiến Thủ Kiến là thành kiến nơi Quả. Giới Thủ Kiến là thành kiến nơi Nhân, chấp trước kiên cố tạo thành chướng ngại.

5) Loại cuối cùng là Tà Kiến, Tà Kiến nghĩa là gì? Chẳng thuộc vào bốn loại trên. Tất cả hết thảy kiến giải sai lầm đều quy nạp vào loại Tà Kiến này.

Năm thứ Kiến trên đây đều sai lầm, đoạn được chúng sẽ chứng Sơ Quả Tu Đà Hoàn. Nếu là Đại Thừa Viên Giáo thì là Bồ Tát thuộc địa vị Sơ Tín. Bồ Tát thuộc địa vị Sơ Tín và Tiểu Thừa Tu Đà Hoàn trọn chẳng chấp trước thân này là ta; nói cách khác, không tự tư tự lợi, không tham sống sợ chết. Đó là hiện tượng phá Thân Kiến. Phá được Thân Kiến sẽ như thế nào? Từ chỗ này, quý vị hiểu rõ: Chẳng tham sống sợ chết, quyết định chẳng tự tư tự lợi.

Tư Hoặc là cách nghĩ lăm lặc, cũng gồm năm loại lớn. Thứ nhất là Xan Tham (keo kiệt, tham lam); ngoài ra là Sân Khuể (nóng giận), Ngu Si, Ngạo Mạn, hoài nghi lời thánh hiền dạy dỗ. Đó là những sai trái về mặt tư tưởng, so ra còn nghiêm trọng hơn những sai trái nơi kiến giải, khó phá hơn. Nếu quý vị phá được cả năm thứ này sẽ thoát khỏi lục đạo luân hồi, siêu việt tam giới, chứng quả A La Hán, tương đương với Đệ Thất Tín trong địa vị Thập Tín Bồ Tát của Đại Thừa. Nhưng trong Tiểu Thừa chỉ chứng được Vị Bất Thoái, trong ba thứ Bất Thoái chỉ chứng được một thứ, A La Hán cũng giống như vậy. Thế nhưng Bồ Tát trong Viên Giáo chứng được hai thứ Bất Thoái là Vị Bất Thoái và Hạnh Bất Thoái. Công phu đoạn chứng (đoạn phiền não và chứng quả) tương đồng, nhưng trí huệ và tín nguyện khác biệt; Bồ Tát trội hơn Thanh Văn! Nói rõ tiêu chuẩn của Sự Nhất Tâm là như thế đó.

Lý Nhất Tâm thì "*Pháp Chấp vong, bất vị nhị biên sở loạn, vi Lý nhất tâm*" (Pháp Chấp mất, chẳng bị hai bên (Có và Không) làm loạn thì là Lý Nhất Tâm). Đức Phật dạy Chấp gồm hai loại lớn: một là Ngã Chấp, hai là Pháp Chấp. Pháp Chấp là chấp trước đối với hết thảy các pháp; cho Pháp là có, cho Ngã là không. Thân là do Ngũ Uẩn tụ tập biến thành thân. Tiểu Thừa quan niệm không có thân, nhưng có Ngũ Uẩn: Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức; năm Uẩn ấy tồn tại. Chấp trước như vậy gọi là Pháp Chấp. Bồ Tát thông minh, có trí huệ, biết Ngũ Uẩn cũng là giả. Quý vị thấy Bát Nhã Tâm Kinh mở đầu bằng câu: "*Quán Tự Tại Bồ Tát hành thâm Bát Nhã Ba La Mật Đa thời, chiếu kiến Ngũ Uẩn giai không*". "Năm Uẩn đều không" là phá Pháp Chấp, chẳng bị "*nhị biên sở loạn*" (hai bên làm loạn). Hai bên là đối lập, chẳng bị hai bên làm loạn thì trong Đại Thừa Phật pháp gọi là "*nhập Bất Nhị pháp môn*". Đó là Lý Nhất Tâm, hết thảy đều bất nhị.

Từ căn bản mà nói thì Năng và Sở bất nhị, quý vị thấy "*duy tâm sở hiện, duy thức sở biến*", Năng Hiện (chủ thể biến hiện) và Sở Hiện (cái được biến hiện) bất nhị, Năng Biến và Sở Biến bất nhị, Năng - Sở bất nhị. Tánh - Tướng bất nhị. Lý - Sự bất nhị, chúng sanh và Phật bất nhị, Bồ Đề và phiền não bất nhị, sanh tử và Niết Bàn bất nhị. Nhập Bất Nhị pháp môn, trọn pháp giới hư không giới dung hợp thành một Thể. Tâm tánh của chính mình dung nhập chân tâm; bốn tánh, thân thể của chính mình và pháp giới (tiểu vũ trụ và đại vũ trụ) dung hợp thành một Thể. Trong tự tánh vốn sẵn đủ trí huệ hiện tiền, đức năng hiện tiền, tướng hảo hiện tiền. Đó là Lý nhất tâm bất loạn, là cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn! Kinh Hoa Nghiêm gọi cảnh giới ấy

là "*pháp giới vô chướng ngại, Lý Sự vô ngại, Sự Sự vô ngại*". Hễ "nhị" bèn có ngại, tức là có chướng ngại; còn Bất Nhị thì không có chướng ngại. Nhập Bất Nhị pháp môn được đại tự tại, trong vòng vũ trụ quả thật không có chướng ngại nào! Tánh - Tướng là một, chứ không phải hai, Lý - Sự cũng là một, chứ không phải hai.

Trong Đại Thừa Phật pháp thường nói "*bất nhất, bất dị*" (không một, không khác), đây chính là pháp môn Bất Nhị chân chánh: Chẳng thể nói là một, mà cũng chẳng thể nói là hai; một lẫn hai đều chẳng thể nói, nên gọi là "*chân chánh bất nhị*". Quý vị phải thấu hiểu ý nghĩa này, nhất quyết đừng phân biệt, đừng vọng tưởng, đừng chấp trước; hễ vọng tưởng, phân biệt, chấp trước liền rớt vào hai hay ba (tam tâm, nhị ý). Bởi thế, đối với hết thảy các pháp, chỉ cần lià được vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, sẽ thấy được chân tướng. Chân tướng không một, không khác, bất sanh, bất diệt, không đúng, không sai, chẳng phải có, chẳng phải không. Trong hết thảy các kinh Đại Thừa, đức Phật đã giảng điều này rất nhiều lần với hy vọng chúng ta sẽ do vậy mà có thể lãnh hội, ngộ nhập.

"*Thất nhật bất loạn hậu, vô cánh khởi Hoặc tạo nghiệp chi sự*" (sau khi đã đạt được bảy ngày bất loạn thì sẽ không còn có những chuyện khởi Hoặc, tạo nghiệp), đến đây sách [Yếu Giải] nói toạc ra. Ở phần trên, tôi đã thưa cùng quý vị: Chỉ cần quý vị đặc nhất tâm bất loạn thì sau khi đã đặc, quý vị không thể bị mất đi! Sau khi đã đặc mà lại bị mất đi thì là giả, chẳng phải thật! Đã đạt được rồi nhất định pháp hỷ sung mãn, thật đúng như Khổng lão phu tử đã nói "*học nhi thời tập chi, bất diệc duyệt hồ*" (học rồi thường tu tập, cũng chẳng vui sao?) Trong nhà Phật chúng ta gọi niềm "vui" ấy là "pháp hỷ sung mãn", thường sanh tâm hoan hỷ. Tiến sĩ Giang Bồn Thăng của Nhật Bản nói: Nếu bây giờ mọi người dùng cái tâm thương yêu, dùng cái tâm cảm tạ đối với hết thảy người, sự, vật thì cái tâm cảm tạ và cái tâm thương yêu ấy chính là một phần pháp hỷ. Vì sao lại dễ xướng như thế? Nói thật ra, [cái tâm cảm tạ, thương yêu ấy] chẳng do tự tánh lưu lộ. Vì sao? Nếu từ tự tánh lưu lộ thì chính là "*nhập Bất Nhị pháp môn*", cái tâm cảm ân, yêu thương ấy sẽ là thật, chứ không phải giả. Nay bọn phàm phu chúng ta nói đến yêu thương, hay nói đến cảm ân thì vẫn có tư tâm (tâm riêng tư, vị kỷ) trong ấy; không có tư tâm mới là thật. Nếu có tư tâm thì chẳng phải là thuần chân. Chúng ta chỉ có thể nói là "*tương tự chân*" (gần giống với chân), chẳng phải là thuần chân, có chút phần tương tự, có chút ít gần gũi.

Tiếp theo, hãy tham khảo sách Di Đà Yếu Giải Giảng Nghĩa của pháp sư Viên Anh ([trong thư viện] ở nơi đây có bộ Di Đà Yếu Giải Giảng Nghĩa của pháp sư Viên Anh), trong sách này, pháp sư giảng: "*Nhất nhật chí thất nhật, nãi khắc định kỳ hạn, dĩ biện sanh tử đại sự*" (Từ một ngày cho đến bảy ngày chính là lập thời hạn nhất định để lo liệu đại sự sanh tử). Đúng là

phải lo liệu đại sự sanh tử, giống như ngài Oánh Kha đúng là lo liệu đại sự sanh tử; giống như Bà La Môn nữ biết mẹ đọa địa ngục, cô ta thực sự muốn giúp mẹ, hòng cứu vớt mẹ mình, không giả một chút nào, tấm lòng thuần chân. Tâm hạnh như vậy mới hòng đạt được Niệm Phật tam-muội. Tâm không thuần chân như thế sẽ không thể đạt được Niệm Phật tam-muội! Đạt được Niệm Phật tam-muội chính là Lý Nhất Tâm, Sự Nhất Tâm, bao gồm cả công phu thành phiền, trong Phật pháp thường bảo là "*sanh tử đại sự sở tác dĩ biện*" (đại sự sanh tử đã hoàn thành), đã hoàn tất ổn thỏa chuyện ấy rồi! Pháp sư nói: "*Hà dĩ cố? Nhất tâm bất loạn, tự thị Niệm Phật tam-muội công thành, bất loạn tức Chánh Định dã*" (Vì sao vậy? Nhất tâm bất loạn chính là thành tựu công phu Niệm Phật tam-muội. Bất loạn chính là Chánh Định). Sư giảng mấy câu này rất hay. Bởi lẽ, quý vị đạt được cảnh giới ấy, sẽ không thể nào khởi Hoặc tạo nghiệp nữa, chẳng thể nào! Quý vị nắm chắc chuyện vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, thực sự đạt được. Trong phần này, chúng tôi cũng chia thành bốn tiểu đoạn. Tiểu đoạn thứ nhất là:

"*Bất luận Sự Trì, Lý Trì*", hai thứ Trì Danh đều tốt cả, bất luận Sự Trì hay Lý Trì, chỉ cần trì đến mức "*phục trừ phiền não, nãi chí Kiến Tư tiên tận, giai Sự nhất tâm*" (khuất phục, trừ khử phiền não, cho đến đoạn được Kiến Hoặc hay Tư Hoặc trước thì đều là Sự Nhất Tâm). Còn nếu "*trì chí tâm khai kiến bốn tánh Phật, giai Lý nhất tâm*" (trì đến khi tâm khai, thấy được vị Phật trong bốn tánh, đều là Lý Nhất Tâm). Không phải là do Sự Trì sẽ đạt được Sự Nhất Tâm, do Lý Trì bèn đạt được Lý Nhất Tâm, không thể nói như thế được! Sự Trì hay Lý Trì đều là phương cách hay phương pháp để niệm Phật; tùy thuộc công phu của chính mình sâu hay cạn. Quý vị nhất định phải niệm đến khi có thể chế ngự phiền não, đó là công phu niệm Phật đặc lực. Trong tâm chỉ có A Di Đà Phật, không còn nghĩ đến gì khác, tự tư tự lợi, tham - sân - si - mạn, danh văn, lợi dưỡng, ngũ dục, lục trần không hề có những ý niệm ấy. Trong tâm chỉ có A Di Đà Phật; ngoại trừ A Di Đà Phật ra, ý niệm gì cũng không có. Chưa đoạn phiền não, chỉ cần quý vị có công phu đặc lực thì phiền não không thể đột ngột xuất hiện được, đó gọi là "công phu thành phiền". Tuy Sự Nhất Tâm nông cạn vẫn có thể vãng sanh, sanh vào Phàm Thánh Đồng Cư độ.

Nếu công phu niệm Phật của quý vị rất sâu, chẳng cần biết là Sự Trì hay Lý Trì, hễ có công phu khá sâu, đoạn được phiền não, phiền não vĩnh viễn chẳng còn khởi nữa, đó chính là thực sự đạt được Sự Nhất Tâm. Đoạn được Kiến Tư phiền não là thành tựu Niệm Phật tam-muội, Niệm Phật tam-muội rất sâu. Kinh Lăng Nghiêm nói Niệm Phật tam-muội sâu xa ấy tương đương với Cửu Thứ Đệ Định. A La Hán tu Cửu Thứ Đệ Định đoạn Kiến Tư phiền não, vượt thoát lục đạo luân hồi. Dùng công phu niệm Phật so ra đơn giản hơn phương pháp của A La Hán. Vì thế, trong kinh Đại Tập, đức Thế Tôn

dạy chúng ta: "*Niệm A Di Đà Phật là vô thượng thâm diệu Thiên*". Rất nhiều người không biết, vẫn muốn tham thiền, chẳng biết Niệm Phật là Thượng Thiên, Thượng Thượng Vi Diệu Thiên. Dùng phương pháp này có thể thành tựu Cửu Thứ Đệ Định, đắc Sự nhất tâm bất loạn bèn sanh vào Phương Tiện Hữu Dư độ.

Nếu tiến hơn một bước nữa thì vẫn dùng phương pháp này, đoạn trừ Trần Sa phiền não, cũng phá được một phẩm vô minh, đấy chính là "*tâm khai, kiến bốn tánh Phật*" (tâm khai ngộ, thấy được đức Phật nơi bốn tánh), nhà Thiền thường gọi "*tâm khai*" là "*đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh*", đó là Lý Nhất Tâm. Đắc Lý Nhất Tâm, sanh vào Thật Báo Trang Nghiêm độ, chẳng thể nghĩ bàn! Do vì mọi người trong Phật môn coi thường pháp môn Niệm Phật nên Ngẫu Ích đại sư đau lòng! Vì sao? Thù thẳng, đơn giản, dễ dàng như thế ấy, quý vị tu pháp môn này nhất định thành tựu trong một đời. Quý vị không tin tưởng, lại hoài nghi, lại còn phê bình, muốn tìm cầu pháp môn nào khác, muốn thành tựu nơi pháp môn nào khác ư? Khó lắm! Rất ư là khó! Không biết pháp môn này thù thẳng! Bởi thế, pháp môn này được gọi là "*nan tín chi pháp*" (pháp môn khó tin). Chúng ta đọc đến chỗ này thì quý vị phải hiểu rõ, thực sự là khó tin, chẳng phải giả vờ nói "*khó tin*" đâu nhé! Đừng nói người khác không tin, trước hết, hãy tự hỏi chính mình, tự mình có tin được hay là không? Nếu chính mình thực sự tin, quý vị sẽ chẳng đến nỗi như bây giờ!

Do đây biết rằng: Quý vị niệm Phật đến tận hôm nay vẫn chưa đạt được công phu thành phẩm là vì chưa tin thực sự! Do điều này, quý vị hãy suy nghĩ: Vì sao đối với phương pháp Niệm Phật của Ấn Quang đại sư, Ngài không nói đến giảng kinh, tôi lại đổi điều kiện "*không giảng kinh*" thành "*nhất định phải giảng kinh!*" Thời Ấn Quang đại sư không giảng kinh thì được, người niệm Phật [thời đại sư] thiện căn sâu dày, người niệm Phật thật thà, tin được, nguyện được, hành được. Nếu nay chúng tôi không giảng thấu triệt những đạo lý này, quý vị sẽ chẳng tin, chẳng nguyện, không có cách gì hết. Mục đích giảng kinh là gì? Nhằm thành tựu tín nguyện kiên cố cho quý vị, mục đích là ở chỗ này. Nay đã hết thời gian rồi!

Tập 26

Chư vị đồng học!

Xin xem tiếp tiểu đoạn thứ hai của đoạn thứ bảy "*nhất tâm bất loạn*": "*Sự Trì, văn thuyết Niệm Phật pháp môn, khả dĩ hoành siêu tam giới, đối nghiệp vãng sanh, thâm tín bất nghi, nhất tâm hệ niệm, cú cú phân minh, niệm niệm tương tục, hành, trụ, tọa, ngọa, duy thủ nhất niệm, cánh vô nhị niệm, tức dĩ nhất niệm nhi trừ chúng niệm. Do vị đạt lý, cố viết Sự Trì*" (Sự Trì: Nghe nói đến pháp môn Niệm Phật có thể vượt thoát tam giới theo

chiều ngang, đời nghiệp vãng sanh, bèn tin sâu xa không nghi, nhất tâm hệ niệm, từng câu phân minh, niệm niệm tiếp nối, đi, đứng, nằm, ngồi, chỉ có một niệm này, không có niệm thứ hai, tức là dùng một niệm để trừ các niệm. Do chưa thấu đạt lý nên gọi là Sự Trì). Đại Sư vì chúng ta thuyết minh Niệm Phật có Sự, có Lý. Trì danh niệm Phật trên mặt Sự và trì danh niệm Phật trên mặt Lý sai khác ở chỗ nào? Tuy Sự Trì và Lý Trì khác biệt, nhưng hiệu quả chẳng khác nhau, đều có thể đạt được nhất tâm bất loạn, hoàn toàn do mỗi người dụng công. Do đây biết rằng: Chớ nên so sánh Sự Trì với Lý Trì, quan trọng nhất là thật thà niệm. Trong Sự có Lý, trong Lý có Sự, Lý - Sự viên dung! Phải hiểu đạo lý này, chớ nên phân biệt. Hễ phân biệt thì sẽ vô hình trung sanh ra chướng ngại, dầu có niệm đến mức nhất tâm được vãng sanh, nhưng vẫn gây chướng ngại cho phẩm vị. Đó là chuyện chắc chắn!

Trước hết, chúng tôi giảng về Sự Trì. "*Văn thuyết Niệm Phật pháp môn*" (Nghe nói đến pháp môn Niệm Phật): Quý vị nghe nói đến là chuyện thông thường nhất! Chúng ta nghe nói pháp môn Niệm Phật có thể "*hoành siêu tam giới*". Trong những phần trước, tôi đã nhắc đến "*hoành siêu*" (vượt thoát tam giới theo chiều ngang) rồi, không phải là "*thụ siêu*" (siêu theo chiều dọc)! Siêu theo chiều dọc khó khăn lắm, nhưng từ nhân đạo [của thế giới Sa Bà] di dân sang thế giới Cực Lạc, đến thế giới Cực Lạc vẫn là nhân đạo thuộc Phạm Thánh Đồng Cư độ; đó là thuận tiện nhất, "*đời nghiệp vãng sanh*" mà! Hai câu cuối cùng [trong đoạn văn vừa dẫn trên đây] rất trọng yếu: "*Thâm tín bất nghi, nhất tâm hệ niệm*" (Tin sâu xa không nghi, nhất tâm hệ niệm). Trong bản dịch [kinh A Di Đà] của La Thập đại sư ghi là "*nhất tâm bất loạn*", bản dịch kinh A Di Đà của Huyền Trang đại sư chép là "*nhất tâm hệ niệm*". Huyền Trang đại sư trực dịch^{5[5]}, La Thập đại sư dịch ý. Nhất tâm hệ niệm chúng ta dễ dàng làm được, còn nhất tâm bất loạn rất khó, chẳng dễ gì đạt được. Thế nhưng La Thập đại sư dịch không sai, vì sao? Công phu Niệm Phật thành tựu rồi, lúc vãng sanh, A Di Đà Phật đến tiếp dẫn, nhất định Phật quang chiếu đến quý vị trước hết. Lúc quý vị được Phật quang chiếu tới, gia trì, công phu Niệm Phật của quý vị được nâng cao, tăng lên gấp bội.

Nói thật ra, công phu niệm Phật của chúng tôi vẫn chưa thành phiến, mới gần thành phiến! Quý vị phải nhớ kỹ câu này "*gần như thành phiến*"; khi nhân duyên của quý vị vừa chín muồi, vừa được Phật quang gia trì, công phu bèn thực sự thành phiến, nâng cao lên mức độ "thành phiến". Nếu công phu của quý vị đã thành phiến, [Phật quang gia trì khiến cho công phu ấy] được nâng lên thành Sự nhất tâm bất loạn. Người đã đắc Sự nhất tâm bất

5[5] Trực dịch: Dịch sát mặt chữ, kinh chép sao, dịch vậy, không lược bớt hay rút gọn những ý tưởng rườm rà, trùng lặp.

loạn sẽ được nâng lên thành Lý nhất tâm bất loạn. Lúc lâm chung, đức Phật đến tiếp dẫn, công phu nhất định được nâng cao, đó là do Phật lực gia trì. Điều đó cho thấy: Nếu chúng ta không nhất tâm hệ niệm sẽ rất khó, vì sao? Trong tâm tạp niệm quá nhiều, vọng tưởng quá nhiều, vướng mắc quá nhiều, muốn cho công phu niệm Phật đắc lực trong một đời này chẳng dễ dàng đâu nhé!

Do đây ta biết: Điều quan trọng nhất trong công phu niệm Phật của chúng ta chính là câu khẩu đầu thiền (thiền ngoài cửa miệng) của vị đường chủ Niệm Phật Đường thường hay nói rất quan trọng: "*Buông xuống thân tâm thế giới, nhất tâm chánh niệm*". Câu này rất quan trọng! Nếu không buông thân tâm thế giới xuống được, vẫn còn chút gì vướng mắc, chánh niệm sẽ không khởi lên được, không thể nhất tâm hệ niệm được. Quý vị không thể nhất tâm là vì có vọng tưởng xen tạp. Mấu chốt để thành tựu hay không là ở chỗ này! Vì sao quý vị không buông xuống được? Vì đối với pháp môn Tịnh Tông, quý vị chưa nhận thức rõ ràng, bởi thế, tín tâm không sâu, nguyện không thiết. "*Tin sâu nguyện thiết*" thì không gì là chẳng buông xuống được!

Ấn Quang đại sư dạy người, chính mình làm gương. Tôi đã từng đến viếng quan phòng (gian phòng Ngài dùng để bế quan) tại Linh Nham Sơn Tự ở Tô Châu. Pháp sư Minh Học bồi tiếp tôi trong lần thứ nhất tôi đến thăm viếng núi Linh Nham. Quan phòng thông với một tiểu Phật đường. Trong tòa tiểu Phật đường treo một chữ Tử (chết). Tổ sư thường bảo chúng ta: "*Người niệm Phật nhất định phải dán chữ Tử trên trán, thường nghĩ mình sắp chết, lúc ấy há có còn không buông xuống được hay chẳng?*" Không buông xuống được cũng phải buông xuống được! Vì sao? Có mang gì đi theo được đâu! Thế nhưng quả thật là có không ít người chết rồi vẫn chưa buông xuống được, hết cách rồi! Toa thuốc này của tổ sư vô hiệu, không trị nổi cái bệnh của người hiện tại. Đến chết vẫn không chịu buông xuống, không còn có cách gì hết!

Do vậy, công phu phải luyện trong thường ngày, dụng công mỗi ngày, dụng công như thế nào? Chỉ là buông xuống mà thôi! Buông xuống là công phu thực sự. Tôi thường khuyên những đồng học ở cùng một chỗ với nhau phải buông xuống tự tư tự lợi, buông xuống danh văn, lợi dưỡng, buông bỏ sự hưởng thụ ngũ dục, lục trần, buông bỏ tham - sân - si - mạn; cõi lòng thực sự thuần thiện, thuần tịnh, không nhiễm trước mảy may, không vướng mắc, nhất tâm hệ niệm sẽ hiện tiền. Quý vị sẽ đạt được như vậy.

"*Cú cú phân minh, niệm niệm tương tục*" (Từng câu phân minh, niệm niệm tiếp nối). Tin sâu không nghi là không ngờ vực. Nhất tâm hệ niệm, nhất tâm là chẳng có hai tâm, nhất tâm không xen tạp; xen tạp vọng niệm thì không phải là nhất tâm. Từng câu phân minh, niệm niệm tiếp nối là không gián đoạn. Quý vị thấy ba điều kiện "không hoài nghi, không xen

tạp, không gián đoạn” như Giác Minh Diệu Hạnh Bồ Tát đã nói đều đầy đủ! Đại Thế Chí Bồ Tát dạy chúng ta: “*Đô nhiếp lục căn, tịnh niệm tương kế*” (Nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối), chữ Tịnh trong “*tịnh niệm*” nghĩa là không được xen tạp; hễ xen tạp thì chẳng tịnh, hoài nghi cũng chẳng tịnh. Trong tịnh niệm, chắc chắn không có hoài nghi, không có xen tạp, đó mới là tịnh niệm! Tịnh niệm là nhất tâm hệ niệm. “*Tương tục*” (tiếp nối) là niệm niệm nối liền nhau, không gián đoạn. Chín chữ Giác Minh Diệu Hạnh Bồ Tát vừa nói trên đây (tức “*không hoài nghi, không xen tạp, không gián đoạn*”) hoàn toàn giống như lời Đại Thế Chí Bồ Tát đã nói.

Lại xem tiếp đoạn kế đó: “*Hành, trụ, tọa, ngọa, duy thử nhất niệm*” (Đi, đứng, nằm, ngồi, chỉ có mỗi một niệm này). Trong mười hai thời, tức hai mươi bốn tiếng đồng hồ trong một ngày, quý vị đi cũng vậy, đứng cũng vậy (“*trụ*” nghĩa là đứng), ngồi cũng vậy, nằm cũng vậy, trong tâm chỉ có một câu A Di Đà Phật. Trừ A Di Đà Phật ra, tuyệt đối chẳng có ý niệm thứ hai. Đó chính là dùng một niệm để đoạn trừ hết thảy vọng niệm, đó gọi là “công phu thành phẩm”. Có rất nhiều đồng tu hỏi tôi công phu thành phẩm là gì? Công phu thành phẩm là như vậy đó! Suốt ngày từ sáng đến tối trừ A Di Đà Phật ra, trong tâm không còn ý niệm nào khác! “Ý niệm khác” chính là vọng tưởng, phân biệt, chấp trước và những tạp niệm trong tâm. Một câu Phật hiệu công phu đặc lực sẽ hoàn toàn chèn ép được chúng, nhưng chưa đoạn được, nên bèn có thể đời nghiệp vãng sanh. Phẩm nào tập khí tức vọng tưởng, phân biệt, chấp trước chưa đoạn được, nhưng chỉ cần quý vị niệm Phật công phu đặc lực, đều có thể chế ngự được tất cả [phẩm nào tập khí]; bởi thế, gọi là “*phục đoạn*”, chứ không nói là “*diệt đoạn*”.

“*Do vị đạt Lý*” (do chưa thấu đạt Lý), đối với lý Tịnh tông rất sâu quý vị vẫn chưa hiểu rõ, nên gọi là Sự Trì. Lý của Tịnh tông là gì? “*Thị tâm thị Phật, thị tâm tác Phật*” (Tâm này là Phật, tâm này làm Phật); đây là Lý. Đương nhiên ta vẫn thường nghe mấy câu giảng về Lý như thế, nghe rất quen tai, thậm chí chính mình còn nói được như vậy, nhưng trên thực tế, hoàn toàn chẳng hiểu thật rõ ý nghĩa được bao hàm trong hai câu ấy; cho nên thuộc về Sự Trì. Đoạn kế tiếp lại giảng về Lý Trì.

Trong sách Yếu Giải, Ngẫu Ích đại sư giảng Lý Trì nguyên văn như sau, tôi đọc một lượt: “*Lý Trì giả, tín Tây Phương A Di Đà Phật*” (Lý Trì là tin Tây Phương A Di Đà Phật), “*tin vào A Di Đà Phật*” giống như Sự Trì, đều là nghe nói đến pháp môn Niệm Phật. Thế nhưng trong đây lại có Lý: “*Tây Phương A Di Đà Phật, thị ngã tâm cụ*” (Tây Phương A Di Đà Phật tâm ta sẵn đủ), tức trong chân tâm của chính chúng ta vốn sẵn có, “*thị ngã tâm tạo*” (là do tâm ta tạo). “*Thị ngã tâm cụ*” (tâm ta sẵn đủ) là duy tâm sở hiện; “*thị ngã tâm tạo*” (do tâm ta tạo) là duy thức sở biến. Tây Phương Cực Lạc thế giới chẳng ra ngoài lệ ấy, vẫn là “*duy tâm sở hiện, duy thức sở biến*”; đó là Lý. “*Tức dĩ tự tâm sở cụ, sở tạo chi hồng danh, vi hệ tâm chi cảnh, linh bất tạm vong*”

(Liên dùng hồng danh mà tự tâm sẵn có, do tâm tạo ấy làm cảnh để ràng buộc tâm, chẳng cho tạm quên). Ngẫu Ích đại sư giảng Lý Trì nguyên văn như thế. Ở đây, chúng tôi giải thích nông cạn ý nghĩa lời giảng của đại sư ngộ hầu mọi người dễ hiểu hơn.

"*Văn thuyết Niệm Phật pháp môn, nhất niệm tương ứng nhất niệm Phật, niệm niệm tương ứng niệm niệm Phật, thâm tín bất nghi*" (Nghe nói đến pháp môn Niệm Phật, một niệm tương ứng một niệm Phật, niệm niệm tương ứng niệm niệm Phật, tin sâu không nghi). Đạo lý nằm ở chỗ "*tương ứng*", tương ứng với điều gì? "*Tâm tác, tâm thị, tâm hiện, thức biến*", tương ứng với những điều ấy. Nói trên mặt Lý là "*tự tánh Di Đà, duy tâm Tịnh Độ*", quý vị thấy quen thuộc lắm! Tách khỏi "*tâm hiện, tâm tạo*" (tâm tạo là duy thức sở biến) thì không có một pháp nào để được cả. Tây Phương Cực Lạc thế giới không phải là ngoại lệ, thế giới Hoa Tạng cũng không phải là ngoại lệ. Cho đến vô lượng vô biên hết thảy cõi Phật trên từ chư Phật Như Lai dưới đến chúng sanh trong địa ngục, hữu tình, vô tình, há có pháp nào tách rời tâm tánh? Có một pháp nào chẳng phải là duy tâm sở hiện, duy thức sở biến hay chẳng? Có pháp nào mà tâm chẳng sẵn có, chẳng do tự tâm tạo hay chẳng? Phải hiểu đạo lý này! Tin sâu đạo lý này không ngờ vực thì niệm của ta sẽ tương ứng với Lý, tương ứng với tâm tánh.

"*Nhất tâm trì niệm, đô nhiếp lục căn, tịnh niệm tương kế*" (nhất tâm trì niệm, nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối). Đây chính là lời Đại Thế Chí dạy. Sáu căn không còn bị cảnh giới bên ngoài mê hoặc thì gọi là "*đô nhiếp lục căn*" (nhiếp trọn sáu căn). Mắt thấy Sắc, chẳng bị Sắc làm mê. Giống như gì? Giống như một tấm gương! Tâm giống hệt như tấm gương, cảnh giới bên ngoài hiện bóng trông thấy rất rõ ràng, rành rẽ, minh bạch, rõ rệt, nhưng chắc chắn gương chẳng bị nhuộm bẩn mảy may. Dụng tâm như tấm gương, hoàn toàn là trí huệ, không có tình thức. Tình là nhiễm ô, là chấp tướng. Trong Phật pháp thường nói "*không chấp tướng*"; tấm gương soi mọi vật nhưng không dính mắc tướng, chứ không phải là nói "liìa khỏi cảnh giới, nơi tấm gương không còn cảnh giới nữa", không phải vậy! Ngay trong lúc chiếu rọi cảnh giới mà chẳng chấp tướng. Cảnh giới đến hay đi chẳng liên can đến gương, đều luôn không dính mắc tướng. Chân tâm, căn tánh của sáu căn giống như tấm gương, vốn không chấp tướng.

Cái gì bị dính mắc? Vọng tâm bị dính mắc, chân tâm vốn không dính mắc! Bởi thế, nhìn vào chân tâm của quý vị, đức Phật thấy quý vị vốn đã là Phật, hiện đang là Phật, quý vị và chư Phật Như Lai chẳng khác gì nhau. Nói thật đấy, không giả dối chút nào; nhưng vấn đề là gì? Ở bên ngoài chân Phật (đức Phật thực sự trong tâm tánh), quý vị lại khoác thêm một giả Phật, rắc rối lắm! Khoác lấy giả tướng. Cái giả tướng ấy chính là tình thức, tình thức là hư vọng. Tình thức quyết định không có, chân tánh là thật. Phân định chân và vọng như thế nào? Chân là bất sanh bất diệt, vĩnh hằng

bất biến, đây là Chân. Tình thức có sanh diệt, có sanh, có diệt. Có sanh có diệt thì là giả, chứ không thật. Sanh diệt do đâu mà có? Sanh diệt từ trong "không sanh diệt" biến hiện ra; do mê nên bất sanh bất diệt biến thành sanh diệt. Chân tâm bốn tánh bất sanh bất diệt, vọng tâm (vọng tâm là tâm Duyên Lự) có sanh diệt nên gọi là Vọng, không phải chân.

Cái tâm ấy chính là gì? Nay chúng ta gọi nó là Niệm. Ý niệm có sanh diệt; niệm trước diệt, niệm sau bèn sanh. Chắc chắn niệm trước khác niệm sau; chúng có thể tương tự nhưng tuyệt đối chẳng thể hoàn toàn giống hệt nhau. Vì thế, cảnh giới được biến cũng tương tự, nhưng cảnh giới chẳng thể tương đồng. Cảnh giới do vọng tâm hiện ra, do thức biến ra; vọng tâm sanh diệt trong từng sát-na nên cảnh giới được biến hiện ra cũng sẽ sanh diệt trong từng sát-na. Vọng tâm niệm niệm chẳng tương đồng, đương nhiên cảnh giới được biến hiện cũng niệm niệm khác biệt. Rất nhiều người biết vào mùa Đông trời mưa tuyết. Hoa tuyết kết tinh từ xưa đến nay chưa ai tìm được hai kết tinh nào giống hệt nhau, chưa hề có!

Tiến sĩ Giang Bồn Thăng quan sát nước kết tinh, quan sát suốt tám chín năm cũng chưa hề thấy hai mẫu kết tinh nước giống hệt nhau. Vì nguyên nhân nào? Do niệm trước và niệm sau khác nhau, nên tướng được biến hiện là huyền tướng diệu hữu cũng không thể giống nhau. "*Diệu hữu phi hữu, chân không bất không*" (Diệu hữu không phải là hữu, chân không chẳng phải không), Phật pháp gọi điều này là "vô thường". Thế gian vô thường, phạm vi của danh từ "*thế gian*" rất lớn. Hết thầy pháp thế gian vô thường; pháp xuất thế gian cũng vô thường. Bất luận thế gian hay xuất thế gian đều là vô thường; vì sao? Đều do Thức biến. Khi nào Thức chuyển thành Trí, lúc đó quý vị mới thực sự thấy được chân thường.

Kinh giáo Đại Thừa bảo cảnh giới ấy phải từ Bát Địa trở lên [mới thấu hiểu được]. Chúng ta biết rõ: Bát Địa Bồ Tát chuyển A Lại Da Thức thành Đại Viên Kính Trí; Bát Địa mới chuyển được, mới thấy được ba tướng vi tế của A Lại Da Thức, ba tướng ấy được gọi là khởi nguyên (cội nguồn) của vũ trụ. Bát Địa Bồ Tát có thể thấy được khởi nguyên, trong Phật pháp gọi [khởi nguyên ấy] là "duyên khởi". Nay người thế gian thường gọi "pháp giới duyên khởi" là "khởi nguyên của vũ trụ". Bát Địa Bồ Tát thấy rõ. Bát Địa, Cửu Địa, Thập Địa, Đẳng Giác, Như Lai Quả địa; năm địa vị ấy là năm địa vị cao tột trong năm mươi hai địa vị (năm mươi một địa vị Bồ Tát và quả địa Như Lai). Năm địa vị cao nhất trong năm mươi hai địa vị mới thấy được chân tướng sự thật. Quý vị hãy nghĩ thử xem công phu ấy là như thế nào? Đều là công năng định lực. Địa vị Bồ Tát được phân biệt như thế nào? Phân biệt theo mức công phu Thiền Định sâu hay cạn. Đạt đến mức tối cao, Định ấy đã viên mãn rất ráo thì chân tướng tự sáng tỏ rạng ngời. Từ Thất Địa trở xuống, không thể thấy được chân tướng, nhưng có thể hiểu được lời đức

Phật dạy, hiểu được ý Phật, tin sâu chẳng nghi, y giáo phụng hành. Đó là kiến lập tín tâm từ nơi Lý.

"Niệm cực nhi không, Năng Sở song vong" (Niệm đến cùng cực sẽ giống như là không, Năng lẫn Sở cùng mất), người ấy niệm hay không niệm? Niệm chứ! Niệm đến cùng cực sẽ giống như là không, đấy chính là như trong phần sau có nói: "*Niệm nhưng vô niệm, vô niệm nhưng niệm*", tâm và Phật cùng một Thể, vọng tưởng, phân biệt, chấp trước đều không có. Vì sao? Tâm và Phật là một thể. Nếu có vọng tưởng, có phân biệt, có chấp trước thì cái tâm năng niệm và đức Phật được niệm vẫn là đối đãi, tức là hai bên đối lập nhau, vẫn còn cái tâm ta niệm và đức A Di Đà Phật được niệm bởi ta, vẫn còn có năng niệm và sở niệm. Năng - Sở không còn nữa thì công phu ấy sâu xa. Cái tâm năng niệm và đức Phật được niệm là một, không hai; đó là khế nhập cảnh giới.

Niệm nhưng vô niệm, vô niệm mà niệm, thử hỏi là niệm hay vô niệm? Niệm! Nhưng niệm mà vô niệm, vô niệm là niệm. Trên mặt Sự, quý vị thấy người ấy niệm, cầm xâu chuỗi niệm "A Di Đà Phật, A Di Đà Phật", không khác gì người niệm Phật bình thường cả; nhưng trên thực tế hoàn toàn khác hẳn người niệm Phật bình thường. Người niệm Phật bình thường chấp tướng, còn người kia niệm Phật không chấp vào bất cứ điều gì, Năng lẫn Sở đều mất. Tâm người ấy và Phật trí hợp thành một Thể, trí huệ Bát Nhã sẵn có trong tự tánh là cái tâm năng niệm, cái thân năng niệm và chúng sanh trong hết thảy các cõi nước trọn khắp pháp giới hư không giới hợp thành một. Đấy là Lý niệm.

"Do đạt Lý cô, thị viết Lý Trì" (Do thấu đạt lý nên gọi là Lý Trì). Lý Trì công phu đặc lực nhanh chóng hơn Sự Trì vì người ấy hiểu Lý nên công phu dễ đặc lực. Người ấy hiểu rõ chân tướng của nhân sinh và vũ trụ, nên trong tâm chẳng vướng mắc gì. Không thể chẳng thấu triệt Lý, không thể chẳng ngộ, ngộ nhập lý rất sâu là cảnh giới được chứng đắc bởi Phật và Pháp Thân Bồ Tát, cảnh giới ấy chính là Thật Tướng của các pháp. Phiền não tập khí từ vô lượng kiếp đến nay không cần đoạn mà tự nhiên chẳng còn nữa, vì sao? Quý vị biết mọi thứ đều là hư vọng; đã là hư vọng thì có còn gì để vướng mắc nữa ư? Quý vị còn phân biệt hay chấp trước nữa ư?

Ngay như tiên sinh Viên Liễu Phàm là một kẻ phạm phu mà ông ta đã biết như thế nào? Ông ta chỉ biết là Khổng lão tiên sinh tiên đoán cuộc đời của ông ta có số mạng nhất định, số mạng cả đời đã được định sẵn, không có lấy nửa điểm do con người quyết định, ông ta liền buông xuống, không còn có ý niệm tranh danh đoạt lợi nữa. Ông ta biết điều gì? Biết vận mạng cả đời đã được định sẵn, có muốn tranh cũng tranh không được, có muốn chẳng vâng theo số mạng ấy cũng không xong, [cho nên] cứ chiếu theo tám chữ do Khổng tiên sinh đã phê mà sống. Ông ta cùng thiền sư Vân Cốc ngồi trong Thiền Đường suốt ba ngày ba đêm mà chẳng dấy lên ý niệm nào.

Vì nguyên nhân nào vậy? Ông ta đã biết vận mạng của mình, cho nên không còn có vọng niệm nữa! Công phu ấy rất cao, người biết chân tướng của nhân sinh và vũ trụ [sẽ có công phu] hoàn toàn giống như ông Viên Liễu Phàm.

Tiên sinh Viên Liễu Phàm không phải là chẳng muốn khởi vọng tưởng, nhưng vì có khởi vọng tưởng cũng vô dụng, cho nên không khởi vọng tưởng. Còn người thực sự hiểu rõ chân tướng của nhân sinh và vũ trụ, sẽ tự nhiên không có vọng tưởng, nhập cảnh giới Phật; không giống như tiên sinh Viên Liễu Phàm còn thuộc vào cảnh giới phàm phu, chẳng phải là thánh nhân. Bởi thế, thiền sư Vân Cốc hỏi đến, ông ta nói ra, thiền sư Vân Cốc bèn cười ha hả: "Ta tưởng ông là hào kiệt, hóa ra thực sự là phàm phu. Ông vốn là một gã phàm phu rất đáng mến, rất hy hữu!" Trong mắt thiền sư Vân Cốc, họ Viên là đứa trẻ dễ dạy nên bèn dạy cho Liễu Phàm một chiêu để thay đổi vận mạng, tâm tưởng sự thành. Tiên sinh Liễu Phàm đạt được quả nhỏ, nếu gặp pháp môn Niệm Phật vắng sanh thì sẽ chứng được đại quả. Lý Trì và Sự Trì chúng tôi giảng đến đây thôi. Lại xem đoạn tiếp theo:

"Nhất tâm bất loạn cai quát Quán Kinh tam tâm, chí thành tâm, thâm tâm, phát nguyện hồi hướng tâm" (Nhất tâm bất loạn gồm trọn ba tâm của Quán Kinh: chí thành tâm, thâm tâm, phát nguyện hồi hướng tâm). Ngẫu Ích đại sư giảng rất hay, chân chánh niệm Phật cầu sanh về Tịnh Độ thì tâm ấy là tâm Vô Thượng Bồ Đề, xưa nay chưa có ai giảng như vậy, Ngài là người đầu tiên. Thực sự nhất tâm hệ niệm, ở đây chúng tôi nói là *"tin sâu không nghi, nhất tâm hệ niệm"* như trong Sự Trì thì tâm Bồ Đề trọn đủ.

Quý vị nghĩ xem nhất tâm có phải là chí thành tâm hay không? Nếu tâm không chân thành, làm sao có thể chuyên nhất cho được? Làm sao không xen tạp vọng tưởng cho được? Nhất tâm chẳng xen tạp vọng tưởng, không có hai niệm thì cái tâm ấy chân thành.

Thế nào là thâm tâm? Đã nhiều năm chúng tôi thường thưa cùng mọi người: Tâm thanh tịnh là thâm tâm, tâm bình đẳng là thâm tâm, tâm chánh giác là thâm tâm. Cổ nhân không nói như vậy, chúng tôi đọc rất nhiều chú giải, đại đa số đều giảng như sau: *"hiếu thiện, hiếu đức"* (ham điều lành, chuộng đức). Đó là nói chưa rõ rệt; nói cách khác, thâm tâm là tự lợi, tự thọ dụng, hiếu đức, hiếu thiện. Tôi nói ba tâm "thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác" là nói rất cụ thể. Quý vị nghĩ thử xem: Ba cái tâm ấy có lành hay không? Có phải là đức hay không?

"Phát nguyện hồi hướng tâm" là tâm từ bi, tâm đại bi, đại từ đại bi. Quán Kinh nói Bồ Đề tâm gồm ba thứ, trong Đại Thừa Khởi Tín Luận cũng nói đến ba loại. Khởi Tín Luận nói *"trực tâm, thâm tâm, đại bi tâm"*. Chí thành tâm là trực tâm, thâm tâm kinh và luận nói giống nhau. Khởi Tín Luận nói "đại bi tâm", còn Quán Kinh gọi là "hồi hướng phát nguyện tâm". Hợp kinh và luận lại thì ý nghĩa càng rõ rệt, chúng ta biết phải nên tu học như thế nào.

Khoảng mười mấy năm trước đây, tôi viết hai mươi chữ sau đây tại Cựu Kim Sơn (San Francisco), Mỹ Quốc: "*Chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, Chánh Giác, từ bi, khán phá, phóng hạ, tự tại, tùy duyên, niệm Phật*" (Chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, từ bi, thấy thấu suốt, buông xuống, tự tại, tùy duyên, niệm Phật). Chúng ta tu hành phải nắm chặt tổng cương lĩnh, tổng nguyên tắc ấy. Khởi tâm động niệm, xử sự, đãi người, tiếp vật trong cuộc sống thường ngày, quyết định chẳng trái nghịch nguyên tắc này, chẳng mâu thuẫn cương lĩnh này, chính là đang đi trên đường Phật vậy! Mười pháp giới là mười ngã đường, chúng ta chẳng đi lầm đường!

Phát nguyện hồi hướng, chúng tôi thường nói hồi hướng gồm ba loại: Hồi hướng Chân Như, hồi hướng Phật đạo, và hồi hướng chúng sanh. Quý vị thấy ba nguyện cuối cùng của Phổ Hiền Hạnh Nguyện chính là hồi hướng. Hồi hướng Chân Như là nguyện thứ mười, nguyện thứ mười của ngài Phổ Hiền là "*phổ giai hồi hướng*"; đây là hồi hướng Chân Như. Hồi hướng Phật đạo là "*thường tùy Phật học*" (thường học theo Phật); có chỗ giảng là hồi hướng Bồ Đề, Bồ Đề và Phật đạo có cùng một ý nghĩa. Thường học theo Phật là hồi hướng. Hồi hướng chúng sanh trong kinh văn nói rất rõ "*hằng thuận chúng sanh*", câu này rất quan trọng! Đối với chúng sanh, Phật chẳng hề miễn cưỡng mảy may, luôn tùy thuận, tuy hằng thuận nhưng thời thời khắc khắc cảnh tỉnh khiến cho quý vị giác ngộ, khiến cho quý vị minh bạch. Vì vậy, mới nói đức Thế Tôn giáo hóa chúng sanh bằng "*phương tiện thiện xảo*".

Phương tiện thiện xảo do đâu mà có? Do hằng thuận chúng sanh. Quý vị thấy trong hết thầy pháp môn, pháp thù thắng khôn sánh chính là pháp môn Niệm Phật này; đơn giản như vậy đó, dễ dàng như thế đó, thành tựu viên mãn rất ráo như thế đó, nhưng chúng sanh không tin, Phật bèn giảng cho họ một pháp môn khác. Thích tham Thiền à? Được! Dạy người pháp môn Thiền; thích Mật à? Được! Dạy người pháp môn Mật. Thật chẳng ngại mất công, người thích môn gì bèn dạy người môn đó; vô lượng vô biên pháp môn đều là phương tiện tiếp dẫn, đến tối hậu bèn dạy cho pháp môn chân thật: Niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Vô lượng vô biên pháp môn đều nhằm dẫn quý vị vào thế giới Hoa Tạng; vô lượng vô biên pháp môn thầy đều quy vào Hoa Tạng! Đến được thế giới Hoa Tạng rồi, Văn Thù và Phổ Hiền [sử dụng] mười đại nguyện vương dẫn [các vị Pháp Thân đại sĩ] về Cực Lạc, phải hiểu được ý nghĩa như thế! Từ Hoa Nghiêm tôi đã thấy được điều ấy nên không còn đi lòng vòng nữa, đã hiểu rồi!

Lúc tôi mới phát tâm bèn học Giáo. Vì sao? Đối với những nghĩa lý trong kinh điển nhà Phật, tôi hết sức hâm mộ, nói thật ra đều là "*tiên nhập vi chủ*" (pháp nào học đầu tiên, pháp ấy là chánh yếu)! Vị thầy đầu tiên của tôi là tiên sinh Phương Đông Mỹ, cụ dạy tôi Phật giáo là triết học. Trong mắt cụ, Phật giáo là triết học. Lúc đó, lão nhân gia đã hơn bốn mươi tuổi, tôi mới

hai mươi sáu. Cụ Phương đã hơn bốn mươi tuổi, là một triết gia trứ danh của Trung Quốc. Cụ bảo tôi: "*Hai phần mười kinh điển Phật giáo là triết học, đó là một nền triết học tối cao trên toàn thế giới*". Lúc ấy, cụ dạy tôi học hai phần mười ấy. Thực ra, hai phần mười chính là gì? Trong mười tông phái Phật giáo, hai tông Pháp Tướng Tông và Pháp Tánh Tông thuần là triết học, siêu việt mọi nền triết học cổ kim Trung Hoa và ngoại quốc.

Cụ lại còn nói một câu đưa tôi vào cửa Phật: "*Học Phật là sự hưởng thụ tối cao trong đời người*". Câu nói ấy khiến tâm tôi chấn động mạnh. Tôi bắt đầu lui tới chùa miếu, lui tới chùa miếu nhằm mục đích gì? Tìm kinh Phật để xem. Lúc ấy, tôi nhận thấy ở Đài Bắc nơi lui tới hết sức thuận tiện là chùa Thiện Đạo; trong chùa Thiện Đạo có thư viện Thái Hư, hình như ở đây có đến hai pho Đại Tạng Kinh. Tôi thấy vậy mừng lắm. Không thể mượn về được nên những khi rảnh rỗi tôi đều đến thư viện Thái Hư để chép kinh, mang sổ tay theo chép kinh. Vào cửa Phật như vậy đó. A! Bây giờ đã hết rồi!

*

Chư vị đồng học!

Trong phần trên tôi đã kể chuyện lúc cụ Phương còn tại thế đã đem Phật pháp giới thiệu cho tôi như thế nào. Kể từ khi tôi được quen biết thầy Phương, tôi được quen thầy vào lúc thầy đang tuổi trung niên cho đến tuổi vẫn niên suốt cả hơn ba mươi năm, tôi thấy cụ hoàn toàn dụng công nơi kinh điển, nhất là trong thời gian ấy, Đài Loan lần lượt ấn hành bộ Đại Chánh Tạng và Vạn Tục Tạng của Nhật Bản. Sau khi hai bộ Đại Tạng Kinh ấy được ấn hành, cụ Phương gần như dốc toàn bộ thời gian và tinh lực nơi hai bộ ấy. Khi đại học Đài Loan mở lớp triết học Phật giáo, cụ giảng về Phật học thời Ngụy - Tấn, Phật học thời Tùy - Đường, giảng Phật học Đại Thừa. Về già, cụ rời đại học Đài Loan về hưu, đại học Phụ Nhân mời cụ giảng triết học Hoa Nghiêm cho phân ban tiến sĩ. Cả đời cụ thích kinh Hoa Nghiêm nhất; nói thật ra, tôi ưa thích kinh Hoa Nghiêm cũng là do chịu ảnh hưởng của lão nhân gia.

Thế nhưng đến lúc về già (lúc đã thực sự có rất nhiều sách vở kinh điển rồi), cụ thực sự thay đổi quan điểm, không còn giống như lúc mới vừa dạy tôi (chỉ quan tâm đến Tánh Tông và Tướng Tông) mà tông nào cụ cũng nghiên cứu. Hết sức đáng tiếc là đang độ cụ chín muồi về Phật pháp, cụ lại mất. Cụ mất năm **bảy mươi chín** tuổi, tức năm 1977. Hình như đúng lúc đó tôi đang giảng kinh Lăng Nghiêm ở Hương Cảng, hình như cụ đã qua đời đến ngày thứ ba hay ngày thứ tư gì đó, tôi mới về được Đài Loan để tham gia lễ kỷ niệm truy điệu cụ. Ở đây, tôi chỉ nói như vậy thôi.

Lại xem tiếp đoạn thứ tám: "*Diệu hạnh thẳng quả, bất khả tư nghị*" (Diệu hạnh, quả thù thắng, chẳng thể nghĩ bàn). Trong đoạn này chia thành

chín tiểu đoạn. Tiểu đoạn thứ nhất là "lâm chung trừ chướng", "vãng sanh Cực Lạc, lâm mạng chung thời, thánh chúng lai nghênh, tâm bất điên đảo, tức đắc vãng sanh" (vãng sanh Cực Lạc, lúc lâm chung, thánh chúng đến đón, tâm không điên đảo, liền được vãng sanh). Chúng tôi đọc kinh văn một lượt:

Kỳ nhân lâm mạng chung thời, A Di Đà Phật dữ chư thánh chúng hiện tại kỳ tiền. Thị nhân chung thời, tâm bất điên đảo, tức đắc vãng sanh A Di Đà Phật Cực Lạc quốc độ.

其人臨命終時。阿彌陀佛。與諸聖眾。現在其前。是人終時。心不顛倒。即得往生阿彌陀佛極樂國土。

(Người ấy lúc sắp mạng chung, A Di Đà Phật và các vị thánh hiện ra trước mắt. Người ấy lúc mạng chung, tâm không điên đảo, liền được vãng sanh cõi nước Cực Lạc của A Di Đà Phật).

Đoạn kinh văn này thật tuyệt diệu. Quý vị vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, ai đến tiếp dẫn quý vị vậy? Chính đích thân giáo chủ A Di Đà đến tiếp đón, chẳng giống như nay chúng ta di dân đến quốc gia nào, lúc chúng ta đi, Tổng Thống không đến tiếp đón, Bộ Trưởng cũng không đến đón. Quý vị hãy nghĩ coi: Mình cảm thấy như thế nào? Vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, ai đến tiếp đón mình? A Di Đà Phật, Quán Âm, Thế Chí, lại còn có các đại Bồ Tát, Thanh Văn đều đến hoan nghênh, tiếp đón mình. Thế nhưng điều kiện vãng sanh ở đây không hề nói là phải nhất tâm bất loạn, hay quá! Vì sao? Công phu nhất tâm bất loạn mỗi cá nhân chúng ta chưa thể thực hiện được, "tâm không điên đảo" mà thôi! Nghĩa là sao? Câu này bao gồm cả lúc lâm chung một niệm hay mười niệm đều được vãng sanh. Lúc lâm chung một niệm hay mười niệm tức là vừa mới đạt công phu thành phẩm.

Như trong những phần trước, tôi đã kể cùng quý vị chuyện ông Châu Quảng Đại ở Washington DC, ba ngày trước khi mất mới được nghe pháp môn này, nhờ vào đâu mà được vãng sanh? "Tâm không điên đảo". Bởi thế, cái ải trọng yếu nhất trong một đời người là gì? Lúc lâm chung, chết trong sáng suốt, minh bạch, rất trọng yếu đấy nhé! Nếu lúc lâm chung mê hoặc, điên đảo, không biết chi hết (ta thường nói là "hôn mê"), thậm chí không nhận ra người nhà quyến thuộc, cứ nhìn trừng trừng: "Người là ai vậy?" Vấn đề nghiêm trọng lắm, người ấy khó thể vãng sanh; chẳng những khó vãng sanh mà trong trạng huống như thế, quá nửa bị nghiệp lực dẫn kéo. Nghiệp lực dẫn kéo chính là hạnh nghiệp cả một đời: Quý vị tạo thiện nghiệp đi vào hai đường trời - người; tạo ác nghiệp bèn đi vào ba ác đạo. Nhưng quý vị phải hiểu: Thiện nghiệp thì lâm chung có phước báo, tinh táo.

Bởi thế, lúc lâm chung đầu óc rất sáng suốt, không mê hoặc chút nào, người lớn, trẻ nhỏ trong nhà, thân thích, bè bạn đều nhận rõ từng người, biết rất rõ thì người ấy chắc chắn chẳng đọa tam đồ. Nếu người ấy không niệm Phật, không cầu vãng sanh, cũng đi vào hai đường trời - người. Đó là đại phước báo! Người Trung Quốc nói tới ngũ phước, phước cuối cùng trong ngũ phước là chết tốt lành, chết rất sáng suốt, tinh táo. Chết tốt lành thì đời sau sanh vào chỗ tốt, quý vị thấy điều này càng trọng yếu hơn chứ? Liên quan đến đời sau của quý vị đấy! Con người tu phước, nói thật ra, tổ sư đại đức dạy chúng ta tu phước nhưng không hưởng phước, phước báo dành để hưởng vào lúc nào? Để dành hưởng lúc lâm chung, lâm chung không bị bệnh khổ, biết trước lúc mất, tinh táo, sáng suốt, niệm Phật, Phật đến tiếp dẫn là phước báo bậc nhất, không phước báo nào lớn hơn được nữa!

Vì thế, phước báo cả đời chỉ nhằm cầu điều này, không cầu chi khác; đây là người thực sự có trí huệ, thực sự thông minh. Bình thời hưởng sạch hết phước, lúc lâm chung không có phước nên mê hoặc, điên đảo, tu hành cả đời trở thành chuyện nghi vấn. Cổ nhân thường nói: Đến lúc lâm chung, do công phu của quý vị đã tu không đặc lực nên sẽ gặp phải hiện tượng ấy. Vì thế câu "*tâm không điên đảo*" rất trọng yếu! Chúng ta nhất định phải cầu điều này, có cầu được như vậy không? Phước báo đó thôi!

Tâm địa thuần thiện thuần tịnh, dầu chúng ta chưa đạt được chữ "thuần", nhưng phải đạt đến mức thanh tịnh, lương thiện, tâm lành, tư tưởng lành, hạnh lành. Trong cả đời cam chịu thua thiệt, chịu nhường nhịn, có thể nhẫn nhục, không tranh cùng người, không cầu nơi sự, thân tâm được an ổn, đó chính là phước báo. Cuộc sống bình lặng, đạm bạc, miễn sao qua ngày. Nếu có phước báo càng lớn hơn thì bố thí, cúng dường cho những chúng sanh khổ nạn, lúc lâm chung hưởng phước báo "*tâm không điên đảo*", phước báo ấy hiện tiền. Bởi thế, cả đời luôn nghĩ đến người khác, không tự tư tự lợi; nếu tự tư tự lợi e rằng lâm chung sẽ bị điên đảo, bị mê hoặc. Bất luận tu một pháp môn nào, dùng công phu nào, lâm chung hề bị mê hoặc là xong, không có cách chi trợ niệm được!

Thế nhưng chúng ta thấy có rất nhiều trường hợp, lúc mất vẻ mặt người chết khó coi, sau khi được trợ niệm mấy giờ đồng hồ vẻ mặt bèn hết sức dễ nhìn, nhưng điều ấy không có nghĩa là người ấy được vãng sanh. Vẻ mặt trông dễ coi hơn là chuyện nhất định! Vì sao? Bao nhiêu người đưa đến những tin tức tốt lành cho người mất; giống như làm thí nghiệm kết tinh nước: Bao người dùng thiện ý đối với nó, để đáp lại, nước kết tinh hết sức đẹp đẽ; đạo lý là như vậy. Tuy thần thức người chết đã ly khai, không còn hít thở nữa, tim cũng không đập nữa, nhưng nhục thể vẫn còn. Mỗi một tế bào nơi nhục thể đều thấy nghe hay biết, đều có thể tiếp nhận những thông tin bên ngoài. Lúc ấy thông tin trợ niệm là thông tin tốt đẹp nhất: "A Di Đà

Phật!” Từ thông tin ấy, chúng kết tinh đẹp nhất, chúng ta phải hiểu rõ đạo lý này!

Vì vậy, bình thời phải nuôi dưỡng ý niệm yêu thương, cảm ân, thời thời khắc khắc dùng thiện ý, thiện tâm đối đãi hết thầy người, hết thầy sự vật, sẽ được đáp ứng hết sức tốt đẹp, có thể biến địch thành bạn, hóa oán thành thân. Vì sao không làm được? Kinh Phật khuyên dạy chúng ta, nhưng có lúc đúng là chúng ta tâm ý hời hợt: Phật chưa từng được thấy, kinh điển chẳng biết là do ai viết, rốt cuộc là thật hay giả đây? Đúng là tuyệt đại đa số người học Phật chớ nghĩ họ rất kiên thành, thật ra họ bán tín bán nghi, vì sao? Công phu không đặc lực!

Nay đã có khoa học chứng thực, khiến cho mức độ khả tín của những gì kinh Phật đã giảng càng sâu thêm; khoa học chứng minh những điều đó là thật chứ không giả. Nay chuyện nước kết tinh đã hé lộ phần nào sự tình ấy. Chúng tôi nghe nói ở thành phố Đài Bắc có rất nhiều học sinh tiểu học làm thí nghiệm, thầy đều thành công. Bữa nay có đồng học hạ tải bày bản báo cáo về các thí nghiệm của học sinh tiểu học từ Internet; tôi đã coi kỹ một lượt, hy vọng các vị đồng học cũng có thể làm thí nghiệm, tự mình đích thân làm. Làm đối với những gì? Làm đối với hết thầy vạn sự vạn vật. Trong học viện của chúng ta, cây cối hoa cỏ rất nhiều, mỗi ngày mỗi người dùng thiện ý đối với bụi hoa, đối với cây: “Người tăng trưởng rất đẹp, ta thích người lắm”. Nói với chúng những câu ấy, thành tâm thành ý nghĩ như vậy thì chúng càng lớn càng đẹp, báo đáp mà!

Có thể dùng ý xấu đối với thức ăn, đừng dùng ý xấu đối với cây cỏ hoa lá. Dùng ý xấu đối với cây cối, hoa lá, chúng sẽ chết khô, rất đáng tiếc, hoàn toàn dùng thiện ý. Ý xấu là bình thường mình ăn trái cây gì, quý vị có thể dùng thiện ý, ác ý hay mặc kệ đối với chúng. Có thể làm ba thí nghiệm như vậy. Đối với những cây cối hoa lá, hy vọng quý vị đều dùng thiện ý, chớ dùng ác ý, thành tâm thành ý yêu thương che chở chúng. Trong sân chúng ta lại có rất nhiều chim, so ra học viện hơi ít chim; tại Highfields là nơi tôi ở, chim rất nhiều, động vật nhỏ rất nhiều, chúng ta đều dùng thiện tâm, thiện ý thực sự yêu thương che chở, trở thành bè bạn của chúng, chúng đều có linh tánh!

Quý vị thấy chúng tôi dùng thiện ý đối với kiến, gián, chuột, chúng tôi dùng thiện ý đối đãi chúng. Nay chỗ chúng tôi ở rất sạch sẽ, những con vật nhỏ đều ở ngoài sân, đều ở bên ngoài, chẳng vào nhà gây rối. Chúng tôi nhất định không gây tổn thương cho chúng, chúng cũng không gây rắc rối cho chúng tôi! Quý vị thấy cùng sống hòa bình tốt đẹp như thế đó. Coi chúng như là bè bạn, như đồng tham đạo hữu. Trong hai mươi bốn tiếng đồng hồ, tiếng niệm Phật, bằng giảng kinh phát ra không gián đoạn, bọn động vật nhỏ đều nghe, cây cối hoa cỏ cũng nghe âm nhạc, cũng nghe giảng kinh. Huống chi kinh Hoa Nghiêm đã giảng: Cây có thần cây, hoa có

thần hoa, cỏ cũng có thần linh. Vũ trụ bộ máy sống động, chứ không chết cứng, hết sức sống động. Chúng ta nhận biết, hiểu rõ, cùng tồn tại, cùng thịnh vượng với thiên nhiên, vui vẻ ưa thích, cùng nhau hợp tác. Chỉ cần quý vị có thành ý, cổ nhân Trung Quốc nói rất hay: "*Tinh thành sở chí, kim thạch vị khai*" (lòng thành chuyên ròng đến cùng tột, vàng đá cũng phải nứt); thầy Lý bảo là "*chí thành cảm thông*".

Virus bệnh SARS chính là vi khuẩn mang chất độc, chúng ta chí thành cảm thông thì chất độc ấy chuyển biến thành chất dinh dưỡng tốt nhất, đây mới là biện pháp giải quyết, nhất định chẳng được sát hại. Nếu giết chết, tiêu diệt nó thì không được, đừng nên có ý niệm ấy. Có ý niệm ấy, nó liền biến đổi, càng biến thành độc hơn, vì sao? Nó chống cự lại. Hai bên cùng thù ghét nhau; cố sao không dùng tâm yêu thương? Cố sao chẳng dùng thủ đoạn hòa bình? Đôi bên kính yêu nhau, giúp đỡ lẫn nhau cùng thành tựu, tốt hơn nhiều! Bởi vậy, một câu "*tâm không điên đảo*" trong kinh văn hay làm sao! Hết sức là hay! Có như vậy mới có thể vãng sanh. Tiếp đó là đoạn "*ta thấy điều lợi này*". Chúng ta hãy xem đoạn kinh văn ấy. Kinh nói như thế này:

Xá Lợi Phất! Ngã kiến thị lợi cố thuyết thử ngôn: Nhược hữu chúng sanh văn thị thuyết giả, ưng đương phát nguyện, sanh bỉ quốc độ.

舍利弗。我見是利。故說此言。若有眾生。聞是說者。應當發願。生彼國土。

(*Này Xá Lợi Phất! Ta thấy điều lợi ấy nên nói như thế này: Nếu có chúng sanh nghe nói như vậy, hãy nên phát nguyện sanh về cõi ấy*).

"Ngã" ở đây là Thích Ca Mâu Ni Phật, đích thân Thích Ca Mâu Ni Phật thấy điều lợi ích ấy, lợi ích gì vậy? "*Tâm bất điên đảo, tức đắc vãng sanh, lâm mạng chung thời, thánh chúng lai nghêh*" (Tâm không điên đảo, liền được vãng sanh, lúc lâm chung thánh chúng đến đón). Thích Ca Mâu Ni Phật tự thấy điều lợi ích khôn sánh như thế. Quý vị thấy đó: Ở Tây Phương Cực Lạc thế giới, Phật rất tốt, Bồ Tát rất tốt, không có chút tranh chấp gì. Trong thế gian này, quý vị muốn gặp hàng quan to quý nhân cũng không gặp được, còn trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, hằng ngày gặp mặt chư Phật Như Lai, chư đại Bồ Tát. Quán Âm, Thế Chí nắm tay cùng đi, tay nắm tay nhau cùng tản bộ, chuyện vãn. Các Ngài là tay phải, tay trái của A Di Đà Phật; quý vị đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, thường chẳng rời khỏi các Ngài. Trong thế gian hiện tại đây, không sao được như vậy. Nay mình là học trò còn đang đi học, mình có được gặp mặt hiệu trưởng hằng ngày hay không? Hằng ngày có thân cận thầy giáo hay không? Chẳng dễ đâu!

Nhất là hiệu trưởng, có rất nhiều học sinh từ lúc mới nhập học cho đến khi tốt nghiệp cũng chỉ thấy mặt hai ba lần, khoảng cách rất xa, khó thể nói đàm câu với hiệu trưởng. Ở Tây Phương Cực Lạc thế giới, A Di Đà Phật, Quán Âm, Thế Chí, các vị thượng thiện nhân ấy đích thân đến đón quý vị, Thích Ca Mâu Ni Phật trông thấy sự lợi ích ấy. Nêu lên lợi ích quan trọng nhất là *"hoàn siêu ngũ trước, lúc lâm chung không điên đảo"*, tức là khi sắp chết tâm không điên đảo. Chữ *"ngũ trước"* chỉ thế giới Sa Bà, chúng ta gọi là *"tam giới lục đạo"*. Lúc lâm chung, *"đệ lục Ý Thức dĩ bất hành, đệ bát thức tập khí loạn phát"* (thức thứ sáu là Ý Thức đã không còn hoạt động nữa, tập khí trong thức thứ tám loạn động), nên gọi là *"loạn tâm vị"* (địa vị tâm tán loạn). Đó chính là tướng trạng của tâm điên đảo vậy.

Vì sao bị điên đảo khi lâm chung? Kinh điển của Pháp Tướng Tông giảng tình huống con người khi lâm chung rất tường tận. A Lại Da Thức (tức thức thứ tám) *"tiên lai, hậu khứ, tác chúa công"* (đến trước, đi sau, làm ông chủ). Lúc đầu thai, thức này đến trước tiên. Lúc đứa bé đã phát triển toàn vẹn, được sanh ra thì tám thức đều có đủ, mắt, mũi, lưỡi, thân, ý đều có đủ; nhưng lúc mới nhập thai thì không có, chỉ có thức thứ tám. Thức thứ tám được gọi là *"thần thức"*, nó đến đầu thai. Khi người ta chết đi, bảy thức trước dần dần chẳng thể khởi tác dụng nữa, tợ hồ đều không có; nhưng thức thứ tám vẫn còn, thức thứ tám rời đi sau cùng.

Trong kinh, đức Phật giảng cho chúng ta biết: Sau khi con người tắt thở, thức thứ tám sẽ rời thân lúc nào? Ước chừng sau tám tiếng đồng hồ; tám tiếng sau khi tắt thở thì thức thứ tám mới rời thân; thân thể thực sự không hay biết nữa thì phải mất tám tiếng đồng hồ [sau khi tắt thở]. Nhưng tám tiếng đồng hồ là đa số, có một số người rất tham ái thân thể, không buông xuống được, rất có thể phải đến mười hai tiếng hay mười bốn tiếng đồng hồ sau thần thức mới rời khỏi thân. Có rất ít người, vô cùng ít, đã nhiều ngày mà A Lại Da Thức chẳng chịu rời đi, chúng ta gọi hạng người ấy là *"thủ thi quý"* (quý giữ xác). Kẻ ấy không rời được thân xác này, chấp trước quá đỗi, Ngã Chấp quá nặng. *"Loạn tâm vị"* chướng ngại việc vãng sanh.

Ở đây chúng ta phải hiểu rõ *"nhất tâm hệ niệm"* rất quan trọng. *"Tin sâu chẳng nghi, nhất tâm hệ niệm"*, đó chính là bí quyết tu hành để vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới. Lúc lâm chung không điên đảo, sáng suốt, tinh táo, minh mẫn, đức Phật thấy điều ấy rất rõ ràng nên khuyên dạy chúng ta *"ưng đương phát nguyện, nguyện sanh bỉ quốc"* (phải nên phát nguyện, nguyện sanh về cõi ấy), không có gì trọng yếu hơn được nữa. Lại xem tiếp đoạn kể tiếp:

"Sự Lý nhị trì, nhất tâm bất loạn" (Sự Trì và Lý Trì, nhất tâm bất loạn). Sự Trì cũng tốt, Lý Trì cũng hay, bất luận thế nào chúng ta trì danh niệm Phật nhằm mục đích gì? Mục đích là cầu nhất tâm bất loạn. Đoạn này giảng chuyện này rất nhiều, vì sao vậy? Hết sức quan trọng. *"Bất vị Kiến Tư loạn"*

cổ, cảm Hóa Thân Phật hiện tiền, sanh Đồng Cư Phương Tiện độ" (Chẳng bị Kiến Tư làm loạn, cảm được Hóa Thân Phật hiện ra trước mặt, sanh vào cõi Đồng Cư hay Phương Tiện độ). Đó là gì vậy? Chính là Sự nhất tâm bất loạn. Ở đây, điều kiện là phải thực sự chế ngự, khuất phục được Kiến Tư phiền não; người niệm Phật có Cảm, đức Phật liền Ứng. Quý vị thấy được thân Phật nào? Hóa Thân của Phật. A Di Đà Phật, Quán Âm, Thế Chí trăm ngàn ức Hóa Thân, hóa hiện các thân đến nghênh tiếp, quyết định chẳng để sót. "Người vãng sanh nhiều như thế, A Di Đà Phật có quên mình hay không?" Quý vị đừng khởi vọng tưởng như thế! Chắc chắn A Di Đà Phật không quên, vì sao? Quý vị có Cảm thì sự Cảm đó giống như làn sóng điện, quý vị có nguyện vọng cầu Phật đến tiếp dẫn; đức Phật thấu nhận ý niệm ấy, sẽ tự nhiên hóa thân đến đón mình.

Kiến Tư phiền não rất phiền toái! Nhất định phải chế ngự, khuất phục chúng, phải thường tu tập công phu ấy, nay ta muốn thực hiện thì phải làm như thế nào? Vẫn là một câu nói cũ rích: "Buông xuống!" Buông những gì xuống? Nói chung là buông hết thảy chấp trước, chớ có chấp trước, buông xuống hết thảy phân biệt. Chỉ cần quý vị có phân biệt, chấp trước thì sẽ bị phiền phức liền, tạo thành chướng ngại liền. Quý vị có chướng ngại như vậy thì khi lâm chung chẳng thấy Phật đến tiếp dẫn. Lúc lâm chung thấy Phật chứng tỏ công phu đã có thể chế ngự Kiến Tư phiền não nên quý vị mới thấy được Phật; không khuất phục được Kiến Tư phiền não sẽ chẳng thấy được Phật. Bởi thế, trợ niệm lúc lâm chung rất tốt, đúng là giúp ích rất lớn. Bởi lẽ, có rất nhiều người niệm Phật đến lúc lâm chung, bình thời không buông xuống được, lúc sắp mất, biết không mang theo được gì, lúc ấy tâm niệm Phật hết sức khẩn thiết, vô cùng chân thật, lại có người khác cùng niệm theo thì công đức ấy càng thù thắng vô cùng. Đưa một người vãng sanh là giúp cho người ấy thành Phật, có phải là công đức lợi ích càng thù thắng hơn hay không? Chế phục Kiến Tư phiền não sẽ sanh về cõi Đồng Cư, Phạm Thánh Đồng Cư độ và Phương Tiện Hữu Dư độ.

Loại thứ hai là *"bất vị nhị biên sở loạn, cảm Báo Thân Phật lai nghênh, sanh Thật Báo Tịch Quang nhị độ"* (chẳng bị nhị biên làm loạn, cảm Báo Thân Phật đến đón, sanh vào hai cõi Thật Báo và Tịch Quang). Đây là Lý nhất tâm bất loạn, là công phu cao. *"Bất vị nhị biên sở loạn"* (chẳng bị nhị biên làm loạn) tức là ngay cả vọng tưởng cũng bị chế ngự. Vọng tưởng là Vô Minh phiền não. *"Chẳng bị nhị biên làm loạn"* chính là nhập pháp môn Bất Nhị. Trong phần trên đã nói đến Lý Trì, người ấy hiểu rõ Lý. Cảnh giới niệm Phật của người ấy là Năng - Sở cùng mất: Cái tâm niệm Phật và đức Phật được niệm dung hợp thành một thể; thông thường, người niệm Phật và đức Phật được niệm là hai, chẳng thể hợp thành một. Người niệm ở đây nhập Bất Nhị pháp môn, có thể dung hợp năng niệm và sở niệm thành một thể, người ấy cảm được Báo Thân của A Di Đà Phật. Tướng Báo Thân rất lớn,

vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới sanh trong Thật Báo Trang Nghiêm Độ hay Thường Tịch Quang Độ, thực sự là "hoa nở thấy Phật ngộ Vô Sanh". Về tới Tây Phương Cực Lạc thế giới hoa liền nở ngay.

Sự việc này khiến chúng tôi nghĩ: Đối với kinh giáo Đại Thừa, chỉ có huân tập lâu dài kinh giáo Nhất Thừa của Đại Thừa mới dần dần tỉnh ngộ, mới dần dần hiểu được chân tướng của vũ trụ nhân sinh, nhất là những kinh như Hoa Nghiêm, Pháp Hoa, Lăng Nghiêm, Lăng Già. Những đại kinh đại luận ấy quả thật giúp chúng ta thông đạt Thật Tướng của các pháp, giúp chúng ta khế nhập cảnh giới Như Lai. Chúng ta thực sự nhận hiểu hết thảy các pháp vô sở hữu, rốt ráo không, bất khả đắc, kinh Bát Nhã giảng như vậy đấy! Trước hết, kinh dạy quý vị phải buông thân tâm, thế giới xuống; buông xuống xong lại dạy quý vị đem thân tâm của chính mình và Thật Tướng của các pháp dung hợp thành một Thể, quý vị sẽ nhập cảnh giới Phật. Toàn bộ vũ trụ là chính mình, là chân tâm của chính mình, là bốn tánh của chính mình, là Pháp Thân của chính mình.

Đại Bồ Đề tâm hiện tiền, tâm chân thành trọn khắp pháp giới hư không giới, thâm tâm của quý vị chính là tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng, tâm chánh giác trọn khắp hư không pháp giới; tâm từ bi chính là tâm phát nguyện hồi hướng khắp hết thảy chúng sanh trong các cõi nước trọn hư không pháp giới. Với cảnh giới ấy, khi vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, đương nhiên sẽ sanh vào Thật Báo Trang Nghiêm Độ hay Thường Tịch Quang Độ! Tiểu Ngã của chúng ta hòa với Đại Ngã của vũ trụ thành một, "chẳng bị nhị biên làm loạn". Nhị Biên là như tôi vừa mới nêu thí dụ đấy: Thân ta là Tiểu Ngã, vũ trụ là Đại Ngã. Đại - Tiểu là Nhị Biên; nay biết không có lớn hay nhỏ thì đại - tiểu là một, không hai, tiểu vũ trụ và đại vũ trụ là một. Đây là thực sự giác ngộ, triệt để giác ngộ, trong nhà Thiền gọi là "đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh". Chúng ta lại xem tiếp đoạn tiếp theo [trong sách Yếu Giải]:

"Đương tri trì danh, giản dị trực tiếp, chí đốn, chí viên, dĩ niệm niệm tức Phật cố, bất lao quán tưởng, bất tất tham cứu, đương hạ viên minh, vô dư, vô khiếm" (Nên biết trì danh giản dị, thẳng chóng, chí viên, chí đốn. Do niệm niệm chính là Phật nên chẳng phải nhọc công quán tưởng, chẳng cần phải tham cứu, viên minh ngay tại đó, không thừa, không thiếu). Mấy câu này luận rất hay, giảng hết sức tuyệt diệu! Ở đây, Tổ Sư dạy chúng ta phải "đương tri" (nên biết): Các người phải nên biết rằng: Chấp trì danh hiệu, tín nguyện trì danh đơn giản lắm! Trong tám vạn bốn ngàn pháp môn, chẳng có pháp môn nào đơn giản như thế này; tìm lấy một pháp môn nào khác đơn giản như thế này tìm không ra! Dễ dàng quá! Không ai chẳng thể niệm, một câu A Di Đà Phật đơn giản, dễ dàng, nhưng chớ có xem thường, vì sao vậy? Nó viên đốn nhất, thù thắng nhất trong Phật pháp, là đại pháp viên đốn khó có nhất. "Viên" là viên mãn, không thiếu sót chút nào, "đốn" là đốn

siêu (vượt thoát nhanh chóng), chẳng phải mất một thời gian dài. Pháp này là như vậy đó!

Do đâu mà thấy viên mãn? Hãy xem lúc lâm chung, Phật và Bồ Tát đến tiếp dẫn, quý vị nói xem có phải là Viên hay không? Do đâu mà thấy là Đốn? Kinh nói từ một ngày đến bảy ngày, có pháp môn nào khác có thể thành công trong bảy ngày được chẳng? Thực sự tìm không ra! Trong Tịnh Độ Thánh Hiền Lục và trong Vãng Sanh Truyện, quả thật là có những người từ một ngày đến bảy ngày bèn thành tựu. Không nói dối đâu! Đốn siêu mà! Bởi thế, pháp môn này được gọi là pháp môn cả viên lẫn đốn đều đạt đến tốt đỉnh, không gì hơn được nữa, chí viên, chí đốn!

Tiếp đó, tổ Ngẫu Ích viết: "*Dĩ niệm niệm tức Phật cố*" (Do niệm niệm chính là Phật), phải hiểu đạo lý này. Hết thấy chúng sanh vốn sẵn là Phật, phải biết điều này, đó là sự thật, xác thực quý vị vốn là Phật. "*Vốn sẵn*" nghĩa là lúc nào vậy? Chính là trong hiện tại. Hiện tại quý vị vốn đã là Phật, nhưng quý vị mê không giác. Trong giáo pháp Đại Thừa thường nói căn tánh của sáu căn là Phật tánh. Phật tánh có đặc tánh là thấy nghe hay biết, có thể thấy được, nghe được, cảm nhận được, biết được, đây là đặc tánh của tự tánh. Đặc tánh ấy bất sanh, bất diệt, không đến, không đi, không một, không khác, chẳng có, chẳng không, trọn khắp hư không pháp giới. Ở mắt gọi là tánh Thấy, nơi tai gọi là tánh Nghe, ở miệng, ở mũi, ở thân gọi là tánh Cảm Nhận, ở ý gọi là tánh Biết, thấy - nghe - cảm nhận - biết là sẵn có, đó là Phật. Tôi có, anh có, tất cả hết thấy vạn vật đều có, chẳng những hết thấy vạn vật có mà hư không cũng có. Vì sao? Hư không cũng do tâm hiện, đã do tâm biến hiện thì làm sao không có cho được?

Vì sao chúng ta ra nông nổi này? Do mê mất tự tánh, do tự tánh Phật bị mê; vì mê nên biến thành phàm phu. Nay chúng ta niệm Phật, niệm Phật là đem tự tánh niệm ra; nay chúng ta lại làm Phật. Ta vốn sẵn là Phật, nay lại làm Phật, há có đạo lý chẳng thành Phật được ư? Niệm niệm chính là Phật, chẳng cần phải nhọc sức quán tưởng, chẳng dùng đến quán tưởng. Quán tưởng phiền phức quá, cũng chẳng cần phải tham cứu. Chẳng cần phải nhọc công quán tưởng tức là không cần dùng đến mười sáu pháp Quán, rắc rối quá! Chẳng cần tham cứu là chẳng cần dùng đến phương pháp của Thiền Tông. "*Đương hạ viên minh, vô dư, vô khiếm*" (Ngay nơi đó viên minh, không thừa không thiếu), hết sức viên mãn, không mảy may thiếu khuyết gì, cho thấy pháp môn này chân thật, rất ráo, đại viên mãn. A! Nay đã đến giờ rồi!

Tập 27

Chư vị đồng học!

Xin xem tiếp tiểu đoạn thứ tư của đoạn thứ tám "*diệu hạnh thắng quả, chẳng thể nghĩ bàn!*" Chúng tôi đọc nguyên văn sách Yếu Giải một lượt:

"*Thượng thượng căn bất năng du kỳ khốn, hạ hạ căn diệt năng trần kỳ vực, kỳ sở cảm Phật, sở sanh độ, vãng vãng thắng tấn, diệt bất nhất khái, khả vị hoành cai bát giáo, thụ triết ngũ thời. Sở dĩ, triết để bi tâm, vô vấn tự thuyết, thả thâm thán kỳ nan tín dã*" (Thượng thượng căn chẳng thể vượt khỏi cửa thành này, hạ hạ căn cũng có thể đến được cõi ấy. [Do công phu tu tập của mỗi người mà] đối với mỗi tầng cấp công phu cảm được đức Phật và cõi nước sẽ sanh về lại càng thù thắng hơn, cũng chẳng nhất loạt giống nhau⁶[6]. Có thể nói [pháp môn Tịnh Độ] theo chiều ngang gồm trọn tám giáo, theo chiều dọc suốt thâu năm thời. Bởi thế, do tâm bi triết để [nên đức Phật] không ai hỏi tự nói, lại còn than thở sâu xa là pháp khó tin). Nguyên văn trong sách Yếu Giải viết như vậy, phải nói là hay tuyệt diệu, quả thật đúng như thế. Ý Ngẫu Ích đại sư muốn nói: Pháp môn này quả thật độ thích hợp trọn khắp ba căn, lợi căn lẫn độn căn đều gồm thâu. Thượng thượng căn chẳng thể vượt ra khỏi được; chữ "*Khốn*" (闕: cửa thành, cửa ngõ) nói như bây giờ là "phạm vi", chẳng thể vượt ra ngoài được. Hạ Hạ căn cũng có thể đạt đến cảnh giới ấy. Đức Phật mình cảm được, cõi mình được sanh tùy theo công phu của mỗi người có mỗi tầng cấp sau lại thù thắng hơn tầng cấp trước. Thắng (勝) là thù thắng, Tấn (進) là tiến triển, luôn nâng cao, cũng không giống hết nhau; bởi lẽ, thế giới Tây Phương có bốn cõi, ba bậc, chín phẩm, nhưng ai nấy đều có phần.

Trong phần giảng về chương Thượng Phẩm Thượng Sanh của Quán Kinh, đại sư Thiện Đạo đã giảng về chuyện này hết sức hay! Do các đại đức thuở trước cho rằng ba phẩm vãng sanh bậc Thượng là để Bồ Tát vãng sanh, ba phẩm Trung là Thanh Văn, Duyên Giác vãng sanh; còn phàm phu đời nghiệp vãng sanh chỉ có thể vãng sanh trong ba phẩm Hạ. Chiếu theo cách giải thích của cổ đức, đối với bậc Thượng và bậc Trung, bọn phàm phu chúng ta tuyệt không có phần, Thiện Đạo đại sư không giảng như vậy. Theo truyền thuyết, Thiện Đạo đại sư là A Di Đà Phật tái lai, lời Thiện Đạo đại sư chính là lời A Di Đà Phật tự nói. Lão nhân gia giảng: "*Bốn cõi ba bậc chín phẩm đều là do gặp duyên không giống nhau!*" Càng nghĩ càng thấy lời

6[6] Chúng tôi dịch câu này theo cách diễn giải của pháp sư Bảo Tịnh trong Phật Thuyết A Di Đà Kinh Yếu Giải Thân Văn Ký: "*Kỳ sở cảm Phật phân vi Pháp, Báo, Ứng tam thân. Kỳ sở sanh độ phân Đồng Cư, Phương Tiện, Thật Báo, Tịch Quang tứ độ. Nhất vãng như thị, nhược cánh tấn nhi luận, tắc nhất thân viên cụ tam thân, nhất độ viên nhiếp tứ độ, nhi trì danh công hạnh nhi hữu thien thâm, kỳ vãng sanh liên đài hữu cao đê, cổ tứ độ các phân tam bối cửu phẩm, bất đắc nhất khái chi luận*" (tạm dịch: Đức Phật [mà người vãng sanh cảm được] chia thành ba thân: Pháp Thân, Báo Thân, Ứng thân; cõi nước người ấy sanh về chia thành bốn cõi Đồng Cư, Phương Tiện, Thật Báo, Tịch Quang. Một phen sanh về là như vậy, nếu bàn ở một mức độ cao hơn thì một thân trọn đủ ba thân, một cõi nhiếp trọn bốn cõi; nhưng công hạnh trì danh có sâu hay cạn nên đài sen vãng sanh có cao hay thấp. Vì thế, mỗi cõi đều chia thành ba bậc chín phẩm, chẳng thể nói là giống hết như nhau được!)

giảng ấy có lý! Nếu phàm phu gặp được duyên thù thắng cũng có thể vãng sanh trong Thượng Trung Phẩm, cũng có thể trong một đời sanh về cõi Thật Báo; giống như lời Ngẫu Ích đại sư giảng ở đây: "*Vãng vãng thắng tấn, diệc bất nhất khái*" ([Do công phu tu tập của mỗi người mà] đối với mỗi tầng cấp công phu cảm được đức Phật và cõi nước sẽ sanh về lại càng thù thắng hơn, cũng chẳng thể nói là nhất loạt giống hết như nhau), gặp duyên bất đồng mà! Thanh Văn, Duyên Giác và Bồ Tát nếu không gặp duyên thù thắng cũng chẳng thể sanh vào cõi Thật Báo, cũng không có cách gì vãng sanh trong bậc Thượng được! Bởi thế đều là do "*gặp duyên bất đồng*". Do vậy, chúng ta phải coi trọng cái duyên, phải tiếc quý cái duyên, thực sự chẳng dễ gặp được duyên đâu!

Nay chúng ta có duyên phận với nơi đây, mọi người ở đây nhưng không nhận biết, đúng là "thân hưởng phước, nhưng chẳng biết mình có phước". Quý vị rời bỏ hoàn cảnh này đi qua nơi nào khác thì mới nhận biết [duyên phận tốt đẹp ở nơi đây]. Ở chỗ này, cơm, áo, ăn, ở không phải bận lòng; dầu không dư dật lắm, nhưng đúng là ăn no, mặc ấm, nhà cửa đủ để che nắng đụt mưa, hoàn cảnh an định. Có thể nói là trong xã hội hiện tại, thiên thời, địa lợi, nhân hòa, ba điều kiện này chúng ta đều có đủ, quý vị tìm đâu ra được!

Đạo tràng mỗi ngày giảng kinh, mỗi ngày niệm Phật. Ngay sau khi vừa xây cất xong Niệm Phật Đường chúng ta bèn sử dụng liền, mở rộng cửa suốt hai mươi bốn tiếng đồng hồ. Chúng tôi chọn cách làm theo lời dạy của lão pháp sư Để Nhàn: Niệm mệt bèn nghỉ ngơi! Liều phòng ở gần ngay đó, nghỉ khỏe rồi lại mau chóng dụng công. Muốn nghiên cứu giáo pháp thì nghiên cứu, muốn niệm Phật thì niệm Phật. Không niệm Phật thì nghiên cứu giáo pháp, không học giáo pháp thì niệm Phật. Hoàn cảnh tu học như vậy tìm đâu ra được! Tài liệu trong thư viện nói chung là hoàn bị; có thiếu sót gì chúng tôi đều nghĩ hết mọi cách để thu thập. Ở nơi đây mà không biết quý tiếc duyên phận, hằng ngày bỏ luống uổng, đáng tiếc quá, không còn gì tiếc hơn nữa!

Mọi người phải tự mình phát tâm, chứ không phải do bị người khác ép buộc. Phát cái tâm đầu tiên là truyền thừa chánh pháp của Như Lai. Hiện tại, người giảng kinh thuyết pháp trong thế gian này rất ít, ai nấy đều biết rõ cổ nhân thường nói: "*Nhân năng hoằng đạo, phi đạo hoằng nhân*" (Người có thể hoằng đạo chứ đạo không thể hoằng người). Phật pháp hưng hay suy là do sức người. Phải là người như thế nào? Có đạo đức, có học vấn. Đạo đức là đoạn phiền não, chứng Bồ Đề; học vấn là trừ tà kiến, mở mang trí huệ. Mười phương thiện tín cúng dường đạo tràng này; vì sao họ cúng dường đạo tràng? Hy vọng quý vị có thành tựu, mong mỏi Phật pháp có truyền nhân; không có người truyền, Phật pháp sẽ diệt, chứ không chỉ suy bại đâu! Hy vọng đời đời có người truyền thừa, đó là điều thứ nhất. Chúng

tôi đã tự nghĩ đến điều này, nhưng làm không được vì không có năng lực, chẳng đủ điều kiện hoằng pháp lợi sanh, nên phải quyết định cầu vãng sanh. Đó chính là thành tựu.

Ở phần trên đã nói, một đệ tử Phật chân chánh có hai con đường; cả hai con đường đều là chánh đạo. Trong thực tế, truyền thừa đại pháp của Như Lai không phải là chuyện dễ, chúng tôi tự biết mình không có năng lực ấy! Đức hạnh lẫn học vấn đều không đủ. Khi tôi còn ở Đài Trung, thầy Lý mở lớp dạy giảng kinh, tôi không dám tham gia. Thầy Lý khuyên tôi tham gia, tôi không dám, tự nghĩ mình không hội đủ điều kiện. Lúc thầy Lý lên lớp, bảo tôi: “Ông cứ dự thử xem, nghe một buổi là được rồi!” Tôi đến dự, dự xong, tôi rất cảm động. Với cách học như thế, tôi cân nhắc, so đo năng lực thấy mình cũng kham được nên bèn theo học lớp giảng kinh.

Sau này, thầy Lý bảo tôi: “Chuyện ấy thật khó, thật không dễ dàng. Hoằng pháp lợi sanh phải thông đạt pháp thế gian lẫn xuất thế gian”. Khi ấy, thầy nêu thí dụ về pháp thế gian: “Đừng nói chi khác, chỉ đơn giản là bộ Tứ Khố Toàn Thư, anh có hiểu hết hay không? Trên kệ sách trong giảng đường của chúng ta có một bộ Tứ Khố Toàn Thư và một bộ Tứ Khố Hội Yếu7[7], cả hai bộ đều hoàn chỉnh. Anh có hiểu hết hay không?” Đã thông đạt pháp thế gian rồi, lại còn phải thông đạt Phật pháp. Phật pháp ư? Trong tủ sách có bộ Đại Tạng Kinh, ở đây chúng tôi có mười loại bản in Đại Tạng Kinh khác nhau, không có cách nào hiểu hết, làm không nổi! Chưa kể tôi là kẻ trung niên xuất gia, hai mươi sáu tuổi mới được nghe Phật pháp, ba mươi tuổi mới xuất gia, quá chậm! Không đủ sức! Chúng tôi đọc trong Cao Tăng Truyện thấy tổ sư đại đức các đời xuất gia từ nhỏ, mười lăm, mười sáu tuổi đã có căn cơ vững chắc về kinh sách rồi. Bất luận đức hạnh hay học vấn đều có căn bản tốt đẹp cả! Chúng tôi đúng là kẻ nửa đường xuất gia, mất dê mới sửa chuồng, chỉ có liều chết phát phần nỗ lực, giống như đi học bổ túc8[8], học được chút ít, làm sao có thể hoằng pháp lợi sanh?

7[7] Tứ Khố Toàn Thư (tên đầy đủ là Khâm Định Tứ Khố Toàn Thư) là tổng tập tất cả các tác phẩm văn học của Trung Quốc từ năm 1773 đến 1782, được biên soạn dưới đời nhà Thanh theo lệnh của vua Càn Long, đứng đầu nhóm biên soạn là Kỷ Quân và Lục Tích Hùng. Gọi là Tứ Khố vì sách được chia thành bốn thể loại chính: Kinh, Sử, Tử, Tập. Sách này gồm hơn 10.000 bản thảo từ thời Tiên Tần cho đến những năm đầu đời Thanh. Bộ sách này dày đến 2,3 triệu trang sách và khoảng 800 triệu chữ! Do Tứ Khố Toàn Thư quá lớn, tuổi đã cao, không thể nào có thời gian đọc hết, vua Càn Long hạ lệnh cho triều thần biên soạn một bộ sách khác, có thể nói đơn giản là tóm tắt nội dung trọng yếu của những sách được thu thập trong Tứ Khố Toàn Thư. Công trình này Mẫn Trung và Vương Tế Hoa làm chủ biên, và cũng được chia thành bốn phần Kinh, Sử, Tử, Tập. So với Tứ Khố Toàn Thư, công trình này có giá trị cao hơn vì được biên tập thận trọng và giáo chánh tỉ mỉ hơn.

8[8] Chúng tôi tạm dùng chữ này, tuy không chính xác. Nguyên văn là “bổ tập ban” (補習班, tức cram class), tức là những khóa học nhằm dạy cho học trò một số kỹ năng cần thiết, hoặc chỉ chú trọng một vài môn học đặc biệt, dạy nhồi nhét trong một thời gian ngắn để học sinh có thể trúng tuyển một kỳ thi bắt buộc nào đó như thi tuyển vào đại học hoặc thi lấy chứng chỉ hay giấy phép cho một nghề. Do vậy, nếu dùng chữ “luyện thi” thì cũng không ổn, chúng tôi tạm dùng chữ Bổ Túc vì tại Việt Nam khái niệm “bổ túc văn hóa” hoặc “chuyên tu tại

Vì thế, thầy Lý mới dạy: “Con đường chánh quy chúng ta không đi được, không cách gì đi được, phải đi theo con đường đặc biệt. Con đường đặc biệt ấy là con đường nào? Cầu cảm ứng!” Nói cách khác, cầu Phật, Bồ Tát gia trì. Nếu không cầu Phật, Bồ Tát gia trì, cứ cậy vào sức mình, chắc chắn không thể thành tựu được. Cậy vào Phật, Bồ Tát có được hay không? Chỉ cần quý vị có tâm chân thành, chí thành cảm thông mà! Tôi giữ lấy hai chữ này: Một là Thành, hai là Kính. Từ nhỏ, tôi đã được cha mẹ, thầy giáo, trưởng bối dạy cho chữ Kính, tôi có chữ ấy, kính người, kính sự, kính vật. Còn Thành không đủ, bị phiền não tập khí che lấp chân thành, [có được chữ] Thành là nhờ thầy Lý vun bồi cho tôi. Một đời nhờ vào hai chữ “thành kính” ấy, chân thành đến cùng cực, cung kính đến cùng cực; dùng những điều ấy để cầu cảm ứng.

Vì thế, trên tòa giảng kinh, tôi cũng đã nhiều lần thưa cùng quý vị rồi, tôi đâu có năng lực giảng kinh! Bất quá là lên tòa giảng đưa thân thể cho Phật, Bồ Tát mượn dùng, nhờ Phật, Bồ Tát gia trì, dùng thân miệng tôi để truyền đạt mà thôi. Thật vậy đó! Vì thế, từ nhiều năm qua rất nhiều đồng tu biết rõ, tôi giảng kinh không chuẩn bị sẵn, giảng cái gì cũng không biết. Giảng xong, quý vị hỏi lại, tôi ngơ ngác không biết gì. Có người thâm âm lại cho tôi nghe, tợ hồ mình có nói, Phật lực gia trì mà! Nếu có chút gì tư tâm, có chút lòng danh văn, lợi dưỡng, sẽ không có cảm ứng. Toàn tâm toàn ý hộ trì chánh pháp, vì lợi ích chúng sanh, chẳng vì chính mình. Vì chính mình thì một câu A Di Đà Phật đã đủ rồi, đã thành công rồi, đâu cần phải làm gì khác nữa!

Quý vị phải hiểu rõ đạo lý này, chúng ta phát tâm được Phật, Bồ Tát gia trì thì sự việc không khó khăn gì. Quý vị muốn thực sự được Phật, Bồ Tát gia trì thì phải nhớ kỹ: Tâm chân thành, cung kính đối với hết thầy người, hết thầy sự, hết thầy vật thì mới được cảm ứng. Dùng tâm thái như vậy để cảm thì Phật, Bồ Tát bèn ứng. Hai con đường ấy là nhân duyên hy hữu của chúng ta, bất luận đi theo con đường nào, chỉ cần dùng cái tâm chân thành, tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng, tâm chánh giác, tâm từ bi, sẽ đi được con đường ấy thông suốt.

Vì người khác diễn nói, “*diễn*” là trọng yếu, diễn là tự mình phải làm. Tự mình không làm được, khác nào lặp lại những phương thức và lý luận như kinh Phật đã giảng, còn chính mình chưa từng thử làm; chính mình phải thực hiện để lấy kinh nghiệm. Ngày nay nói đến khoa học thì khoa học xem nặng vấn đề thực nghiệm, ta phải làm được! Nếu thực sự thông hiểu kinh luận thì có thể giảng cho người khác nghe được, còn nếu như chính mình có

chức” cũng mang tính chất học đối phó nhằm giật lấy mảnh bằng theo yêu cầu của cấp trên đòi hỏi. Ở đây, Hòa Thượng dùng chữ này với ý khiêm hư, Ngài nói toàn bộ học vấn Phật pháp của Ngài chẳng có gì, học kinh giáo chỉ là nói cho rõ ràng, đơn giản, rành mạch để người nghe có thể hiểu kinh giáo, hoàn toàn là dựa theo chú giải của người xưa để nói lại, chứ bản thân chẳng hiểu gì về kinh giáo cho mấy!

nghi hoặc sẽ chẳng thể giảng được! Chớ nên làm người khác bị lầm lạc, đừng chỉ sai phương hướng, mục tiêu cho người khác, chịu trách nhiệm nhân quả lớn lắm đấy, mình phải gánh lấy trách nhiệm! Câu chuyện dã hồ Thiên trong nhà Thiên là thật, không giả đâu! Chuyện ấy cảnh tỉnh chúng ta rất mạnh, chớ nói năng bừa bãi, chỉ e nói sai!

Nếu chúng ta không thể thuyết pháp, đối với kinh giáo chưa nghiên cứu kha khá thì cứ khuyên người ta niệm Phật chắc chắn sẽ không sai. Nói cho biết sự cảm ứng của việc Niệm Phật, kể chuyện trong Tịnh Độ Thánh Hiền Lục hay Vãng Sanh Truyện cho người ta biết, nói như vậy là không sai lầm chút xíu nào! Có chỗ nào tốt cho mình thì cũng sẽ tốt cho người, tự lợi, lợi tha. Há chẳng phải là pháp sư Oánh Kha đời Tống bị cảm động bởi Vãng Sanh Truyện đó sao? Thấy người ta ai niệm cũng đều vãng sanh, nên Sư mới hạ quyết tâm: "Ta cũng phải cầu vãng sanh!" Không có chi khác, do thành kính nên cảm được A Di Đà Phật hiện đến. Quý vị thấy Sư ra đi tự tại, tiêu sái đến thế, Ngài vì chúng ta diễn nói đấy! Biểu diễn cho chúng ta xem, chuyện như vậy là thật, không giả đâu. Bởi thế, pháp thế gian hay xuất thế gian đều nằm trong "*thành kính*".

Tôi đã từng thưa với các đồng học, một đời tôi có ba vị thầy tôi hết sức cảm kích, niệm niệm không quên: Tiên sinh Phương Đông Mỹ giới thiệu Phật pháp cho tôi biết, nếu không do thầy, tôi chẳng vào cửa Phật được. Vì sao? Tôi mang lòng bài xích Phật giáo, sách nhà Phật tôi không màng xem. Nếu tiên sinh Phương Đông Mỹ không tiếp dẫn, tôi chẳng có cơ hội này. Tôi học với Chương Gia đại sư ba năm, Ngài dạy tôi "*khán phá, phóng hạ*" (thấy thấu suốt, buông xuống), dạy tôi "*bổ thí*". Trước kia tôi không hề có ý niệm ấy, tôi học Phật có một chút thành tựu như thế này, căn cơ là sáu chữ ấy. Thầy Lý dạy tôi bốn chữ "*chí thành cảm thông*".

Tôi học Phật hơn năm mươi năm, tuân thủ những giáo huấn, cương lĩnh, nguyên tắc thầy dạy ấy, vĩnh viễn không tách lìa. Không chân, không thành thì cả pháp thế gian lẫn xuất thế gian đều không có căn bản, sẽ trôi nổi, dẫu trong mạng có phước báo đi nữa, cũng chỉ là như hoa đàm thoáng hiện, thật đấy, không sai đâu, không có cội rễ mà! Thành kính là căn bản của thế gian lẫn xuất thế gian. Ấn Quang đại sư dạy người ta: "*Đôn luân, tận phạt, nhàn tà, tồn thành*" (Trọn vẹn luân thường, tận hết bốn phạt, dứt lòng tà, giữ lòng thành). Quý vị nghĩ xem: Nếu không có thành kính sẽ làm không được. Nếu có thành kính thì quý vị sẽ hiểu được lời tổ Ấn Quang dạy, sẽ vui sướng, hết sức tự nhiên y giáo phụng hành.

Thấy thấu suốt là thực sự thấu hiểu chân tướng của vũ trụ và nhân sinh, thực sự hiểu thấu chân tướng của xã hội hiện tại, trong xã hội này, trong một đời này, quý vị có thể vĩnh viễn giữ được tâm bình khí hòa, chẳng bị lay động. Chúng sanh làm chuyện tốt bậc bất thiện, quý vị cũng chẳng nổi

nóng, vì sao? Quý vị thấy rất rõ ràng, giống như kinh Pháp Hoa đã nói: "*Như thị nhân, như thị duyên, như thị quả, như thị báo, như thị bốn mặt cứu cánh*" (Nhân như vậy, duyên như vậy, quả như vậy, báo như vậy, gốc ngọn rõ ráo như vậy). Đó là thấy thấu suốt vậy! Dầu thế gian biến hóa như thế nào đi nữa, tâm chúng ta hơi bị ảnh hưởng một tí (nếu không lay động há chẳng phải đã thành Phật rồi hay sao?), nhưng nó không gây ảnh hưởng lớn. Chẳng như lúc chưa học Phật, tâm bị dao động rất lớn, sóng to gió lớn, có lúc cuồng hoan, có khi phẫn nộ. Thấy thấu suốt rồi, dầu cảnh duyên tốt đến đâu cũng chẳng cuồng hoan (vui sướng như phát cuồng), dầu cảnh duyên xấu đến đâu cũng chẳng phẫn nộ, gọn sóng rất nhẹ, không cao. Thường giữ được tâm bình khí hòa, tâm bình đẳng, tâm thanh tịnh sẽ sanh trí huệ. Phải hiểu đạo lý này! Nhất là người niệm Phật, cảnh duyên hiện tiền bèn chấp tay niệm một câu A Di Đà Phật, chuyện gì cũng đều dẹp yên được hết.

Kể đó là mấy câu "*khả vị hoàn cai bát giáo, thụ triệt ngũ thời*" (có thể nói là theo chiều ngang bao trùm tám giáo, theo chiều dọc thấu suốt năm thời), có nghĩa là tín nguyện trì danh bao gồm toàn bộ tất cả Phật pháp. Ngẫu Ích đại sư thuộc tông Thiên Thai bên Giáo, tuổi già quy hướng Phật Di Đà. Lúc trẻ, Ngài học giáo nghĩa Thiên Thai nên trước thuật, diễn giảng đều dùng giáo nghĩa tông Thiên Thai. Tông Thiên Thai nói đến tám giáo "Tạng, Thông, Biệt, Viên, Đốn, Tiệm, Bí Mật, Bất Định". "*Năm thời*" là thứ tự giảng kinh trong bốn mươi chín năm của Thích Ca Mâu Ni Phật, thứ nhất là Hoa Nghiêm, thứ hai là A Hàm, thứ ba là Phương Đẳng, thứ tư là Bát Nhã, thứ năm là Pháp Hoa - Niết Bàn. Niết Bàn là thời tối hậu được giảng trong một ngày một đêm. Năm thời tám giáo là như vậy đó! Toàn bộ Phật pháp của cả đời Thích Ca Mâu Ni Phật đều được bao hàm trong tín nguyện trì danh.

Câu cuối cùng nói rất hay: "*Sở dĩ, triệt để bi tâm, vô vấn tự thuyết, thả thán kỳ nan tín dã*" (Bởi thế, bi tâm triệt để, không ai hỏi tự nói, lại còn than thở sâu xa là pháp khó tin). Kinh Di Đà không ai khái thỉnh, đức Thế Tôn tự mình nói ra, không ai hỏi mà Ngài tự nói. Đó là lòng từ bi đến cùng cực! Các người không biết có một pháp môn tối thù thắng như thế, các người đã không biết đương nhiên chẳng thể hỏi, chẳng hỏi, ta cũng nói. Pháp môn này khó tin, quả thật khó tin. Những tôn giáo thông thường hay nói: "Ai tin sẽ được cứu, người nào tin thì có phước". Áp dụng vào pháp môn Tịnh Độ thì câu nói đó tuyệt hay chẳng thể diễn tả được. Nếu quý vị tin tưởng thì đúng là quý vị có phước, nếu tin thì trong một đời này sẽ thực sự được cứu, siêu phàm nhập thánh! Bởi vậy, nay chúng ta báo ân Phật, báo ân cha mẹ, báo ân thí chủ, báo ân chúng sanh thì có hai phương thức: Một là niệm Phật cầu vãng sanh, hai là truyền thừa Phật pháp.

Học viện này của chúng ta là học viện Tịnh Tông, chúng ta truyền thừa pháp môn Niệm Phật. Kinh điển của chúng ta là năm kinh một luận, quý vị

nất định phải biết năm kinh một luận là căn bản và cơ sở của chúng ta. Phải thành tựu trên cơ sở này, nếu có sức lực dư thừa thì mới có thể lạm dụng các pháp Đại Thừa khác. Nếu không đủ sức, hãy chuyên chú nơi kinh điển của tông mình. Chúng tôi tin rằng nếu quý vị dụng công suốt mười năm nơi kinh điển của tông chúng ta, quý vị sẽ thừa sức học các kinh giáo khác nhằm mở rộng sức ảnh hưởng của giáo nghĩa Tịnh tông, học rộng, dẫn chứng rộng rãi, biện tài vô ngại. Quý vị tiếp xúc biết bao chúng sanh trong xã hội hiện đại chẳng thể không có năng lực thuyết phục. Muốn có đủ sức thuyết phục thì đối với giáo nghĩa của Phật giáo, chẳng những là giảng được giáo nghĩa của một tông mình, mà còn giảng được giáo nghĩa các tông phái, lại còn hiểu biết giáo nghĩa của các tôn giáo khác trên thế giới, cho đến khoa học, triết học, rất nhiều lý luận học thuật và tư tưởng trọng yếu đều phải hiểu rõ thì quý vị mới có thể ứng phó được.

Thế nhưng quý vị phải hiểu: Chẳng học theo cách hiện tại, học theo cách bây giờ là hỏng! Học vẫn phải có thứ tự. Ở Trung Quốc vào thời cổ, phương pháp học tập của đạo Nho và đạo Phật không giống phương pháp hiện tại. Phương pháp hiện tại là vừa bắt đầu đã học rộng nghe nhiều, tôi nghe người ta nói như thế này: Học vẫn hiện thời giống như Kim Tự Tháp, trước hết là rộng, dần dần đến cuối cùng là đỉnh nhọn, đến cuối cùng chuyên dốc sức nơi một môn, tức là từ học rộng tới tinh chuyên. Nhà Phật hoàn toàn ngược lại, mở đầu là thâm nhập một môn. Phật pháp giống như một cái cây to, trước hết mọc rễ (căn bản), rồi sau đây mới phát triển nhánh nhóc, cành, lá, hoa, quả, phát triển như vậy đó. Phát triển như thế là sống động; còn lối học giống như Kim Tự Tháp thì đến tột đỉnh sẽ chẳng thể đột phá, chết cứng. Cây to, thiên niên thân mộc, sống mãi, mỗi năm nảy cành mới, mỗi năm trở hoa mới, kết quả mới, sống động! Vì thế, phải đổ công phu nơi một bộ kinh, một bộ kinh tối thiểu phải học một, hai năm; rễ càng sâu thì tiền đồ mai sau càng lớn. Nếu hạ quyết tâm nơi con đường truyền thừa thì phải học mười năm. Học viện chúng ta dự định chín năm, mỗi năm chuyên đổ công nơi một thứ, trong mười năm ấy, lấy sách vở Tịnh tông làm căn bản, tức năm kinh một luận, trồng rễ cho ổn đã!

Đối với kinh Vô Lượng Thọ, chúng tôi chọn bản hội tập của lão cư sĩ Hạ Liên Cư; thực sự học tập thì phải tham khảo năm bản dịch gốc, nay bản này đã có người chỉnh lý tốt rồi, quý vị không cần phải nhọc công, cứ nghiêm túc nỗ lực nghiên cứu là được. Học kinh Vô Lượng Thọ thì tham khảo bản Vô Lượng Thọ Số của ngài Tiểu Huệ Viễn^{9[9]}, tham khảo bản Chú Giải của lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ, đều là những bản có căn cứ. Quán Vô Lượng Thọ Kinh thì tham khảo bản Tứ Thiếp Số của ngài Thiện Đạo, bản Diệu Tông Sao của

9[9] Tức ngài Tịnh Ảnh Huệ Viễn đời Tùy, gọi là Tiểu Huệ Viễn để phân biệt với Lô Sơn Huệ Viễn (sơ tổ Tịnh tông) đời Tấn.

Thiên Thai đại sư. Xưa kia, tôi đã giảng Tứ Thiếp Số, Tứ Thiếp Số là trước tác của ngài Thiên Đạo. Thiên Đạo đại sư là vị tổ sư đời thứ hai của Tịnh Độ Tông, Ấn Quang đại sư hết sức tán thán. Tương truyền ngài Thiên Đạo là A Di Đà Phật tái lai. Kinh Di Đà thì học các sách Số Sao, Yếu Giải, Viên Trung Sao; đó là ba bản chú giải [trọng yếu]. Đại Thế Chí Niệm Phật Viên Thông Chương thì có bản Số Sao của ngài Quán Đảnh giảng rất tường tận, trong quá khứ tôi cũng đã giảng rồi. Phổ Hiền Hạnh Nguyện Phẩm thì có bản Số của Thanh Lương đại sư, lời Sao của Tông Mật đại sư hết sức phong phú, tức là bản Phổ Hiền Hạnh Nguyện Phẩm Biệt Hành Số Sao. Những bản này chúng ta đã từng ấn hành để lưu thông với số lượng lớn, ở đây chúng ta có đủ cả, những thứ này thuộc về tông của chúng ta mà! Một luận là Vãng Sanh Luận. Đối với những kinh sách của tông mình, quả thật phải học mười năm thì gốc rễ mới sâu dày.

Mười năm sau, nếu quý vị có hứng thú sẽ học qua sách vở của các tông phái khác. Đã định vững căn cơ trong Phật pháp rồi quý vị mới có thể học qua sách vở các tông phái khác cũng như hết thảy học thuật, triết học, khoa học thế gian, khi tiếp xúc sẽ thấy không khó hiểu, vừa tiếp xúc bèn dễ dàng hiểu rõ. Trong việc truyền thừa Phật pháp, quý vị mới gây được căn cơ; phải dùng chân tâm, tâm chân thành cầu Phật, Bồ Tát gia trì. Phải cầu Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật, phải cầu Tỳ Lô Giá Na Như Lai, phải cầu A Di Đà Phật, cầu chư đại Bồ Tát: Văn Thù, Phổ Hiền, Quán Âm, Thế Chí, Di Lặc, Địa Tạng, chư Phật, Bồ Tát gia trì, thì con đường ấy sẽ đi được rất thuận lợi. Nhất định chẳng được kiêu căng, ngạo mạn, quyết định chẳng được có danh văn, lợi dưỡng; đây là ma chướng. Trong tâm quý vị thanh tịnh, bình đẳng, thực sự vì muốn chánh pháp được tồn tại lâu dài, vì lợi ích hết thảy chúng sanh, ma chướng dẫu nhiều quý vị vẫn thuận lợi vượt qua được. Mỗi lần trải qua một ma chướng, tôi tin cảnh giới của quý vị lại được một lần nâng cao thêm.

Vì thế, chúng ta thường phải nghĩ đến chư Phật, Bồ Tát đại từ đại bi, đức Thế Tôn bi tâm triệt để, không ai hỏi mà tự nói. Ngày nay chúng ta thiên duyên¹⁰[10] gặp gỡ, nếu chính mình chẳng chịu phát tâm chân thành là bỏ lỡ rồi, thật đáng tiếc! Chẳng nghiêm túc nỗ lực tu học trong đạo tràng này thì quý vị chướng đạo, tạo nghiệp nơi đạo tràng này. Bởi lẽ trong đạo tràng này chỉ có hai con đường, không thể lưỡng chủng: Không phải là phước thì là tội. Chỉ có hai đường như vậy. Nếu chúng ta ở đây tu phước, tu huệ thì vẫn là tạo tội nghiệp hay sao? Chính bản thân chúng ta phải tự suy nghĩ điều ấy. A! Nay đã hết giờ rồi!

10[10] Thiên duyên (天緣): Duyên gặp gỡ hiếm hoi, lạ lùng. Hòa Thượng dùng chữ thiên duyên (duyên trời cho, không phải là thiện duyên) để nhấn mạnh cơ hội hy hữu, ngàn kiếp khó được này.

Chư vị đồng học!

Hãy xem tiếp tiểu đoạn thứ năm:

"*Ngã đẳng kim nhật do bất khăng tử tâm niệm Phật, nhược dục chấp xao môn ngỗ tử, hướng ốc lý đả thân sinh da nương, tắc ư chư Tổ thành ác nghịch, phi thiện thuận dã*" (Chúng ta ngày nay vẫn không chịu chết lòng¹¹[11] niệm Phật, nếu muốn cầm hòn ngói gõ cửa để chọi cha mẹ ruột đang ở trong nhà thì thành ra ác nghịch đối với chư Tổ, chứ không phải thiện thuận vậy). Mấy câu này thoát nghe qua không dễ hiểu. Ngẫu Ích đại sư đối với những kẻ tập khí tham Thiền chưa đoạn, dẫu niệm Phật vẫn cứ phải khán câu "*niệm Phật thị thùy?*" (người niệm Phật là ai), Tổ đối với những kẻ ấy mà nói như thế. Trong Tông môn tức Thiền Tông, trong đạo tràng Thiền Tông, khóa tối đều niệm kinh A Di Đà, cũng niệm A Di Đà Phật, cũng nhiều Phật, nhưng bọn họ niệm Phật phải đề khởi câu "*người niệm Phật là ai?*"

Câu nói ấy giống như hòn ngói dùng để gõ cửa. Hiện thời không còn dùng hòn ngói để gõ cửa nữa, hiện thời đến cửa nhà ai cũng có chuông điện; quý vị nhấn chuông người trong nhà sẽ biết có khách đến. Hiện nay truyền thông phát triển, bởi thế, chúng ta muốn đến viếng thăm ai đều phải liên lạc trước, trước hết phải gọi điện thoại [cho biết] lúc nào sẽ đến, chẳng cần phải gõ cửa nữa. Trước kia, không có những phương tiện thông tin thuận tiện như vậy, chúng ta đến thăm bè bạn không có cách gì liên lạc trước cả, đến nơi bèn gõ cửa. Ở ngoài cửa, quá nửa là nhà nào cũng có sân, không giống như bây giờ phạm vi cư trú rất nhỏ; trước kia nhà nào cũng có sân, vì thế nhà nào cũng đều có cổng lớn. Cổng lớn chính là cửa trở nơi tường vây quanh sân, từ đấy đi vào trong nhà khá xa.

Khách đến thì làm sao? Phải gõ cửa. Gõ cửa thông thường dùng vòng cửa. Nay quý vị có thể thấy trong tranh vẽ, trên cổng gán hai cái vòng sắt tròn, để làm gì? Dùng để gõ cửa. Phải là nhà giàu mới có, nhà bá tánh bình dân không có những thứ cổng tường tráng lệ như thế; toàn là vách đất thấp, hoặc bện tre làm rào giậu, nhưng vẫn có cổng. Gõ cửa bằng cách nào? Nhặt lấy một hòn ngói hoặc một viên đá dưới đất gõ vào cổng cho người trong nhà nghe tiếng ra mở cổng. Đó gọi là "*xao môn ngỗ tử*" (hòn ngói gõ cửa); tức là một hòn ngói hay một viên đá dùng gõ cổng cho chủ nhân đáp ứng, biết có người đến. Gõ cổng xong bèn quăng viên đá đi.

[Tổ Ngẫu Ích] dùng hình ảnh này để tỷ dụ bậc tổ sư đại đức trong Tông Môn dạy ta khán câu thoát đầu "*người niệm Phật là ai?*" Phía sau câu này

11[11] Tử tâm (chết lòng) là không còn ý niệm so đo mong ngóng, đứng núi này trông núi nọ, trọn hết lòng tin tưởng, chuyên tâm nhất ý niệm Phật, ví von cõi lòng đã nguội lạnh như người đã chết, không còn sôi nổi toan tính cầu may, chấp trước, hoàn toàn bất động trước những lời thuyết giáo dụ hành nhân bỏ pháp môn này tu theo pháp môn khác.

[trong cuốn Di Đà Kinh Yếu Giải Giảng Nghĩa], pháp sư Viên Anh chú giải rất hay: Người tham Thiền vốn dụng ý rất khéo, nếu ta có thể tùy thuận tổ sư đại đức thì phải hiểu ý tổ sư đại đức, câu thoại đầu ấy nhằm kêu gọi chúng ta quay đầu. Nếu ta không hiểu ý tổ sư đại đức: "*Người niệm Phật là ai?*" hằng ngày cứ suy nghĩ lung tung, người niệm Phật rốt cuộc là ai? Ta rốt cuộc là ai? Thì là lầm mất rồi. Đó là câu kêu gọi nghi tình, chứ không phải để khởi vọng tưởng. Rất nhiều khi tham thiền lại biến câu thoại đầu ấy thành vọng tưởng, như vậy là hoàn toàn không hiểu ý tổ sư, lầm mất rồi! Dùng hòn gạch để gõ cửa, bên trong đã có người đáp ứng thì lẽ ra phải rút đi, nay lại cầm trong tay; người ta mở cửa bèn lấy nó chọi người ta, còn ra thể thống gì nữa! Nói như vậy để tỷ dụ những kẻ không hiểu ý tổ sư đại đức, hiểu lầm ý nghĩa, biến thành suy nghĩ lung tung, hoàn toàn phá hoại công phu niệm Phật. Ở phần trên đã giảng về Niệm Phật rất nhiều rồi, mục đích [của niệm Phật] là nhằm cầu nhất tâm bất loạn, quý vị lại thêm vọng tưởng vào, làm sao đạt nhất tâm bất loạn cho được? Làm sao đắc công phu thành thiền được? Câu thoại đầu ấy có nghĩa là "chẳng được xen tạp vọng tưởng"!

"*Tắc ư chư Tổ thành ác nghịch, phi thiện thuận dã*" (Thì thành ra kẻ ác nghịch đối với chư Tổ, chứ không phải là thiện thuận vậy). Về căn bản, quý vị không hiểu ý tổ sư, chẳng biết cách tham cứu lời chỉ dạy của tổ sư nên rớt vào chỗ khởi vọng tưởng nơi ý thức, chuyện như vậy rất nhiều. Tham Thiền: Tham là tham cứu, chứ không phải là nghiên cứu. Người hiện tại chỉ biết nghiên cứu, chứ không thể tham cứu; nghiên cứu là vọng tưởng. Vì sao? Nghiên cứu dùng tâm ý thức, không lìa được tâm ý thức. Tham cứu không dùng tâm ý thức, phải lìa cái tâm ý thức để tham, đó là Thiền. Nếu không lìa được tâm ý thức, lại sử dụng tâm ý thức, bèn trở thành suy nghĩ lung tung, hiểu sai hết ý nghĩa.

Tổ sư thấy quý vị niệm Phật mong giúp quý vị nâng cao cảnh giới niệm Phật; kết quả quý vị bị lầm lạc, phá hủy sạch công phu niệm Phật. Chúng tôi biết rõ tình trạng này nên dạy người tuyệt đối không dùng phương pháp nhà Thiền, cứ chất phác niệm Phật là tốt rồi. Bởi thế, khẩn yếu nhất là "*chết lòng niệm Phật*", "*chết lòng*" (tử tâm) nghĩa là hết thảy tất cả mọi ý niệm đều buông xuống hết, nên gọi là "*tử tâm*" (lòng như chết, ý nói: không còn ham muốn, vọng tưởng, phân biệt lăng xăng nữa). Trong mười hai thời, chỉ một câu Phật hiệu bèn thành công. Niệm được nhất tâm hay không cũng không quan trọng, cốt sao công phu thành thiền thì vãng sanh sẽ nắm chắc. Nói đến nhất tâm bất loạn thì nói thật ra, chưa chắc một đời này chúng ta có thể đạt được. Thế nhưng công phu thành thiền chắc chắn có thể đạt được, vì sao quý vị không làm? Vãng sanh Hạ Hạ Phẩm trong Phạm Thánh Đồng Cư độ cũng viên chứng ba thứ Bất Thoái, cũng là A Duy Việt Trí

Bồ Tát! Điều này chẳng thể nghĩ bàn, pháp khó tin lắm! Đức Phật nói như vậy đây, không phải người bình thường nói đâu! Lại xem tiếp đoạn dưới.

"*Ac nghich chi nhân*" (người ác nghịch), Nghịch là tạo tội Ngũ Nghịch, Ác là tạo Thập Ác, tức kẻ tạo tội Ngũ Nghịch Thập Ác, "*lâm chung thập niệm, nhất niệm, Hạ Hạ phẩm sanh*" (lâm chung mười niệm hay một niệm, vãng sanh Hạ Hạ phẩm). Ở đây, Ngẫu Ích đại sư nêu thí dụ, nêu thí dụ thấp nhất là Hạ Hạ Phẩm vãng sanh. "*Tịnh thị túc nhân thành thực, cố ngộ thiện hữu, văn tiên tín nguyện*" (Đều là túc nhân chín muồi, nên gặp bạn lành, vừa nghe liền tin tưởng, phát nguyện). Qua A Xà Thế Vương Kinh, chúng ta thấy vua A Xà Thế tạo tội Ngũ Nghịch Thập Ác, Quán Kinh nói ông ta giết cha, hại mẹ, câu kết với Đề Bà Đạt Đa phá hòa hợp Tăng; Đề Bà Đạt Đa làm thân Phật chảy máu; đó là hai kẻ ác. Tội nghiệp ấy là tội Vô Gian địa ngục, Đề Bà Đạt Đa đọa vào Vô Gian địa ngục. Vua A Xà Thế lâm chung sám hối, tội Ngũ Nghịch Thập Ác nhưng lâm chung sám hối, đúng là mười niệm hay một niệm bèn vãng sanh; nhưng ông ta không vãng sanh trong Hạ Hạ Phẩm.

Trong kinh ấy, đức Thế Tôn dạy: Vua A Xà Thế vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới thuộc Thượng Phẩm Trung Sanh. Chúng ta đọc đến đoạn kinh này, đúng là hết sức khó tin. Nếu nói là Hạ Hạ Phẩm vãng sanh, chúng ta không hoài nghi, nhưng Thượng Phẩm Trung Sanh chúng ta bèn hoài nghi: "Tạo tội nghiệp nặng dường ấy, niệm Phật vãng sanh trong phẩm vị cao dường ấy, là do đạo lý gì vậy?" Điều này khiến cho chúng tôi nghĩ đến Trung Quốc trong quá khứ có một câu ngạn ngữ: "*Lãng tử hồi đầu kim bất hoán*" (kẻ lãng tử hồi đầu, vàng chẳng đổi được). Ông ta thực sự chân thành sám hối, công đức chẳng thể nghĩ bàn! Bởi thế, chúng ta hiểu rõ: Kẻ Ngũ Nghịch Thập Ác lúc lâm chung mười niệm hay một niệm vãng sanh, tùy thuộc vào sức mạnh của lòng sám hối. Cái tâm sám hối, ý niệm sám hối của người ấy hoàn toàn chân thật, chân thành đến cùng cực thì công đức ấy chẳng thể nghĩ bàn.

Từ chuyện vua A Xà Thế, ta thấy kẻ Ngũ Nghịch Thập Ác lâm chung mười niệm hay một niệm vãng sanh, phẩm vị có thể là từ Hạ Hạ phẩm đến Thượng Trung phẩm, không giống nhau! Xét kỹ người ấy tâm chân thành sám hối, ý niệm chân thành đạt đến mức độ nào, Ở đây, đức Phật cũng dạy chúng ta một câu hết sức hay, Ngài dạy câu gì vậy? "*Tuyệt đối chẳng được coi thường người tạo tội nghiệp*", đúng là phải nghiêm túc tu tập hạnh nguyện thứ nhất của ngài Phổ Hiền "*lễ kính chư Phật*". Đối với những kẻ Ngũ Nghịch Thập Ác, chúng ta phải chân thành lễ kính, vì sao? Không chừng lúc họ lâm chung gặp được thiện tri thức, mười niệm hay một niệm vãng sanh, đến thế giới Cực Lạc phẩm vị cao hơn chúng ta, ta không bằng họ! Nay chúng ta coi thường họ, xem nhẹ họ, tương lai đến Cực Lạc thế giới

gặp mặt nhau cũng ngại ngùng. Chúng ta chỉ biết họ trong một đời này, đâu có biết đời quá khứ.

Nửa đoạn sau, Ngẫu Ích đại sư nói: "*Thử sự vạn trung vô nhất, khởi khả kiển hãnh, Tịnh Độ Hoặ Vãn xích thử tối tường, kim nhân bất khả bất độc dã*" (Việc này trong một vạn [trường hợp], chưa được một [trường hợp], há thể cầu may, sách Tịnh Độ Hoặ Vãn chỉ trích việc này rất tường tận, người hiện thời không thể không đọc vậy). Sách Tịnh Độ Hoặ Vãn nay được gộp trong bộ Tịnh Độ Thập Yếu, Tịnh Độ Thập Yếu là tác phẩm do ngài Ngẫu Ích biên tập. Nói thật ra, người Ngũ Nghịch Thập Ác lúc lâm chung vãng sanh đều là do túc nhân chín muồi, công phu tu Tịnh nghiệp trong quá khứ rất giỏi, lẽ ra được vãng sanh, vì sao không được? Lúc lâm chung gặp phải chướng duyên! Đây là điều chúng ta phải hết sức chú ý, phải cẩn thận. Người niệm Phật lúc lâm chung, người tại gia trông thấy con cái, cháu chắt trong nhà, nhất là những đứa cháu mình thương mến, lúc lâm chung sắp mất, cháu đến kêu rộ, bông không được. Thế là xong! A Di Đà Phật đến đón, thấy như vậy, Phật lại đi, người ấy không theo được.

Vì thế, các sách Sức Chung Tu Tri (những điều cần biết để giúp đỡ người lâm chung) và Sức Chung Tân Lương (hướng dẫn trợ niệm lâm chung) dạy chúng ta khi đưa tiễn người vãng sanh, giúp người niệm Phật vãng sanh thì trong lúc đó tốt nhất chẳng cho người chết thấy mặt người nhà thân quyến. Nếu luận trên mặt tình cảm con người thì thật rất khó nói, gặp mặt lần cuối mà! Nhưng trong Phật pháp, làm nhiều loạn người chết e gây tổn hại. Bởi thế, lúc đó tốt nhất là không gặp mặt. Lúc nào mới được gặp mặt? Đợi tám giờ sau khi tắt thở mới lại gặp mặt là an toàn nhất. Vô cùng hữu lý! Lúc đó, sợ nhất là bị nhiễu loạn, người nhà quyến thuộc khó thể chia tay, khiến cho nhân duyên được A Di Đà Phật tiếp dẫn bị lỡ làng; ngoài ra còn có oán thân trái chủ, người chết trông thấy nấy lòng oán ghét, tâm sân hận phát khởi, đều là chướng duyên!

Bởi thế, lúc đưa người đi vãng sanh, phải khuyên họ nên an tường, rất lắng tịnh, chung quanh đều là bạn bè trong nhà Phật, mỗi người đều niệm Phật tiễn đưa. Những gì người chết trông thấy, nghe thấy đều là Phật hiệu, nhắm mắt hay mở mắt đều thấy tượng A Di Đà Phật. Lúc người ấy mắc bệnh nặng, phải để tượng Phật ở cuối chân giường, người ấy nằm nhìn xuống, nhắm mắt mở mắt đều thấy tượng Phật, chứ không phải là treo tượng Phật trên đầu nằm. Treo trên đầu nằm, có mở mắt cũng không thấy được tượng Phật. Phải hiểu như vậy! Có thể treo ba bức hình Phật là tốt nhất, vì sao? Nhìn phải, nhìn trái, nhìn xiên đều thấy Phật, nhất định phải chú ý, mở mắt ra, quay đầu về đâu cũng đều thấy được tượng Phật. Người ấy tai nghe tiếng niệm Phật, đề khởi chánh niệm, chẳng thể dẫn khởi tình chấp, chẳng thể dẫn khởi phiền não, điều này trọng yếu hơn bất cứ điều gì khác vậy!

Người tạo tác tội nghiệp mười niệm hay một niệm vãng sanh là do phước trong đời quá khứ chẳng nhỏ, lúc lâm chung vẫn tỉnh táo, không mê hoặc chút nào, rất bình thường, đây là điều kiện tiên quyết để được vãng sanh. Nếu tạo tác tội nghiệp quá nặng, lúc lâm chung sẽ mê hoặc, điên đảo, trợ niệm không chắc giúp được, rất khó vãng sanh. Bởi thế, điều kiện đầu tiên vào lúc lâm chung là “thần trí sáng suốt”. Điều kiện thứ hai là gặp được bạn lành, “cho nên gặp bạn lành”. Điều kiện thứ ba là “nghe rồi bèn tín nguyện”. Ba điều kiện như vậy! Đúng là ba điều kiện này trong một vạn trường hợp chưa gặp được một, trong một vạn người tìm không ra được một người.

Điều này khiến chúng ta phải đề cao cảnh giác. Bình thường, lúc hiện thời, tinh thần, thể lực chúng ta còn khá lắm, nhất định phải biết đoạn ác tu thiện. Cổ nhân nói rất hay: Thường phải dùng cái tâm trách móc người khác để trách móc chính mình; dùng cái tâm khoan thứ (khoan dung, tha thứ) đối với bản thân để khoan thứ người khác, có như vậy chính mình mới có thể thành tựu đức hạnh. Biết khoan thứ người khác, biết trách móc chính mình, sửa lỗi đổi mới, tu thiện tích đức, có phước chẳng hưởng, hễ hưởng bèn bị mê hoặc. Có phước báo cứ để cho người khác hưởng! Trong thế gian, người khổ nạn rất nhiều, sự khổ nạn rất nhiều, hãy nên tận tâm tận lực giúp đỡ người khác, hoan hỷ tu bố thí cúng dường, chỉ mong cầu một việc: Lúc lâm chung không bị bệnh khổ, lúc lâm chung thần trí sáng suốt, niệm Phật vãng sanh, chỉ cầu như vậy thôi. Như vậy là chân thật nhất, ngoài ra chuyện gì cũng giả cả, không có gì chân thật hết. Chỉ có mỗi một pháp này là chân thật, ngàn vạn lần chớ nên để lỡ dịp!

Chúng ta trông thấy, đọc thấy, người suốt đời tạo tác ác cũng có thể vãng sanh, nhưng ngàn vạn phần chẳng được nẩy sanh lòng cầu may: “Gã nọ tạo ác nghiệp lâm chung vẫn có thể vãng sanh, mình tạo thêm một ít ác nghiệp có ăn nhằm gì đâu! Lâm chung mình cũng như hắn, cũng được vãng sanh mà!” Không đơn giản như vậy đâu! Người ta trong đời quá khứ đã tu tập, tích lũy nghiệp nhân vãng sanh, còn mình có hay không? Nếu trong đời đời kiếp kiếp quá khứ chưa từng tu, hoặc tu không đủ, kinh Di Đà dạy “*bất khả dĩ thiếu thiện nhân, phước đức, nhân duyên, đắc sanh bỉ quốc*” (chẳng thể dùng chút thiện căn, phước đức, nhân duyên để được sanh về cõi ấy). Ngũ Nghịch Thập Ác lúc lâm chung gặp được thiện hữu, vừa nghe nói liền tin tưởng ngay, lập tức phát nguyện, đó là do thiện căn trong đời quá khứ tới lúc ấy phát hiện, khởi tác dụng. Nếu trong quá khứ đã không có những thiện căn như thế, làm sao có thể vãng sanh cơ chứ? Phước đức là gì? Phước đức là lúc lâm chung sáng suốt, tỉnh táo, không mê hoặc, không điên đảo, ấy là phước đức. Do thiện căn, phước đức, bèn có thiện hữu đến khuyên lơn, trợ niệm, quý vị thấy đó: Thiện căn, phước đức, nhân duyên

thầy đều đầy đủ, chẳng những đầy đủ mà còn nhiều nữa! Thiện căn nhiều, phước đức nhiều, nhân duyên nhiều, chẳng phải là chuyện dễ!

Quý vị hãy tự suy nghĩ: Trong tương lai, lúc quý vị lâm chung, quý vị có gặp được thiện tri thức hay không? Có người trợ niệm cho mình hay không? Đều là câu hỏi [bỏ ngỏ] cả! Chúng ta trông thấy có ai lâm chung, phát nguyện trợ niệm giúp người ấy, đó là chuyện tốt, gieo nhân đầy! Tôi thường giúp người khác trợ niệm, vui thích giúp người khác trợ niệm, tương lai lúc lâm chung (nhân quả mà!) ắt có người khác đến trợ niệm cho mình. Nhân thế nào, quả thế ấy, nghiệp nhân quả báo mảy may chẳng sai! Chúng ta chẳng thích giúp người khác trợ niệm, đến lúc chính mình lâm chung, e rằng không ai đến trợ niệm cho mình. Dầu hiện nay có mấy niệm Phật, nhưng đến lúc lâm chung, thể lực của chính mình không còn nữa, dù bên gối đặt mấy niệm Phật vẫn phải nhờ vả người khác, không có ai giúp mình thì cũng uổng công thôi!

Con người sống trong thế gian nhất định phải là một người tốt, nhất định phải kết thiện duyên cùng hết thầy chúng sanh, chuyện này trọng yếu hơn bất cứ gì khác. Bởi thế, ở đây tổ sư nhắc nhở chúng ta: "*Trọn chẳng được ôm lòng cầu may*". Quả thật có chuyện đó (tức chuyện người tạo tội lâm chung niệm Phật vãng sanh), nhưng chẳng được đánh bạc với số phận, ngay từ bây giờ phải nghiêm túc, phải nỗ lực tu hành đi! Cụ Hạ Liên Cư thường khuyên người khác "*thật thà niệm*". "*Thật thà*" là không hoài nghi, không xen tạp, không gián đoạn. Lại xem tiếp đoạn kể:

"*Đương tri thủ kinh, tự tự giai Hải Ấn tam-muội, Đại Viên Kính Trí chi linh văn dã, duy niệm chí nhất tâm bất loạn, tắc năng siêu tam giới, phục phiền não, phá vô minh dã*" (Nên biết kinh này, mỗi chữ đều là Hải Ấn tam-muội, là bản văn thiêng liêng của Đại Viên Kính Trí, chỉ niệm đến nhất tâm bất loạn ắt có thể vượt thoát tam giới, chế ngự phiền não, phá vô minh). Đây là lời tán thán kinh điển, pháp môn đến mức cùng cực. Chữ Hải (biển) tỷ dụ Chân Như Bản tánh, từng chữ đều là tự tánh tam-muội, Ấn là ấn chứng, chứng minh. Từng chữ từng câu trong kinh đều từ tự tánh tam-muội của đức Thế Tôn lưu xuất, là kinh văn thiêng liêng về Đại Viên Kính Trí. Đại Viên Kính Trí là trí huệ Bát Nhã sẵn có trong tự tánh, trí huệ Bát Nhã trong tự tánh chính là bản thể của tự tánh, là bản thể của Chân Tánh. Tự tánh có vạn đức vạn năng. Trong tự tánh, hết thầy tướng hảo đều là tác dụng của nó. Nếu dùng khái niệm Thể, Tướng, Dụng của kinh Hoa Nghiêm để luận thì Bát Nhã là Thể, tức là bản thể của tự tánh; đức năng là Tướng, tức tướng trạng của tự tánh; tướng hảo là Dụng của tự tánh. Đức năng có thể hiện, có thể biến, tướng hảo là sở hiện (cái được hiện), sở biến. Thể, Tướng, Dụng [của tự tánh] là như vậy đấy!

Kinh văn do tự tánh Bát Nhã lưu lộ; nếu chúng ta hiểu rõ đạo lý này, thông đạt chân tướng sự thật này, quý vị mới coi kinh này là của báu,

không có pháp thế gian hay xuất thế gian nào có thể sánh bằng! Chúng ta phải hiểu như vậy. Đúng là chúng sanh đời Mạt Pháp là khổ được vui, vượt thoát tam giới lục đạo, một đời viên mãn Bồ Đề, chỉ có một con đường thông suốt, chỉ có một pháp môn, công đức lợi ích không gì sánh bằng, không có gì có thể so sánh được. Tuyệt diệu thay! Trong phần sau, đại sư nói mấy câu rất hay: "*Duy niệm chí nhất tâm bất loạn*" (chỉ có niệm đến nhất tâm bất loạn), chúng ta thực sự thực hiện, niệm đến nhất tâm bất loạn bèn siêu thoát tam giới, vượt thoát luân hồi lục đạo. Chế phục phiền não là Sự nhất tâm bất loạn. Trong ba câu ấy, "*vượt thoát tam giới lục đạo*" là công phu thành phẩm, sanh vào Phạm Thánh Đồng Cư độ, vượt thoát lục đạo; "*chế phục phiền não*" là Sự nhất tâm bất loạn, sanh vào Phương Tiện Hữu Dư độ; "*phá vô minh*" là Lý nhất tâm bất loạn, sanh vào Thật Báo Trang Nghiêm độ, thật là chẳng thể nghĩ bàn!

Chớ nghĩ cuốn kinh này mỏng tanh, nếu quý vị niệm rất thuộc thì đọc một lượt từ đầu đến cuối chỉ năm phút là xong, nhưng kinh này có đức dụng chẳng thể nghĩ bàn; quý vị có hiểu rõ hay chẳng? Nếu thực sự hiểu rõ, quý vị có học được hay không? Quý vị có tinh tấn hướng đến mục tiêu "*nhất tâm bất loạn, tâm không điên đảo*" hay chẳng? Có vậy mới thực sự giải quyết vấn đề được! Những bộ đại kinh đại luận, lý luận, phương pháp rất nhiều, không có gì đơn giản, dễ dàng như thế này, thưa thật cùng quý vị, chưa chắc kinh nào có hiệu quả bằng kinh này, phải hiểu rõ ràng như vậy. Hiểu rõ ràng là thấy thấu suốt, thấy thấu suốt rồi mới có thể buông xuống được. Vì sao quý vị chưa buông xuống được, không chịu buông xuống? Vì quý vị chưa thấy thấu suốt, bởi thế buông xuống không được. Lại xem tiếp đoạn kể:

"*Sở trì danh hiệu*" (danh hiệu được trì), "*danh hiệu*" là Nam-mô A Di Đà Phật, "*chân thật bất khả tư nghị*" (chân thật chẳng thể nghĩ bàn), danh hiệu ấy là danh hiệu của Chân Như tự tánh. Niệm một câu danh hiệu thì không có gì khác cả, chính là đem Chân Như tự tánh niệm ra. Chúng ta là phàm phu luân hồi trong lục đạo từ bao kiếp lâu xa đến nay, mê mất Chân Như bản tánh; nay Phật dạy chúng ta dùng sáu chữ hồng danh để phá mê khai ngộ, tìm lại Chân Như tự tánh! Đây là biện pháp đơn giản nhất, ổn thỏa, thích đáng tột bậc, rất thẳng chổng. Danh hiệu này có ý nghĩa là vô lượng trí, vô lượng giác, trong phần trên tôi đã thưa cùng quý vị rồi! Vô Lượng Thọ Phật hoặc A Di Đà Phật, đều có nghĩa là Vô Lượng Trí hay Vô Lượng Giác. Vô Lượng Trí là tự thể của Chân Như bản tánh, Vô Lượng Giác là đức dụng của Chân Như bản tánh. Một câu danh hiệu này khôi phục tự tánh, bởi thế, nó thực sự chẳng thể nghĩ bàn!

"*Năng trì chí tâm tánh, diệt chân thật bất khả tư nghị*" (Tâm tánh năng trì cũng thực sự chẳng thể nghĩ bàn), "*tâm tánh năng trì*" chính là cái tâm chân thành niệm Phật hiện tại của chúng ta. Cái tâm chân thành ấy chính là

cái chân tâm đang bị mê, mê những gì? Vọng tưởng, phân biệt, chấp trước là mê. Chúng ta chưa đoạn hết vọng tưởng, phân biệt, chấp trước; nhưng nay đã giác ngộ rồi, chúng ta muốn niệm Phật. Cái ý niệm niệm Phật ấy là chân thành, trong ý niệm niệm Phật ấy chẳng phải là vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, tâm niệm Phật là tâm chân thành, tâm chân thành chẳng thể nghĩ bàn!

"*Trì nhất thanh tắc nhất thanh bất khả tư nghị, trì thập, bách, thiên, vạn, vô số thanh, thanh thanh bất khả tư nghị dã*" (Trì một tiếng là một tiếng chẳng thể nghĩ bàn, trì mười, một trăm, một ngàn, một vạn, vô số tiếng thì mỗi tiếng đều chẳng thể nghĩ bàn!) Rất đáng tiếc là ít ai biết được chân tướng sự thật này! Bởi thế, người niệm Phật nhiều, nhưng kẻ không biết niệm sẽ chẳng đạt được cảnh giới này. Từng tiếng đều chẳng thể nghĩ bàn, tiếng tiếng đều tương ứng, tương ứng thì mới chẳng thể nghĩ bàn. Chúng ta nghe cổ đức nói đã quen tai: "*Nhất niệm tương ứng nhất niệm Phật, niệm niệm tương ứng niệm niệm Phật*". Như thế nào mới là tương ứng? Chúng tôi thường hay nói [như thế này] nhất: Mỗi tiếng Phật hiệu đều ứng với tâm, nguyện, giải, hạnh của A Di Đà Phật, trong mỗi một câu Phật hiệu đều đầy đủ tâm - nguyện - giải - hạnh của A Di Đà Phật, chẳng thể nghĩ bàn! Hoặc có thể nói đơn giản hơn một chút (tâm - nguyện - giải - hạnh của A Di Đà Phật không dễ hiểu, nếu quý vị chưa thấu triệt kinh Vô Lượng Thọ, đúng là không thể hiểu được), chúng tôi nói đến mức đơn giản nhất là tương ứng với tâm Phật. Bây giờ chúng tôi lại quy nạp, giảng đơn giản hơn nữa, cũng không đến nỗi khó hiểu lắm là "*tâm chân thành, tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng, tâm chánh giác, tâm từ bi*". Có thể tương ứng mười chữ ấy cũng là chẳng thể nghĩ bàn. Mười chữ ấy là tánh đức của tự tánh, dùng một câu A Di Đà Phật để niệm ra tánh đức của tự tánh, khiến cho tánh đức của tự tánh được thực hiện trong cuộc sống thường nhật, chẳng phải là huyền học, mà là thật học, tức là thực sự khởi tác dụng.

Trong đoạn cuối cùng, Ngẫu Ích đại sư khẩn thiết đến cùng cực, quý vị thấy đó "*Phục nguyện*" (Cúi nguyện), nhằm mục đích gì? Tổ sư đại đức cung kính kính quỳ dưới đất, dập đầu trước quý vị, nay chúng tôi nói là Ngài lễ bái quý vị, "*Truy, tố, trí, ngu*" (kẻ tăng, người tục, kẻ trí, người ngu), Truy (緇: áo thâm, áo đen) là người xuất gia, Tố (素: áo trắng) là người tại gia, ["*truy tố*"] là tứ chúng đồng học tại gia lẫn xuất gia, Trí là lợi căn, Ngu là độn căn. Quý vị là Thượng Thượng căn cũng được, là Hạ Hạ căn cũng xong, "*ư thử giản dị trực tiếp, vô thượng viên đốn pháp môn, vật thị vi nan, nhi triếp sanh thoái ủy*" (đối với pháp môn giản dị, thẳng chóng, vô thượng viên đốn này chớ nghĩ là khó rồi vội sanh lòng lui sụt, chối từ): Đối với pháp môn Niệm Phật này, đối với phương pháp tu hành mà kinh Vô Lượng Thọ đã dạy chúng ta, thẳng chóng, ổn thỏa, thích đáng, nhanh chóng, đúng là đại

pháp môn vô thượng chí viên chí đốn, chớ nghĩ là quá khó. Vì sao? Nếu nghĩ là quá khó chúng ta sẽ không chịu tu, sẽ chối từ, thoái thác, mà cũng chớ nghĩ nói nó là quá dễ!

"*Vật thị vi dị, nhi mạn bất cần sách*" (Chớ coi là dễ để rồi lẫn khân, không siêng năng, răn nhắc chính mình hãy nỗ lực). "*Sách*" (策) là cảnh sách (cảnh tỉnh, thúc đẩy mình nỗ lực), Cần (勤) là siêng năng, tinh tấn. Chẳng được nghĩ pháp này quá dễ, nghĩ quá dễ ắt sẽ lười nhác, không gắng công. Phải tích cực, phải nỗ lực! "*Vật thị vi thiên*" (Chớ nghĩ là cạn), chẳng được nghĩ pháp này quá nông cạn! Coi là quá nông cạn sẽ không thềm để vào mắt, chuyện này dễ phạm nhất. Những kẻ tự coi mình thuộc thành phần tri thức, thích những kinh to luận lớn, đối với kinh A Di Đà dạy niệm A Di Đà Phật đúng là họ không buồn để vào mắt! Thật là lầm lẫn, sai lầm ngay trước mắt! Lầm lẫn ngay nơi pháp môn chí viên chí đốn khôn sánh này, đáng tiếc quá phải không? "*Vật thị vi thâm, nhi phất cảm thừa đương*" (Chớ nghĩ là sâu rồi chẳng dám gánh vác), cũng chẳng được nghĩ pháp này quá sâu. Thấy pháp này quá sâu, quý vị sẽ chẳng dám đảm đương, lầm rồi! Phải sửa đổi những căn bệnh ấy đi!

Chúng ta xem câu nói "*phục nguyên truy tổ trí ngu*" cảm thấy như thế nào? Chí thành khẩn thiết khuyên dạy chúng ta! Chúng ta phải biết tốt xấu, phải cảm kích ân đức của tổ sư đại đức răn dạy, đúng là buốt lòng rất miệng khuyên dạy chúng ta, chúng ta vẫn không giác ngộ, vẫn cứ hoài nghi, vẫn chẳng biết quý tiếc, lầm lẫn quá đỗi, cô phụ tổ sư! Nhân địa (địa vị trong khi tu nhân) của tổ sư chúng tôi không biết, nhưng chúng tôi trộm nghĩ Ngài chắc chắn là Phật hay Bồ Tát tái lai; không phải là Phật hay Bồ Tát sẽ không thể nói được như vậy. Lời ấy nào phải con người nói, phải là lời chư Phật Như Lai nói. A! Bây giờ đã hết giờ rồi, chúng tôi giảng đến đây thôi!

Trung Phong Tam Thời Hệ Niệm Pháp Sự Toàn Tập Giảng Ký, Phần 9 hết

^{12[1]} "Nội hạnh nhân" là người thực sự tu tập, thông hiểu pháp môn, thật tu, thật chứng, khác với "ngoại hạnh nhân" là người chỉ biết lý thuyết chung chung, nói xuông.

^{13[2]} Hội ý: Một trong sáu cách tạo chữ của tiếng Hán, ghép hai hay nhiều chữ lại để tạo thành một chữ mới. Chẳng hạn chữ Niệm ở đây gồm hai chữ Kim và Tâm ghép lại. Hoặc như chữ Minh (明: sáng) được ghép bởi hai chữ Nhật (日) và Nguyệt (月).

^{14[3]} Công lợi chủ nghĩa (Utilitarianism) là một học thuyết còn gọi là Maximum Happiness do John Stuart Mill và Jeremy Bentham đề xướng, nội dung chủ yếu coi mưu cầu hạnh phúc là mục đích rốt ráo, không cần biết đến phải sử dụng phương tiện nào.

^{15[4]} Thanh Quy theo nghĩa gốc là những quy định và khuôn phép nhằm đảm bảo những hành vi ứng xử của con người đúng chừng mực, phù hợp lễ nghi nhằm đảm bảo sự an định trong xã hội. Vào đời Đường, kể từ khi tổ Bách Trượng Hoài Hải lập ra Thiền Môn Thanh Quy cho đạo tràng của Ngài tại núi Bách Trượng, khắp các tông lâm Phật giáo đều tuân thủ những quy định này, Thanh Quy trở thành một thuật ngữ chỉ riêng những quy định về oai nghi và cách ứng xử trong nhà Phật. Thậm chí, sau này Đạo Giáo cũng bắt chước lập ra những quy tắc cộng tu và cũng gọi là Thanh Quy.

^{16[5]} Trục dịch: Dịch sát mặt chữ, kinh chép sao, dịch vậy, không lược bớt hay rút gọn những ý tưởng rườm rà, trùng lặp.

^{17[6]} Chúng tôi dịch câu này theo cách diễn giải của pháp sư Bảo Tịnh trong Phật Thuyết A Di Đà Kinh Yếu Giải Thân Văn Ký: "*Kỳ sở cảm Phật phân vi Pháp, Báo, Ứng tam thân. Kỳ sở sanh độ phân Đồng Cư, Phương Tiện, Thật Báo, Tịch Quang tứ độ. Nhất vãng như thị, nhược cánh tấn nhi luận, tắc nhất thân viên cụ tam thân, nhất độ viên nhiếp tứ độ, nhi trì danh công hạnh nhi hữu thiền thâm, kỳ vãng sanh liên đài hữu cao đê, cố tứ độ các phân tam bối cứu phẩm, bất đắc nhất khái chi luận*" (tạm dịch: Đức Phật [mà người vãng sanh cảm được] chia thành ba thân: Pháp Thân, Báo Thân, Ứng thân; cõi nước người ấy sanh về chia thành bốn cõi Đồng Cư, Phương Tiện, Thật Báo, Tịch Quang. Một phen sanh về là như vậy, nếu bàn ở một mức độ cao hơn thì một thân trọn đủ ba thân, một cõi nhiếp trọn bốn cõi; nhưng công hạnh trì danh có sâu hay cạn nên đài sen vãng sanh có cao hay thấp. Vì thế, mỗi cõi đều chia thành ba bậc chín phẩm, chẳng thể nói là giống hệt như nhau được!)

^{18[7]} Tứ Khố Toàn Thư (tên đầy đủ là Khâm Định Tứ Khố Toàn Thư) là tổng tập tất cả các tác phẩm văn học của Trung Quốc từ năm 1773 đến 1782, được biên soạn dưới đời nhà Thanh theo lệnh của vua Càn Long, đứng đầu nhóm biên soạn là Kỳ Quân và Lục Tích Hùng. Gọi là Tứ Khố vì sách được chia thành bốn thể loại chính: Kinh, Sử, Tử, Tập. Sách này gồm hơn 10.000 bản thảo từ thời Tiên Tần cho đến những năm đầu đời Thanh. Bộ sách này dày đến 2,3 triệu trang sách và khoảng 800 triệu chữ! Do Tứ Khố Toàn Thư quá lớn, tuổi đã cao, không thể nào có thời gian đọc hết, vua Càn Long hạ lệnh cho triều thần biên soạn một bộ sách khác, có thể nói đơn giản là tóm tắt nội dung trọng yếu của những sách được thu thập trong Tứ Khố Toàn Thư. Công trình này Mẫn Trung và Vương Tế Hoa làm chủ biên, và cũng được chia thành bốn phần Kinh, Sử, Tử, Tập. So với Tứ Khố Toàn Thư, công trình này có giá trị cao hơn vì được biên tập thận trọng và giáo chính tỉ mỉ hơn.

^{19[8]} Chúng tôi tạm dùng chữ này, tuy không chính xác. Nguyên văn là "bổ tập ban" (補習班, tức cram class), tức là những khóa học nhằm dạy cho học trò một số kỹ năng cần thiết, hoặc chỉ chú trọng một vài môn học đặc biệt, dạy nhồi nhét trong một thời gian ngắn để học sinh có thể trúng tuyển một kỳ thi bắt buộc nào đó như thi tuyển vào

đại học hoặc thi lấy chứng chỉ hay giấy phép cho một nghề. Do vậy, nếu dùng chữ “luyện thi” thì cũng không ổn, chúng tôi tạm dùng chữ Bồ Túc vì tại Việt Nam khái niệm “bồ túc văn hóa” hoặc “chuyên tu tại chức” cũng mang tính chất học đối phó nhằm giật lấy mảnh bằng theo yêu cầu của cấp trên đòi hỏi. Ở đây, Hòa Thượng dùng chữ này với ý khiêm hư, Ngài nói toàn bộ học vấn Phật pháp của Ngài chẳng có gì, học kinh giáo chỉ là nói cho rõ ràng, đơn giản, rành mạch để người nghe có thể hiểu kinh giáo, hoàn toàn là dựa theo chú giải của người xưa để nói lại, chứ bản thân chẳng hiểu gì về kinh giáo cho mấy!

^{20[9]} Túc ngài Tịnh Ảnh Huệ Viễn đời Tùy, gọi là Tiểu Huệ Viễn để phân biệt với Lô Sơn Huệ Viễn (sơ tổ Tịnh tông) đời Tấn.

^{21[10]} Thiên duyên (天緣): Duyên gặp gỡ hiếm hoi, lạ lùng. Hòa Thượng dùng chữ thiên duyên (duyên trời cho, không phải là thiện duyên) để nhấn mạnh cơ hội hy hữu, ngàn kiếp khó được này.

^{22[11]} Tử tâm (chết lòng) là không còn ý niệm so đo mong ngóng, đứng núi này trông núi nọ, trọn hết lòng tin tưởng, chuyên tâm nhất ý niệm Phật, ví von cõi lòng đã nguội lạnh như người đã chết, không còn sôi nổi toan tính cầu may, chấp trước, hoàn toàn bất động trước những lời thuyết giáo dụ hành nhân bỏ pháp môn này tu theo pháp môn khác.

